

ĐẠO PHẬT
TRONG
ĐỜI SỐNG
(TẬP II)



THIỆN PHÚC

THIỆN PHÚC

ĐẠO PHẬT
TRONG
ĐỜI SỐNG
Buddhism In Life
BOOK II



Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại
Oversea Vietnamese Buddhism

LỜI GIỚI THIỆU

Lời giới thiệu cùng quý chư đọc giả.
Quyển sách này của Thiện Phúc viết ra,
Mấy trăm trang để giải lý Phật Đà.
Gồm chung kết gần một trăm đề mục.
Lời phân giải để tỏ tường trong đục.
Được nghe lời giảng dạy của chư Tăng.
Hiểu biết rành những giới cấm điều răn,
Là bốn phận người tu cần vâng giữ.
Lòng Bác Ái phương tiện dùng ngôn ngữ.
Mới viết ra thành quyển sách khuyên đời.
Hầu thức tâm chúng sanh khắp mọi nơi.
Biết Phật pháp, hiểu rành từng chi tiết.
Khen Thiện Phúc chí công mài miệt.
Vừa đi làm, giờ rảnh rồi góp công,
Soạn viết ra phát xuất tự đáy lòng.
Muốn ai nấy đều thức tâm tỉnh ngộ.
Đã chỉ rõ nơi đâu là Tịnh Độ.
Và nơi đâu là Cực Lạc Niết Bàn,
Và thế nào Địa Ngục chốn Trần Gian.

Đường siêu đọa tự nơi ta tìm lấy.
Đức Phật dạy khắp chúng sanh cả thảy,
Phật tánh đều cùng giống hết như nhau.
Dù Á Âu sắc tóc khác màu da,
Cũng máu đỏ, nước mắt chung đều mặn.
Đồng con Phật chớ biệt phân đen trắng.
Vì chung qui tánh giác vẫn quang minh.
Khắp muôn loài vạn vật cả chúng sanh.

Nếu tỉnh ngộ, quyết tu, sau thành Phật.
Giải yếu lý nói những lời chân thật,
Vừa khuyên đời, mà cũng nhắc khuyên mình.
Mong làm sao chứng đắc quả Vô Sanh,
Mới thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.
Mong quý vị hãy để tâm xem thử.
Quyển sách này thật ích lợi vô cùng.
Để trau dồi giới đức học tu chung.
Lời đúc kết của nhiều sư thuyết pháp,
Lý thâm diệu ai nghe đều phù hợp.
Pháp vị này chẳng thụ hưởng riêng mình,
Nay phổ truyền khắp bá tánh nhân sanh.
Lời ngọc ngữ kim ngôn thầy giảng dạy,
Được gom kết những lời hay lẽ phải,
Hầu khuyên người sớm thức tỉnh tu tâm.

Dứt bỏ đi những tội lỗi sai lầm,
Là toại chí, toại lòng con mong ước.
Thầy giới thiệu ai hữu duyên xem được,
Quyển sách này thật ích lợi vô cùng.
Cần phổ truyền bá tánh chúng sanh chung,
Nhờ công đức người ra công soạn viết.

California ngày 15 tháng Giêng năm 1996

Đức Pháp Chủ

Hòa Thượng Thích Giác Nhiên

***ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI
SỐNG CỦA CHÚNG TA***

Đạo lý uyên thâm khó thể lường.
Phật pháp truyền lưu toàn thế giới.
Trong ngoài tam thế khắp cùng nơi.
Đời đạo viên dung lý vô thường.
Sống chung tu học tâm chơn lý.
Của cả bao loài trong vũ trụ.
Chúng sanh tiên Phật đồng chung tính.
Ta Bà giác ngộ thoát lần ra.

California ngày 22 tháng Giêng năm 1996

Cư Sĩ Minh Bình

MỤC LỤC

A. LỜI GIỚI THIỆU

B. LỜI MỞ ĐẦU

C. NHỮNG Ý NIỆM VỀ ĐẠO PHẬT

124. Thế Nào Là Đại Hùng, Đại Lực,
Đại Từ Bi Trong Đạo Phật?
125. Nhận Biết Chân Tâm
126. Đạo Phật, Vũ Trụ Và Khoa Học
127. Phật Giáo Và Chú Đà La Ni
128. Tính Tụ Mãn từ Đâu Có?
129. Phật Pháp Thâm Thâm Vi Diệu
130. Phật Tánh Bất Sanh Bất Diệt
131. Đạo Phật Và Sự Giác Ngộ
132. Thần Thông Trong Phật Giáo
133. Chánh Pháp Giải Thoát
134. Lúc Nào Thì Chúng Ta Mới Bị Đọa
Địa Ngục?
135. Đạo Phật Và Việc Thờ Cúng Tổ Tiên
136. Đạo Phật Và Sự Truyền Giáo
137. Kiến Tánh
138. Phật Học Và Học Phật Có Khác Nhau Không?
139. Tứ Nhiếp Pháp
140. Tại Sao Phật Hiện Ra Nơi Đời
141. Đức Phật Và Con Đường Hạnh Phúc
142. Nhân Sinh Quan Của Đạo Phật
143. Lục Đạo Mà Phật Đã Nói Trong Loài Hữu Tình
144. Bốn Loài Hữu Tình

145. Ba Cõi
146. Ngũ Thừa Trong Đạo Phật
147. Đi Tu Là Đi Chăn Trâu
148. Đạo Phật Bắt Đầu Từ Đâu?
149. Sống Tỉnh Thức
150. Phân Thân Trong Khi Tu Học
151. Tu Là Phải Biết Chứng Diện
152. Phật Đã Thực Sự Diệt Độ Chưa?
153. Bốn Sự Thật Cao Quý
154. Khái Niệm Về Tu Hành Và Gia Đình Có Gắn Liền nhau Không?
155. Sự Lựa Chọn Cách Sống Của Người Phật Tử
156. Tám Con Đường Cao Quý Đưa Ta Đến Giác Ngộ
157. Người Phật Tử Tại Gia
158. Năm Món Diệu Hương Để Cúng Phật
159. Phật Giáo Và Việc Thờ Hình Tượng
160. Đạo Phật Là Đạo Của Ai?
161. Tại Sao Phải Tín Ngưỡng Tam Bảo?
162. Bố Thí Và Bỏ Sẻn
163. Làm Sao Để Có Cuộc Sống An Vui Và Hạnh Phúc Ở Đời Này?
164. Cái Gì Làm Cho Ta Đau Khổ Nhiều Nhất?
165. Tại Sao Gọi Đạo Phật Là Đạo Vô Thượng?
166. Lục Hòa
167. Mười Điều Lành Trong Đạo Phật
168. Hoa Vô Ưu
169. Tình Thương Trong Đạo Phật
170. Có Phải Lạy Phật Là Cầu Ngài Ban Cho Ta Sự Bình An Hay Không?
171. Thế Nào Là Sắc Tức Thị Không,

Không Tức Thị Sắc?

172. Làm Thế Nào Để Chấm Dứt Luân Hồi?
173. Có Một Đấng Thần Linh Tối Cao Không?
174. Một Ngày Sống Yêu Thương Là Một Ngày Sống Hạnh Phúc
175. Thế Nào Là Cuộc Sống Đạo?
176. Bát Quan Trai Giới
177. Tìm Phật Ở Đâu?
178. Phật Giáo Và Hạnh Phúc Gia Đình
179. Ý Nghĩa Của Câu Chú 'Án Ma Ni Bát Di Hồng'
180. Tiểu Thừa, Đại Thừa
181. Đức Phật Thích Ca Đã Độ Ai Và Sẽ Độ Ai?
182. Tại Sao Sau Mỗi Thời Khóa Tu Chúng Ta Luôn Hồi Hương?
183. Tại Sao Nói Tu Là Phản Quang Tự Kỵ?
184. Đạo Phật Là Một Tôn Giáo Hay Là Một Triết Lý?
185. Tôi Đến Với Đạo Phật
186. Tìm Hiểu Về Các Danh Xưng Trong Đạo Phật
187. Yếu Lý Của Đạo Phật
188. Người Phật Tử Việt Nam Và Quan Niêm Về Chữ Thiện
189. Cái 'Dục' Nó Làm Ta Khổ Như Thế Nào?
190. Lười Biếng Và Trụy Lạc Là Bạn Của Khổ Đau
191. Đạo Phật Bi Quan Hay Lạc Quan
192. Tại Sao Người Tu Theo Đạo Phật Phải Dưỡng Tánh? Mà Dưỡng Tánh Nào?
193. Ta Học Được Gì Ở Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát?
194. Mười Đại Nguyện Trong Bài Sám Phổ Hiền
195. Tứ Hoằng Thệ Nguyện
196. Nhơn Quả Trong Đạo Phật
197. Những Chàng Cùn Tử

198. Người Phật Tử Và Cái Tâm Xả
199. Tội Và Phước Với Người Phật Tử
200. Nghiệp Báo Và Người Phật Tử
201. Sự Khác Biệt Giữa Đạo Phật Và
Các Tôn Giáo Khác
202. Người Phật Tử Và Cái Tâm Từ
203. Người Phật Tử Và Cái Tâm Bi
204. Người Phật Tử Và Cái Tâm Hỷ
205. Những Đức Tánh Tốt Của Người Phật Tử
206. Thế Nào Là Thanh Tịnh Trong Đạo Phật?
207. Lời Hay Trong Lễ Đạo

LỜI MỞ ĐẦU

Kính Thưa Quý Đạo Hữu,

Giáo pháp của Phật thật là thâm thâm vi diệu; cho dù có suốt đời học hỏi cũng chưa chắc gì chúng ta có thể thâm nhập được một phần Kinh, Luật, và Luận mà Đức Từ Phụ và các Thầy Tổ đã để lại. Bởi vì thấy rằng vào bất cứ thời nào và bất cứ ở đâu, những lời Phật dạy vẫn luôn là những chân lý không thể nghĩ bàn, nên sau khi hoàn tất quyển Đạo Phật Trong Đời Sống Tập I, tôi đã được sự khuyến khích của nhiều đạo hữu nên tiếp tục cho ra quyển II. Trong quyển Đạo Phật Trong Đời Sống Tập II này, chúng tôi cũng xin mạo muội ghi lại những gì mình đã học hỏi được từ Phật Kinh, cũng như qua các buổi giảng pháp của Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, các chư Thượng Tọa Thích Minh Đức, Thích Minh Mẫn, Thích Nguyên Hạnh, Thích Viên Lý, Thích Minh Đạt, và chư Đại Đức Thích Từ Lực và Thích Phụng Sơn.

Kính Thưa Quý Đạo Hữu,

Tôi luôn tin rằng với quyết tâm và thiện chí giúp đỡ và cùng nhau tu trì thì chắc chắn một ngày không xa, chẳng những thế giới chúng ta sẽ không còn là thế giới Ta Bà nữa, mà cái chuyện chúng ta sẽ gặp nhau ở đất Phật là chuyện đương nhiên thôi. Tôi cũng hi vọng rằng quyển sách nhỏ này sẽ góp một phần làm vơi đi nước mắt của khổ đau. Hi vọng sau khi các bạn đã đọc quyển sách nhỏ này thì các bạn cũng sẽ thấy được cái lợi lạc như tôi đã thấy: với đức sáng Từ Bi của Đức Thế Tôn, cho dù hoàn cảnh có khó khăn cơ cực đến đâu, cơn giông tố đêm Đông rồi cũng sẽ qua, mùa Xuân rồi sẽ đến, mặt trời rồi sẽ mọc.

Kính Thưa Quý Đạo Hữu,

Cho dù những điều đã ghi là những lời dạy của quý thầy và tham biện từ Phật Kinh; tuy nhiên, không làm sao mà tránh cho khỏi những thiếu sót và sai biệt nhau về chánh kiến, vì giáo lý Phật thì quá thâm thâm, mà sức người thì chẳng khác nào một hạt cát trên bãi sông Hằng. Tôi mong rằng những người cầm trên tay quyển sách này đều là những tâm hồn hướng thượng, thì những thiếu sót và sai biệt chánh kiến, dù có cũng chỉ là những hạt sương mai trên đầu cỏ đối với quý vị. Quý vị sẽ mỉm cười mà đồng ý với tôi rằng cái mà chúng ta đang đi tìm ở đây là cái đẹp của một tâm hồn Phật, chứ không phải là những cái thiếu sót hoặc sai biệt tầm thường này.

Tôi xin chân thành kính tặng những người tôi quen, cũng như không quen; những người đang có lẽ sống và ngay cả những người đang đi tìm lẽ sống cho hiện tại và tương lai của mình. Cái hoài bão nho nhỏ của tôi là mong rằng tất cả chúng ta đều sẽ tìm thấy đuốc sáng cho chính mình để soi cho rõ những kỳ hoa dị thảo trên con đường đi đến Đất Phật, và hẹn một ngày không xa nào đó chúng ta sẽ tái ngộ ở một nơi mà không còn sanh diệt.

Cuối cùng, chúng tôi kính mong chư tôn, thiên đức, pháp hữu ân nhân, và các bậc thức giả cao minh vui lòng bổ chính cho những sai lầm thiếu sót để Pháp Giới Chúng Sinh đều hưởng sự lợi lạc.

Viết Tại California
Mùa Hè Năm 1995

THIỆN PHÚC

124. THẾ NÀO LÀ ĐẠI HÙNG, ĐẠI LỰC, ĐẠI TỪ BI TRONG ĐẠO PHẬT?

Sở dĩ những lời dạy của Đức Phật, đã trải qua hơn hai mươi lăm thế kỷ nay, mà càng ngày càng trở nên phong phú là nhờ ở những bản sắc đặc thù của giáo lý nhà Phật. Ngay thời Đức Phật còn tại thế, từ trong lòng của xã hội thời bấy giờ, lúc mà hạng cùng đinh chỉ là nô lệ và phải chịu khuất phục dưới uy quyền của thần linh và giai cấp quý tộc, thì Đức Thế Tôn đã tuyên bố rõ giá trị ưu việt của con người và Ngài đã khẳng định rằng con người có khả năng giác ngộ và thành Phật. Chính Ngài đã tuyên bố rằng mọi người đều bình đẳng vì mọi người đều có Phật tính, và không thể có giai cấp nào khác hơn giai cấp nào trong khi máu của mọi chúng sanh cùng đỏ và nước mắt của mọi chúng sanh đều cùng mặn như nhau.

Đức Phật cũng khẳng định rằng không những những người Phật tử chỉ tin vào sự bình đẳng suông mà họ còn phải thể hiện, nuôi dưỡng và phát triển nó bằng cái đại hùng, đại lực, và đại từ bi của pháp nhà Phật. Chính cái đại hùng, đại lực, đại từ bi này đã giúp cho Phật giáo chẳng những trường tồn trải qua hơn hai mươi lăm thế kỷ nay, mà nó còn giúp Phật pháp phát huy và đứng vững trước những khoa học tiến bộ của nhân loại.

Vậy thế nào là đại hùng? Với phàm phu thì người tài giỏi, có thể điều binh khiển tướng, trăm trận trăm thắng là hùng. Cái Hùng của phàm phu là khuất phục cho bằng được đối phương để được danh tiếng. Tuy nhiên, đối với Phật giáo, Đức Phật dạy rằng: “thắng vạn quân không bằng khuất phục được tham vọng và dục tình trong lòng ta.” Thế gian kim cổ chỉ khuất phục người bằng uy quyền và võ lực, chứ có mấy ai khuất phục nổi cái dục tình trong lòng của mình. Chính thái tử Tất Đạt Ta đã điều ngự lòng mình tinh sạch và thanh tịnh. Tất cả nội chướng ngoại ma

đều tan tành như mây khói trước sức mạnh đại định của Ngài. Trong thì Ngài dứt sạch hết ma nội tâm, dục vọng và tham sân si; ngoài thì Ngài chiến thắng tất cả ma vương, ma nữ, ác thú cũng như những trận cuồng phong. Quả thật là Ngài đã thực hiện đúng cái câu: “chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình. Chiến thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất.” Chiến thắng tham vọng dục tình nơi chính mình để đạt cho được sự thanh tịnh và an nhiên tự tại trước ngoại cảnh ấy mới chính là đại hùng.

Thế nào là đại lực? Thói thường, người có sức mạnh phi thường được gọi là đại lực sĩ. Nhưng theo đạo Phật, chữ đại lực không có nghĩa như vậy; mà đại lực là người có sức mạnh nội tâm, có nghị lực chịu đựng, có đức nhẫn nhục khắc phục mọi hoàn cảnh, cảm hóa chẳng những cho chính mình mà còn cảm hóa được tha nhân nữa. Vào thời Đức Phật còn tại thế, chính vua A Xà Thế, Đề Bà Đạt Đa, và chàng Vô Nã đã bao phen tìm cách hại Ngài, thế mà Phật vẫn thản nhiên, chẳng buồn phiền mà còn phát tâm thương xót cảm hóa họ nữa. Cô gái giả bụng chứa để vu oan, mạ nhục Ngài trước hàng vạn thính chúng. Thế mà Ngài vẫn lặng thinh và bình thản rải tâm từ bi thương sót cho chúng sanh mê muội. Cuối cùng Ngài đã độ cho cô gái đáng thương ấy. Đức Thế Tôn đã gặp không biết bao nhiêu là chướng duyên và nghịch cảnh, thế mà tất cả đều tiêu tan bất thành trước trí huệ và định lực của Ngài. Ngài quả là một bậc đại lực. Chính Ngài đã nói rằng nhẫn nhục khiêm tốn không có nghĩa là khiếp nhục, mà trái lại chúng là đạo quân trung thành đưa ta đến thanh tịnh và rốt ráo. Trong kinh chính Đức Phật đã khẳng định: “Kẻ ác có tâm hại người hiền chẳng khác gì rải cát trước mặt trong gió ngược, thế nào rồi cát cũng sẽ bay tạt vào mặt mình. Hoặc giả kẻ ác hại người hiền cũng giống như mình cầm đuốc mà đi gió ngược vậy, lửa sẽ tự cháy tay mình trước.” Như thế cho thấy ai có nghị lực sẽ thản nhiên trước những chướng ngại

thiếu đạo đức của người khác, sẽ bình tâm trước những thị phi đổ ky. Ấy chính là bậc đại hùng. Gọi người đã tự chế được mình là bậc đại hùng vì chẳng những tự thắng mình là vẻ vang hơn chiến thắng vạn quân, mà không có ai có thể đánh bại được con người đã biết tự chế.

Thế nào là đại từ bi? Đại từ bi có nghĩa là lòng thương bao la rộng lớn, bủa khắp đến muôn loài. Ấy là lòng vị tha vô bờ bến. Người có lòng đại từ lúc nào cũng để tâm thương xót và nghĩ đến người khác. Mà nghĩ và thương xót một cách bình đẳng chứ không phân biệt thân sơ hay bạn thù. Người có lòng đại bi lúc nào cũng muốn làm cho người khác được an vui hạnh phúc. Như lòng mẹ thương con vô bờ bến cũng có thể gọi là đại bi. Mẹ thương con mà không nghĩ đến thân mình, không hề nghĩ đến sự đền đáp. Thế nhưng khi con cái có trái nghịch bất hiếu và làm những điều tổn hại đến danh giá gia đình thì cha mẹ còn có lúc cũng buồn giận. Nhưng lòng từ bi của Đức Thế Tôn nó bao la, nó rải khắp, nó chẳng bao giờ phân biệt chúng sanh nào với chúng sanh nào. Lòng từ bi của Đức Phật nó như ánh trăng rằm rải khắp vạn vật, bình đẳng, không phân biệt, không điều kiện. Phật lúc nào cũng thương chúng sanh hơn tự thương mình khi chính Ngài đã nói: “Nếu ta không vào địa ngục thay thế và cứu chúng sanh thì ai thay ta vào.” Còn Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát đã phát nguyện: “Địa ngục chưa trống không, ta thề không thành Phật.” Hay mười hai lời phát nguyện cứu khổ cứu nạn của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, hoặc mười đại nguyện cứu chúng sanh thoát ly khổ não của Ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Hoặc giả lời phát nguyện đại bi của Ngài Tôn Giả A Nan: “Trong đời ngũ trước, tôi nguyện vào trước. Nếu còn chúng sanh nào chưa thành Phật, tôi không nhận lấy quả vị Niết Bàn.” Đó là những tấm gương đại bi trong đạo Phật. Bất cứ ai trong chúng ta, một khi đã phát tâm Bồ Tát thì đều nên có tâm đại bi cứu khổ cứu nạn như các vị Địa

Tạng, Quán Âm, Phổ Hiền, và Tôn Giả A Nan. Chính nhờ ở lòng đại bi của Đức Thế Tôn mà Ngài đã giáo hóa không biết bao nhiêu là những kẻ nghịch duyên và ngay cả những người ngoại đạo, trong đó có các vị Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, A Nan, Nan Đà, A Xà Thế, Đề Bà Đạt Đa, và Tu Bạt Đà La.

Tóm lại với lòng đại hùng, đại lực và đại từ bi, Đức Phật chẳng những tự mình giải thoát, mà Ngài còn để lại cho nhân loại và chúng sanh một triết lý và tôn giáo vĩ đại. Bất cứ ai, nếu có đủ đại hùng, đại lực và đại từ bi thì nội tâm sẽ thanh tịnh và tự tại trước chướng duyên nghịch cảnh. Nghĩa là cảnh giới Niết Bàn cạnh kề đâu đấy.

125. NHẬN BIẾT CHÂN TÂM

Mục đích việc tu học của ta là đạt được giác ngộ và thành Phật quả, nghĩa là trở về với cái chơn như thường trụ của ta, nghĩa là cố gắng thấy cho được cái kiến tánh. Thấy được kiến tánh là thấy được tánh giác hay tâm Phật của mình. Như vậy tâm đó ở đâu và làm sao để thấy được nó? Mỗi khi nói về đạo Phật là nói về cái tâm của con người. Đạo Phật khai mở cho chúng ta biết thế nào là chơn tâm và làm sao để sống với cái chơn tâm ấy ngay trong cuộc sống hằng ngày chứ không phải đợi đến lúc về với cảnh giới Niết Bàn tịnh tịch.

Thường ta thấy sự việc đến rồi đi, hiệp rồi tan, tan rồi tụ, sanh rồi diệt, trẻ rồi già. Nhưng cái gì thấy? Có phải ta thấy hay không? Xin thưa chả có ta nào thấy cả, mà chỉ có cái tánh thấy biết nó cho ta thấy và biết những sự việc xảy ra quanh ta thế thôi. Nếu ta chấp là ta thấy thì quả là một lầm lẫn tai hại vô cùng. Tại sao vậy? Tại vì khi ta chấp là ta thấy thì cái mà ta gọi là tâm đó, nó sẽ dẫn dắt ta đi vào những khu rừng vô minh và từ

đó ta sẽ quanh quẩn mãi trong sanh tử luân hồi chẳng bao giờ có ngày ra.

Tuy nhiên, thấy sự vật như thế nào? Thấy sự vật như sự thật của nó, nghĩa là nhìn sự vật bằng cái nhìn ‘như thị,’ thấy sông, nói sông; thấy núi, nói núi, thế thôi. Cái tánh thấy biết ấy nó cho ta biết ta đang làm gì. Ngoài ra, nó còn cho ta có được cuộc sống hiện tại và sống một mình của ta. Sống một mình ở đây không có nghĩa là tự nhốt mình và tự cô lập lấy mình. Mà là sống an trú với hiện tại, cho dù ở ngay chốn phồn hoa đô hội. Dù bất cứ đâu ta vẫn có thể sống được với cái tâm Phật của mình, nếu ta chịu cố gắng tu hành. Hãy chiêm nghiệm bài học trong kinh ‘Người Sống Một Mình,’ thì ta sẽ thấy quý trọng cái hiện tại của ta vô cùng:

Đừng tìm về quá khứ
Đừng tưởng tới tương lai
Quá khứ đã qua rồi
Tương lai thì chưa tới
Hãy quán chiếu sự sống
Trong giờ phút hiện tại
Sống chơn thật hiện tại
Kẻ thức giả an trú
Vững chãi và thanh thoi
Phải tinh tiến hôm nay
Kẻo ngày mai không kịp
Cái chết đến bất ngờ
Không thể nào mặc cả
Người nào biết an trú
Đêm ngày trong chánh niệm
Thì Mâu Ni gọi là
Người biết sống một mình.

Ấy là cái cách sống một mình của những ai biết an trú trong chánh niệm. Hãy sống trọn vẹn trong hiện tại bằng cách thoát ra khỏi những ý tưởng vô ích. Ai cũng phải có ý tưởng; tuy nhiên, ta chỉ nên giữ lấy những ý tưởng chuyên môn có thể cho ta những hiểu biết để giúp ta, giúp người mà thôi. Đừng nên giữ lấy những ý tưởng mê lung. Tu là loại bỏ đi những ý tưởng mê lung; tu là dừng, là dừng nghĩ đến những ý nghĩ vô ích. Tu là định tâm, đừng để cho các tạp khí và các thói quen xấu ác nó bám lấy ta. Tu là biết ta đang làm gì. Tu không có nghĩa là dừng suy nghĩ, nhưng mà chỉ suy nghĩ những điều thiện, chứ không suy nghĩ những điều xấu ác. Chỉ suy nghĩ những điều đúng, chứ không suy nghĩ những điều tà vạy. Tu để thấy rằng chỉ có sự thấy biết chứ không phải ta thấy biết, để mà đánh tan đi cái ngã chấp cố hữu của ta. Tu để đạt được chánh niệm, chánh định. Tu để thấy rằng chân tâm của ta luôn có mặt và ta quyết đi theo cái chân tâm của ta để thoát cho ra khỏi cái vòng lẩn quẩn của luân hồi sanh tử. Hãy chiêm nghiệm lời dạy của Đức Thế Tôn trong Kinh Pháp Cú:

Trong vòng sống chết vô tận
Ta chạy mãi không nghỉ ngơi
Từ bào thai này qua bào thai khác
Hãy đuổi theo người chủ ngôi nhà
Mà rằng:
Chủ nhà, ta thấy người rồi
Người không thể cất nhà lại được đâu!
Kèo cột gãy hết rồi
Mái sườn sụp đổ hết
Tâm là hết tạo tác
Tất cả diệt trừ xong.

Chủ nhà ở đây là hành uẩn, hay là những ý tưởng khởi dậy. Nếu ta biết sớm gạt nó qua một bên thì chúng ta không phải mãi

quanh quẩn trong đường luân hồi sanh tử trong kiếp tương lai, mà ngay ở kiếp này ta cũng được sống với cái hạnh phúc bao la. Chúng ta sẽ cảm thấy như chính chúng ta đang hòa nhập vào dòng sông, hoặc là nước biển bao la, hoặc là bầu trời vô tận. Ôi thật là hạnh phúc biết bao!

Khi chúng ta thật sự sống với cái tánh thấy biết, chúng ta sẽ vô cùng linh hoạt, sẽ tham gia vào mọi sinh hoạt gia đình và xã hội. Tuy nhiên, lúc ấy chúng ta sẽ luôn luôn trong sáng, nhanh nhẹn, bén nhạy, tỉnh thức, và thấy mọi sự việc rất rõ rệt. Làm chuyện gì đúng ra chuyện đó. Sống với chân tâm còn có nghĩa là:

Tại mắt nói là thấy
Tại tai gọi là nghe
Tại mũi gọi là ngửi
Tại miệng gọi là nói
Tại tay gọi là nắm giữ
Tại chân gọi là đi đứng.

Tu như vậy gọi là thấy rõ chân tâm. Lúc gặp Phật thì nói Phật; lúc gặp La Hán thì nói La Hán; gặp tổ nói tổ; gặp nga quý nói nga quý. Ta đạo nát hết tất cả các nơi mà không bao giờ mắc vướng phải một vọng niệm.

Descart, một triết gia nổi tiếng của Tây phương, đã nói “Tôi suy tư, tôi hiện hữu,” nhưng tội nghiệp thay cho cái ông Descart, khi ông ta suy tư mông lung thì tâm ông chỉ rong ruổi theo những niệm, những vui vui, buồn buồn, thương thương, ghét ghét; chứ ông nào có biết đến ông đâu. Xin hãy đừng suy nghĩ mông lung, thì lúc ấy chúng ta mới thật sự sống, lúc ấy chúng ta mới thật sự thấy được cái hiện hữu của chính ta. Lúc ấy chúng ta mới thật sự sống cho ta và cho người.

Hãy thực hành chánh niệm thì tự nhiên tâm ta sẽ lắng dịu, ta sẽ cảm thấy thương yêu và quý trọng mình và quý trọng người

hơn. Chừng đó ta sẽ cảm thấy cuộc sống này tràn đầy nguồn sống. Ta sẽ sống cho ta và cho người. Thấy biết chân thật là kho báu cho cuộc sống. Với tánh ấy, thay vì thương yêu ích kỷ và dục lạc, chúng ta sẽ thương yêu chúng sanh. Một khi đã thấy biết chân thật thì tự nhiên ta sẽ ích bản sển hơn và những ích kỷ, tị hiềm ganh ghét trong ta tự nhiên tan biến. Cái thấy biết chân thật nó cho ta biết thật chúng ta đang nghĩ gì, đang làm gì. Thí dụ như lúc đèn sáng, ta thấy, mà khi đèn tắt rồi cái tánh thấy biết vẫn còn đấy chứ có mất đi đâu. Tuy nhiên, ta không chịu khó để ý thấy biết rồi hàm hồ nói là không thấy gì. Quả tánh thấy biết chân thật là một sự kỳ diệu và nó luôn luôn có mặt bên ta.

Khi chưa tu, ta chỉ thấy ta hay, ta đúng. Sau khi tu rồi, ta trở về với cái tánh thấy biết chân thật của ta, thì ta sẽ thấy cả hai mặt tốt và xấu, đúng và sai. Khi thấy như vậy là ta có cơ hội sửa chữa được những sai trái của ta. Khi ta thật sự sống với cái tánh thấy biết chân thật, thì cho dù đi đến bất cứ đâu, ở nhà, ở chợ, chúng ta đều thấy mình là một không gian bao la và tĩnh lặng. Tất cả những hoạt động diễn ra một cách thoải mái an nhiên, chứ không bị gò bó.

Như vậy muốn được cái tánh thấy biết chân thật ta phải làm sao? Xã hội này nó làm cho chúng ta phải quay cuồng trong đó. Nếu ta không hội nhập vào, thì ta sẽ bị nó đào thải, mà hội nhập vào thì ta phải quay cuồng bán loạn. Vậy ta phải làm sao bây giờ? Hãy theo lời Đức Tôn Sư đã chỉ dạy. Hãy thiền quán để được cái tương đối tĩnh. Để đừng bị những cái quay cuồng nó tiếp tục lôi cuốn ta vào khu rừng Vô Minh không có lối ra. Chỉ có thiền quán mới tâm ta được định tĩnh, từ đó phát sanh trí huệ, và đưa ta ra khỏi khu rừng vô minh tăm tối mà thôi.

Ngoài ra, chính cái tánh thấy biết hay chân tâm ấy giúp ta có được cuộc sống tự do thật sự. Thế nào là cuộc sống tự do thật sự? Sống tự do thật sự là trong cuộc sống hằng ngày chúng ta

không bị cái gì trói buộc cả. Gông cùm xiềng xích bên ngoài có lúc ta còn thoát được, chứ tham sân si, ngã mạn, cống cao thì không biết đến bao giờ ta mới thoát được chúng đây. Một khi mà ta chưa diệt được tham sân si, thì ta hãy còn sống trong tù ngục. Thí dụ như ai đó nói lời khiếm nhã, mà sân si ta nổi lên, ấy là ta đang mất tự do, ta đang bị người kia sai khiến. Nói cho cùng ra là ta đang bị người kia nhốt ta vào ngục tù của sân si.

Tóm lại, xin hãy sống trong chánh niệm và sống an trụ trong hiện tại thì lòng ta sẽ cảm thấy thanh thơi, là mỗi bước chân ta, dù hoa sen chưa nở, nhưng ta thật sự sống trọn vẹn với cái tâm Phật của ta. Lúc ấy ta làm cái gì cũng bằng trí huệ, chứ không bằng sự sợ hãi. Ấy mới thấy đạo Phật là đạo của tâm giải thoát chứ không là tâm rong ruổi.

126. ĐẠO PHẬT, VŨ TRỤ, VÀ KHOA HỌC

Vũ trụ từ thời bắt đầu khai triển đến nay tính được theo khoa học đã có trên mười lăm tỷ năm với biết bao thăng trầm biến đổi. Từ sau vụ nổ lớn (Big Bang), vũ trụ đã không ngừng biến chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác. Theo đạo Phật thì vũ trụ không có bắt đầu và vô cùng tận, nhưng luôn luôn biến chuyển theo luật vô thường qua bốn giai đoạn: Thành (mới xuất hiện), Trụ (có mặt), Hoại (hư hao), Không (tan biến). Tất cả những Thành, Trụ, Hoại, và Không này đều do các yếu tố kết cấu với nhau mà Phật giáo gọi là duyên. Hễ duyên thuận thì Thành và Trụ, ví bằng duyên nghịch thì Hoại và Không, thế thôi. Và cứ mãi như thế, chứ không ai sinh ra mà cũng không ai diệt. Nói cách khác, vũ trụ cứ theo luật Vô Thường mà thành hình, có mặt, tàn tạ, rồi tan rã và cứ thế hết chu kỳ này đến chu kỳ khác, chứ không có thủy có chung gì cả.

Đức Phật đã dạy rất rõ ràng về tính duyên khởi của vạn pháp, rất đơn giản và dễ hiểu. Tất cả mọi thứ đều nương nhau mà xuất hiện, hễ gặp thuận duyên thì kết hợp, mà nghịch duyên thì tan rã để tạo ra một chu kỳ khác. Theo triết lý nhà Phật thì không có gì sanh ra hay do ai sanh ra; không có gì diệt hay do ai diệt. Triết lý này đã được các nhà vật lý học chứng minh là hoàn toàn đúng theo luật bảo tồn năng lượng. Và cũng chính các nhà khoa học ngày nay đã tìm ra được bằng chứng cụ thể để chứng minh cái thấy của Đức Phật cách nay trên hai ngàn năm trăm năm là hoàn toàn đúng: Vũ trụ mãi mãi có mặt, nhưng biến chuyển không ngừng qua các giai đoạn xuất hiện, phát triển, tàn tạ rồi tan rã, để rồi lại xuất hiện, phát triển, tàn tạ rồi tan rã và cứ thế mãi mãi không cùng tận.

Tóm lại, Phật giáo từ xưa, bây giờ và mãi mãi về sau này cũng sẽ vẫn vậy. Hễ nói đến Phật giáo là nói đến khoa học. Phật giáo không bao giờ chấp nhận bất cứ nguyên lý nào mù mờ thiếu khoa học. Phật giáo sẽ không bao giờ chấp nhận có một ai đó có quyền năng tạo thiên lập địa cũng như hủy thiên phá địa (tận thế). Mà tất cả mọi biến chuyển đều tuân theo luật vô thường. Ở chúng sanh thì ta gọi là sinh, trụ, dị, diệt (sinh, lão, bệnh, tử). Ở thiên nhiên và vũ trụ thì gọi là thành, trụ, hoại, không và cứ như thế không ngừng nghỉ.

127. PHẬT GIÁO VÀ CHÚ ĐÀ LA NI

Tất cả những pháp mà Đức Thế Tôn đã vạch ra đều có một công năng như nhau - chuyển hóa những mê mờ thành giác ngộ. Dù chỉ là một lời nói ngắn, một khi Phật đã nói ra thì Ngài cũng hàm ý muốn chuyển hóa chúng sanh. Đức Thế Tôn đã dùng đủ thứ phương tiện, nhưng chung qui vẫn là trăm sông đổ bể. Nghĩa là pháp của Phật chỉ có một mục đích duy nhất là chỉ dạy cho nhứt thiết chúng sanh đều trọn thành Phật Quả. Thế cho nên Thiền, Tịnh Độ, Mật Tông, hay bất cứ một tông phái Phật giáo nào cũng đều có chung một công năng. Hễ ta chuyên hành trì thì Phật Quả sẽ không xa.

Chú Đà La Ni nói riêng cũng nhằm mục đích ấy mà thôi. Đà La Ni có nghĩa là trì giữ tất cả, hay khả năng gìn giữ. Mà gìn giữ cái gì? Gìn giữ những thiện căn, các hạt giống tốt và mọi duyên lành cho quá trình tu tập của ta. Đà La Ni còn có khả năng nhận chìm hết tất cả những bất thiện căn, những hạt giống xấu, chặn đứng các ác niệm, không cho chúng phát khởi. Khi trì Chơn Ngôn Đà La Ni, ta tạo ra một chuỗi âm thanh mà nghe tưởng chừng như vô nghĩa, nhưng thực ra đây chính là một đại dương tư duy mà Đức Phật đã cố tình nói lại cho chúng sanh. Chú Đà La Ni do chư Phật trong vô lượng kiếp trong quá khứ tuyên thuyết và được chính Đức Thích Ca Mâu Ni giới thiệu lại trước hội chúng trong thời Ngài còn tại thế. Phật thì có hằng hà sa số chư Phật, do đó Đà La Ni cũng có rất nhiều. Tuy nhiên, có một điều mà ta biết chắc là Đà La Ni xuất hiện như một phương tiện thiện xảo thù thắng để cứu vớt chúng sanh ra khỏi tất cả những ma chướng, nghiệp chướng và báo chướng. Chẳng hạn như Chú Chuẩn Đề Đà La Ni ‘Nam mô tát đa nãm tam miệu tam bồ đề cu chi nãm đát điệt tha . Án chiết lệ, chủ lệ, chuẩn đề ta bà ha.’ Vì lòng đại bi thương xót chúng sanh trong thời vị lai mạt

pháp tội nhiều, phước ít, nên các Đức Phật đã thương xót mà nói chú này.

Tóm lại, cái lợi của việc trì chú trước tiên là tâm ta không rong ruổi, vì làm sao rong ruổi cho được khi ta chỉ chuyên trì; cái lợi kế tiếp là như các bậc Bồ Tát đã nói cho dù trì chú Đà La Ni mà sanh lòng hủy báng cũng sẽ được hưởng sự lợi lạc. Thí dụ như người có ác tâm đi vào rừng Chiên Đàn rồi chặt, bẻ, dậm, đập làm gãy đi những nhánh chiên đàn thì chính bản thân người ấy cũng đã được thơm mùi chiên đàn rồi. Ngoài ra, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cũng đã bạch với Đức Phật rằng những ai chuyên trì Chú Đại Bi Tâm Đà La Ni thì xa lìa nạn chướng, ác nghiệp tiêu tan, căn lành tăng trưởng, thành tựu thiện căn, mọi sợ hãi đều tan biến, và mau được đầy đủ tất cả những chỗ mong cầu. Thấy như thế ta mới biết rằng thần lực của việc trì chú Đà La Ni, bất kỳ là chú gì từ Chuẩn Đề, Lăng Nghiêm đến Đại Bi đều mang lại cho chúng ta sự lợi ích không thể nghĩ bàn.

128. TÍNH TỰ MÃN TỪ ĐÁU CÓ

Tự mãn là do ta tự đánh giá mình quá cao, rồi từ đó thấy ai cũng chẳng bằng mình, thấy ai cũng chẳng ra gì. Cái tánh tự mãn nó làm cho ta có một cái nhìn ‘Mục Hạ Vô Nhơn’. Chẳng hạn như thi sĩ Tô Đông Pha là một thi sĩ nổi tiếng đời nhà Đường, một hôm đi thăm thầy Phật Ấn, nhưng thầy đi vắng. Tô Đông Pha bèn vào chùa đợi, nhưng mãi lâu thầy vẫn chưa về, Tô bèn ứng khẩu đề lại hai câu thơ:

Tô Đông Pha vi Phật tử
Bát phong suy bất động.

Có nghĩa là Tô là một Phật tử mà tám gió lay không động được. Sư Phật Ấn về thấy bèn viết một câu “Ông Tô làm thơ còn

thua ta địch,” và sai chú tiểu mang qua cho Tô. Nhận được thơ, Tô bèn lật đật chạy qua than phiền với sư Phật Ấn rằng Tô này làm thơ nổi tiếng cả nước, thế mà sư dám nói là thua cái địch của sư, vậy là làm sao? Vậy là sư quá đáng lắm. Sư Phật Ấn bèn ôn tồn đáp lại: Đó, ông thấy chưa? Ông nói ông đại tài và tự xưng tám ngọn gió thổi không lay, thế mà chỉ vì một tiếng địch nhỏ của tôi thôi cũng đủ thổi ông bay sang đây. Thế mới biết ‘Cao nhân tắc hữu cao nhân tri, hoặc vô quít dầy móng tay nhọn.’ Tài của ta chỉ là một hạt cát trong sa mạc mà thôi. Là Phật tử chân chánh xin hãy luôn luôn tự nhún nhường. Nhún nhường chẳng những ta được người yêu thích, mà còn tập cho ta bỏ đi cái tánh ngã mạn cống cao nữa.

129. PHẬT PHÁP THẬM THÂM VI DIỆU

Sở dĩ nói Phật pháp thậm thâm vi diệu, không phải ở chỗ chỉ có tám vạn bốn ngàn pháp môn thôi, mà là triệu triệu pháp môn. Cứ hễ ta có thể nhận biết được bất cứ điều gì, ấy là một pháp môn. Từ trái núi, con sông, đóa hoa cho đến đứa trẻ nít, chàng thiếu niên, hoặc một cụ già. Tất cả đều là pháp, tất cả đều hàm chứa một bài học trong đạo Phật. Phật sanh ra nơi đời để khai thị cho chúng sanh được ngộ nhập cái thấy của Phật, cái tri kiến của Phật.

Tại sao Đức Phật lại phải chỉ bày cái tri kiến Phật?

Sở dĩ Phật phải chỉ cho chúng sanh cái nhìn của Phật là vì tất cả chúng sanh đều có cái nhìn nhị biên, sai lệch. Tất cả những đau khổ, phiền muộn ở nơi đời này đều do cái thấy sai lệch ấy mà ra. Đức Thế Tôn đã thấy cái nhìn của phàm phu là nhị biên, là không đúng, nên Ngài đã quyết tâm đạt thành chánh quả và tìm ra được một cái nhìn xác thực để chỉ dạy cho chúng sanh. Cái tri

kiến của phàm phu thấy cuộc đời này theo biên kiến, theo dục vọng, chỉ thấy những gì mình muốn thấy. Những gì cho dù đúng mà mình không muốn thấy thì cũng cố tình không chịu thấy. Trong khi ấy, tri kiến Phật là nhìn các pháp (các hiện tượng) bằng sự thật của nó, nghĩa là nhìn sự vật bằng cái nhìn ‘Như Thị’.

Phàm phu nhìn đóa hoa thì khen hoa thơm, hoa đẹp, còn những bậc giác ngộ thì nhìn đóa hoa bằng những tương duyên đã tạo ra đóa hoa đó. Chẳng hạn như mặt trời, nước, gió, người cắt hoa, người mang hoa ra chợ bán, và người mang hoa đến chùa cúng Phật.

Phàm phu làm việc chi đều không để ý đến như duyên, nghiệp lực (tức là tạo điều kiện) mà khi nghe nói đến quả báo là sợ. Để không bị quả báo, thì ngay từ bây giờ, làm gì, nghĩ gì, ta cũng nên nhìn sự vật trên hoàn cảnh hoàn toàn chứ không chặt chẽ sự việc ra từng nhóm, từng cụm. Thí dụ như ăn một trái táo, ta nhớ tới người trồng táo, mưa nắng, người hái táo và người bán táo...

Tóm lại, ta phải nhìn và đặt sự việc vào đúng hoàn cảnh của nó để tránh nghi ngờ và hiểu lầm nhau, chỉ có cái nhìn như thị mới cho ta cái khả năng này mà thôi. Chúng sanh thường chỉ nghe những gì mình thích, còn những gì mình không thích thì không nghe, mà Phật pháp thì thậm thâm vi diệu. Chính vì vậy mà Đức Phật đã bày ra phương tiện nhằm giúp cho chúng sanh chuyển đổi từ từ để đi vào tri kiến Phật. Thấy cái phải thấy và không thấy cái không phải thấy. Nghe cái đúng và không nghe cái không đúng. Đức Phật đã nói những phương tiện có khi tạo cho chúng sanh một cái duyên, một niềm tin, hoặc một sự an ủi để trong tương lai họ có cơ hội thâm nhập vào cái thậm thâm vi diệu của Phật Pháp.

130. PHẬT TÁNH BẤT SANH BẤT DIỆT

Phật tánh là tánh thấy biết chơn thật không bao giờ thay đổi. Chúng ta không thể nào quan sát được cái Phật tánh ấy bằng bất cứ phương tiện khoa học nào của phàm phu vì nó bao la rộng lớn như vũ trụ. Phật tánh là tánh trong sáng, tinh sạch, sẵn có và mãi mãi có ở mỗi người. Phật tánh vô thủy vô chung và chính từ cái tánh chơn thật ban đầu đó khởi lên ý muốn biểu lộ thành đời sống cụ thể trong thân thể con người. Trong con người, Phật tánh được biết rõ qua ba yếu tố: Thể, tướng và dụng. Thể là tánh trong sáng, rộng lớn, và trong sạch của Phật tánh. Tướng là điều cụ thể mà chúng ta có thể quan sát và biết rõ được Phật tánh nơi mỗi người là lòng thương yêu trong lành, từ bi, và sự hiểu biết chơn thật, sự thông minh tươi mát và trí huệ. Ấy là nguồn hạnh phúc sâu thẳm kỳ diệu và an lạc. Dụng là sự biểu lộ Phật tánh qua những việc làm tốt lành trong đời sống hằng ngày.

Chúng sanh mỗi loài đều có Phật tánh; tuy nhiên, mức độ phát triển tâm linh ở từng loại chúng sanh nó có khác. Phật tánh ở cây cỏ và loài vật quá thấp nên chúng không biết mình có Phật tánh, chúng không sống được với tình thương yêu hạnh phúc, sự hiểu biết, cũng như chúng không thể nào biểu lộ Phật tánh thành những hành vi lành và tốt trong đời sống. Do đó thế giới của loài vật là một thế giới tàn bạo, mạnh được yếu thua. Chúng sống theo luật rừng xanh. Loài nào mạnh và khôn ngoan hơn sẽ sinh tồn, còn loài yếu kém sẽ bị tiêu diệt. Nói chi loài thú, ngay cả con người chúng ta nhiều khi cũng tàn bạo không thua.

Đức Phật là bậc toàn giác, Ngài thấu hiểu được cái Phật tánh ấy ở mỗi loại chúng sanh, nên Ngài đã thương xót mà chỉ dạy cho mọi loài, nhất là loài người, để biết mà trở về với cái

Phật tánh ấy, nhằm đưa loài người đến sự an vui toàn thiện và hạnh phúc bao la, nghĩa là giải thoát.

131. ĐẠO PHẬT VÀ SỰ GIÁC NGỘ

Đạo Phật chủ trương tu để cho được giác ngộ, mà ai giác ngộ cho ai? Có phải hễ ta đến chùa tụng kinh, lạy Phật, cúng dường chư tăng là sau khi chết Phật sẽ rước ta về cõi cực lạc hay không? Hoang đường. Vì nếu chư Phật chịu mà chịu làm như vậy thì chư Phật nào có khác chi những Phạm Thiên đâu. Không một ai ngoài ta ra có thể tu và giác ngộ giùm ta cả. Đạo Phật chủ trương sự giác ngộ là của riêng từng chúng sanh. Đức Phật đã xây nên một xa lộ mang tên là ‘Con Đường Đi Đến Giác Ngộ’. Con đường này nguy nga tráng lệ gấp vạn triệu lần những kỳ công mà phàm phu có thể làm ra được. Tuy nhiên, con đường này không phải ai cũng đi được hết đâu. Chỉ có những ai siêng năng trì chí thì mới có thể đi trên con đường này mà thôi, còn những ai giải đãi và thiếu sự trì chí thì không bao giờ nhìn thấy được cái đại lộ này đâu.

Đạo Phật chủ trương bất cứ chúng sanh nào đều cũng có thể tu theo con đường mà Đức Phật đã chỉ dạy để thành Phật. Tuy nhiên, loài vật và cây cỏ quá thấp kém, không đủ khả năng để hiểu biết về cái tánh chơn thật, tức là Phật tánh nơi mình, nên chư Phật và chư Bồ Tát xuất hiện ra nơi đời để chỉ dạy cho loài người biết rằng ngoài cái thế giới mê mờ, vô minh, sống theo bản năng, sống theo những tham dục, giận dữ và tạo ra ác nghiệp; còn có một thế giới giác ngộ của tình thương yêu bao la, sự hiểu biết chơn thật và nguồn hạnh phúc kỳ diệu. Và điều kỳ diệu hơn nữa là cái thế giới giác ngộ ấy nó không tách rời khỏi cái thế giới mà ta đang sống. Nghĩa là nếu chúng ta thức tỉnh mà

quay về với cái Phật tánh của ta thì ngay lập tức tình thương yêu, sự hiểu biết chơn thật, nguồn hạnh phúc tràn đầy, và cuộc sống an lạc tự tại sẽ đến với chúng ta ngay trong kiếp này. Một khi ta đã có tình thương yêu, sự hiểu biết chơn thật và hạnh phúc bao la thì ta đâu có muốn làm điều đau khổ cho ai. Như vậy có phải là chẳng những lợi lạc cho mình mà còn cho người nữa.

Tóm lại, mỗi người trong chúng ta nên ý thức rằng mình đang thừa hưởng một kho tàng vô giá mà Đức Thế Tôn đã để lại. Xin hãy đừng chạy rong đi tìm mãi đâu đâu. Xin hãy quay về mà học cho được Tứ Thánh Đế cao quý. Đây là khổ, Đây là nguyên nhân của khổ. Đây là cách diệt khổ. Và đây là cách sống an vui kỳ diệu. Xin hãy quay về với cội nguồn Phật giáo để thấy rằng ở trên đời này không có cái gì là ta mà cũng không có cái gì là của ta cả. Tất cả chỉ do duyên khởi mà nên và rồi cũng do duyên tan mà hết, nghĩa là thuận duyên thì còn, mà nghịch duyên thì hết, thế thôi. Thứ này là nhân thứ kia, thứ kia là quả thứ này và cứ như thế không cùng tận. Tất cả mọi thứ đều do trùng trùng duyên khởi mà ra. Hãy quán cho được mười hai nhân duyên để chặt đứt cho được cái màn vô minh tăm tối ngay từ bây giờ. Hãy tu và nhứt quyết tu cho được an lạc ở kiếp này. Và xin hãy luôn nhớ lời khuyến khích của Đấng Từ Phụ: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.”

132. THẦN THÔNG TRONG PHẬT GIÁO

Như đã nói đạo Phật là đạo của trí tuệ, của khoa học, như vậy hẳn cái gì có mù quáng, có mê tín, có giả tưởng là không phải của Phật giáo. Tuy nhiên, trên đời này chuyện gì lại không xảy ra được. Có những người tự xưng là Phật tử mà quan niệm rằng tu cho đạt được thần thông. Hoặc thiền để cho đạt được xuất

hôn; hoặc tôn xưng danh hiệu một Hám Danh Sư nào đó để được giác ngộ ngay lập tức, và nhiều thứ khác nữa. Thật tình mà nói, những người ấy họ đâu có tu theo Phật, mà không chừng họ đang tu theo ma vương hay ác quỷ gì đó. Tại sao vậy? Tại vì đã nói rằng tu mà còn mong cho được những thứ ấy thì quả thật là còn quá tham. Hoặc giả họ ngồi thiền mà thấy hiện ra cảnh giới này hay cảnh giới nọ, hoặc giả xuất hồn để đi về một cõi nào ấy. Những người này nên sớm đi tìm những bác sĩ trị liệu về tâm lý là vừa, đừng để quá muộn. Tại sao? Tại họ đang lặn quẩn trong ma nghiệp và họ đang mất đi cái chánh tri chánh kiến của Phật giáo. Những người như vậy không bao giờ nghe giảng những pháp chân chánh đâu, họ chỉ để lọt vào tai họ những điều tà vạy. Họ chỉ muốn đi tìm những cái gì có lợi cho họ càng nhanh càng tốt.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là mình bác bỏ hoàn toàn chữ Thần Thông trong đạo Phật. Thần thông trong đạo Phật không có gì cao xa hoặc huyền bí cả. Đức Phật đã đạt được tất cả những thứ ấy chứ. Ngài nói rằng một khi mình được đại định là mình sẽ thấy xa, sẽ nghe xa, sẽ hiểu xa... Bình thường, trong xã hội loạn động, chúng ta đâu có nghe được những tiếng động nho nhỏ, thế mà khi ngồi thiền, ta nghe được hết. Ấy là chỗ mà Đức Thế Tôn muốn nhấn mạnh. Hãy ráng mà tu trì cho được định, và được thanh tịnh đi, chứ đừng có suy nghĩ viển vông. Tu mà chứng đắc được ngũ nhãn lục thông thì phải từ bậc A-La-Hán trở lên Bích Chi, Bồ Tát Thánh, hay Phật Tổ (Như Lai), nhưng các Ngài không bao giờ đem ra khoe khoang hay thi thố. Một khi đã chứng đắc được mười pháp Vô Sanh mới được gọi là A-La-Hán:

1. Không mê lầm bốn ngã;
2. Không nghi ngờ, phiền não;
3. Không ham nghi lễ cúng kiếng;

4. Không tham dục;
5. Không tham sắc;
6. Không tham vô sắc;
7. Không sân giận;
8. Không tự cao;
9. Không xao động;
10. Không vô minh và si mê.

Nhờ những phép vô sanh trên mà A-La-Hán không còn luân hồi sanh tử theo nghiệp lực nữa. Có chăng vì nguyện lực mà các Ngài đã trở lại nơi đời để hóa độ chúng sanh. Đó, thần thông của quý Ngài đấy, nó cao đẹp như thế ấy.

Tóm lại, nếu mà chỉ hiện ra nơi đời để mà truyền dạy những cái thần thông tầm thường thì chắc chắn Đức Thế Tôn đã không thị hiện. Thần thông của đạo Phật không là những cái tầm thường xuất hồn và dị đoan, mà là những cái rất bình thường chẳng hạn như đi, đứng, nằm, ngồi... Nhưng trong những cái bình thường ấy, ta thấy cả một kho tàng Kinh, Luật, và Luận của Đức Thế Tôn đã để lại cho muôn đời.

133. CHÁNH PHÁP GIẢI THOÁT

Chỉ nói đến đạo Phật thôi là ta đã nói đến cái gì hiền hòa và chân thật, chứ chưa nói đến một kho tàng kinh điển đã giúp cho nhiều thầy tổ đắc đạo. Là Phật tử, nằm trong lòng đạo Phật mà chưa biết chánh pháp giải thoát của Đức Thế Tôn đã truyền lại cho muôn đời thì quả là thiếu sót quá lớn. Chánh pháp là thực hành theo chánh đạo của chư Phật ba đời. Còn giải thoát là, về thân thì ăn, mặc, ở, bệnh... không còn bị vướng bận về vật chất của trần gian nữa; về tâm thì xa lìa hẳn ngũ dục, không đam mê ái nhiễm thì mới gọi là chơn giải thoát. Một khi đã giải thoát là

vĩnh viễn thoát ra khỏi Tam Giới (Dục, Sắc, và Vô Sắc). Chánh pháp giải thoát của Đức Như Lai không đi ra ngoài ba tạng Kinh, Luật và Luận, mà cho dù suốt một đời người chuyên đọc cũng chưa chắc đã hết.

Tuy giáo lý của Như Lai rộng sâu như vậy, nhưng lời dạy nào của Ngài cũng hợp với chơn lý. Ngài tùy căn cơ của chúng sanh mà nói pháp, nên pháp nào của Ngài cũng đầy đủ kế cơ và kế lý. Ngày nay xã hội văn minh tiến bộ có thể đưa con người đến những tinh cầu xa thẳm, nhưng cái văn minh tiến bộ này không bao giờ làm cho con người ta được yên ổn. Con người ta vẫn sanh, lão, bệnh, tử và ngay trong cuộc sống, con người ta đã phải chịu quá nhiều đau khổ. Giáo lý của Đức Phật, ngoài lãnh vực kế hợp với chơn lý vũ trụ và giúp cho ta giải thoát ra, nó còn là một loại sấm truyền cho các nhà khoa học phát minh sâu rộng về thực thể các hiện tượng. Đạo Phật quả là đã và đang hòa hợp với nền văn minh tiến bộ của nhân loại. Giáo lý đạo Phật chẳng những thích hợp cho việc tu tập giải thoát mà nó còn thích hợp với nền hòa bình, tiến bộ khoa học và văn minh nhân loại. Một trong những chánh pháp giải thoát trong đạo Phật là Thiền. Thiền đã giúp cho Đức Thế Tôn giác ngộ. Tuy nhiên, tất cả các pháp môn tu của đạo Phật như Thiền, Tịnh Độ, Mật Tông, Duy Thức, Đầu Đà... đều lấy giới làm căn bản, có giới thì có định và có huệ.

Ta có thể dùng bất cứ pháp môn nào để tu tập, tùy theo căn cơ của ta. Tuy nhiên, đừng quá cứng nhắc ở một pháp môn nào. Pháp môn nào cũng được, miễn là hợp với căn cơ của ta là được. Trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật đã dạy rằng dù cho người tâm tán loạn mà biết vào chùa, niệm câu Nam mô Phật, đều có thể thành Phật đạo.

Tóm lại, hãy tùy theo căn cơ hoàn cảnh mà chọn pháp môn tu. Pháp môn nào cũng là pháp của Phật, đừng để tâm vọng động

mà khen pháp môn này, chê pháp môn kia. Đừng tưởng Thiền là duy nhất, cũng đừng tưởng Tịnh Độ là vua của các pháp môn. Đừng bao giờ nghe ai đó mà bỏ đi pháp ta đang tu. Không có pháp môn nào là kiến bò lên núi, cũng không có pháp môn nào như thuyền buồm xuôi gió. Cái quan trọng là cái nhiếp tâm tu tập của ta mà thôi.

134. LÚC NÀO THÌ CHÚNG TA MỚI BỊ ĐỌA ĐỊA NGỤC?

Không phải đợi đến sau khi ta mất thân tứ đại này thì chúng ta mới bị đọa địa ngục, mà ngay trong lúc này và bất cứ lúc nào ta cũng có thể bị đọa địa ngục được. Những lúc ta sân hận, tâm ta như thế nào? Thấy ai cũng muốn gây, thấy ai cũng muốn kiếm chuyện, như vậy ta không bị đọa địa ngục chứ là gì?

Cái trở ngại của ta là vô tình hay cố ý, ta thích bị đọa địa ngục hơn. Thói thường lúc nào ta cũng hay có khuynh hướng tìm những cái xấu của người, chứ không thường hay thấy cái hay, cái đẹp của người. Cái gì của người cũng dở, cái gì của ta cũng hay. Ta là trung tâm của vũ trụ. Dưới mắt ta thiên hạ chỉ là đồ bỏ. Chính cái trục trặc này của ta mà ta tự đọa ta vào địa ngục. Hãy ráng mà thấy cho được cái hay, cái đẹp của người thì cả người và ta sẽ thấy vui hơn, hạnh phúc hơn. Làm được như vậy là ta đang tránh xa địa ngục vậy. Nếu ta cứ chú tâm vào vũng bùn lầy thì cho đến bao giờ ta mới thấy những đóa sen. Khi cầu Phật trụ thế ở mình, xin hãy cầu Phật trụ thế ở người. Làm như vậy là ta đã tạo duyên lành cho rất nhiều vị Phật ở tương lai. Nếu chúng ta cứ mãi mê đi tìm toàn là những điều xấu nơi người thì một lúc nào đó ta sẽ thấy rằng cả thế giới này toàn là những người xấu không thôi. Tất cả những gì quanh ta chỉ là những xấu xa, chán chường.

Nếu ai cũng đi bươi móc những cái xấu của người thì cả cái thế giới này là cái địa ngục không hơn.

Thỉnh Phật trụ thế ở mình và ở người liên quan với nhau. Tại sao vậy? Vì sự thông cảm không thể nào một chiều, mà phải từ hai phía. Cái thông cảm này phải đến từ người cho lẫn người nhận. Sự thông cảm giữa con người nó quan trọng cho xã hội giống như là ánh sáng mặt trời không thể nào thiếu được cho sự sống vậy. Nên nhớ rằng một người, cho dù hung ác, tàn bạo đến mức nào, thì trong cái chiều sâu tâm hồn họ cũng có một chút gì từ bi. Vấn đề đặt ra ở đây là chúng ta chịu đau sâu đến mức nào, thế thôi. Người tu theo đạo Phật, muốn tránh cảnh bị đọa địa ngục, chẳng những nhìn thấy cái phô bày ra, mà còn phải tìm hiểu cho được cái không phô bày ra. Phải hiểu cho được những cái nói và những cái không nói. Đó là cái thấy của trí tuệ, đó là cái thấy mà mọi Phật tử đều nên thấy.

Trong tương quan hằng ngày chúng ta nên nói ra sự thật. Nói ra sự thật để mà cùng nhau cải đổi, để cùng tiến bộ, chứ không nên để trong lòng mà oán hận nhau và gây đau khổ cho nhau. Là Phật tử, hãy luôn tâm niệm rằng địa ngục và giác ngộ không cách nhau xa lắm đâu. Hễ một lần mà vọng niệm khởi lên với những vui, buồn, thương, ghét, tham sân si, ấy là địa ngục. Hễ niệm đến, rồi niệm đi mà ta không mắc kẹt, ấy là định tâm, ấy là giác ngộ.

Tu cho giải thoát khỏi cảnh địa ngục nên nhớ là ta phải ráng làm sao như bóng nhận bay qua hồ. Bóng nhận dưới đáy hồ tự nó đến rồi đi. Nhận không cố tình để bóng dưới hồ, mà hồ cũng không cố tình giữ bóng nhận. Trong cuộc sống hằng ngày, hãy ráng mà nhận diện cho ra được những gì trong tâm ta, biết ta đang nghĩ gì và đang làm gì. Sống được như vậy là ta đã sống trong tỉnh thức và an lạc. Cái niệm tự nó nó không sai, mà cái vội vã phán quyết của ta mới là phiền toái. Giống như cái niệm

chim nhận bay qua hồ tâm vậy. Ta biết ngay đấy, nhưng hồ không giữ bóng, thì nhận cũng đâu cần lưu bóng lại hồ. Vọng niệm, nó tự đến rồi tự đi, nếu ta không giữ nó thì làm sao nó ngự trị được trong ta.

Tóm lại muốn tránh cảnh đọa địa ngục thì ta phải sống an trú trong hiện tại.

Đừng tìm về quá khứ
Đừng nghĩ tới tương lai
Quá khứ đã không còn
Tương lai thì chưa đến
Hãy an trú hôm nay.

Hãy sống an trú trong hiện tại. Chúng ta không thể nào kiểm soát được tất cả các niệm đâu. Hãy để cho nó khởi rồi tự nó tan biến thế thôi. Đừng chạy theo nó, đừng cố gắng đè nén nó; chúng ta không làm nổi chuyện đó đâu. Tâm chúng ta giống như một cái túi chứa niệm vậy. Nếu chúng ta cứ bỏ hết vào túi thì ô hô cái túi ấy làm sao mà chịu nổi. Thôi thì cứ để cho mọi niệm tự đến rồi tự đi để cho cuộc sống của ta được an nhiên tự tại.

Tóm lại, phút phút ta hãy ráng mà giữ cho được chánh niệm; phút phút hãy ráng mà giữ cho được những niệm lành trong ta; đừng để bị sa vào cõi địa ngục vô minh, si mê và hắc ám để rồi phải chịu những hình phạt khổ đau. Hễ đau ít là địa ngục nhỏ, mà đau khổ nhiều là địa ngục lớn. Còn nếu ta cứ mãi tạo ác thì chắc chắn đời này đã chịu đau khổ không ngừng rồi, mà khi chết đi lại phải sa vào Vô Gián địa ngục để ngày đêm nhận chịu đau khổ triền miên.

135. ĐẠO PHẬT VÀ VIỆC THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Đạo Phật không chủ trương mê tín dị đoan; tuy nhiên, đạo Phật khuyến khích Phật tử phải nhớ tới cội nguồn của mình bằng cách tưởng nhớ và thờ phụng ông bà tổ tiên. Ngoài ra, sự thờ cúng ông bà tổ tiên cũng còn là tấm gương cho con cháu bắt chước noi theo. Ông bà đã qua đời rồi mà cha mẹ còn có lòng hiếu thảo, còn thương tưởng nghĩ đến, hà huống cha mẹ còn hiện tiền lại nữa quên sao? Tổ tiên ông bà là những người trong quá khứ đã góp phần tích cực trong cuộc sống tươi đẹp của ta ngày nay. Không phải chỉ ông bà trực tiếp của chúng ta mà thôi, mà còn là ông bà tổ tiên của nòi giống chúng ta nữa. Kính thờ tổ tiên là một việc đúng, một việc không thể nghĩ bàn. Không một ai hoặc một tôn giáo nào có quyền cướp đi cái quyền tối thượng thiêng liêng ấy của chúng ta.

Đạo Phật khuyên ta nên thờ cúng trong uy nghiêm mà đơn giản, chứ không rườm rà và có tính cách mê tín dị đoan. Trong lúc tưởng niệm đến tổ tiên ông bà, hãy nguyện rằng rồi con cũng sẽ nối theo chân của tiên bối để kế thừa sự nghiệp cao cả mà các Ngài đã để lại: Sống cho mình và cho người, sống làm sao như một đóa sen thơm ngát, vươn lên từ trong bùn, hút chất bùn để vươn lên mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

136. ĐẠO PHẬT VÀ SỰ TRUYỀN GIÁO

Đạo Phật là đạo của tự do tuyệt đối, ai thấy rằng những pháp môn tu tập của đạo Phật là con đường giải thoát cho chính họ, thì họ tìm đến với đạo Phật. Tôi chỉ thấy những nhà sư ở Việt Nam đi từng bước chậm rãi trên khắp những nẻo đường để khát thực. Chứ tôi chưa bao giờ thấy một nhà sư Phật giáo đi lang thang trên các vỉa hè đến từng nhà nói rằng: “Chào bạn, tôi có thể nói chuyện với bạn một phút được không? Bạn đã có bao giờ

nghe nói về Đức Phật chưa? Tại sao bạn không là một Phật tử, vân vân và vân vân.”

Ngay từ những ngày phôi thai của đạo Phật, đạo Phật đã là đạo của sự tự do tuyệt đối, không và chưa từng bao giờ có một ai bị bắt buộc phải theo. Vì như vậy là đi ngược lại sự tự do tín ngưỡng của con người. Tự do tín ngưỡng là tự do tuyệt đối, không một áp lực hay ràng buộc từ bất cứ đâu. Tín ngưỡng không nên và sẽ không bao giờ nên được rao giảng, hay quảng cáo trên đường phố.

Chúng ta phải thừa nhận rằng mọi người đều có quyền tự do và không một ai có thể bị ép buộc hay gây ảnh hưởng để bắt người phải đi theo con đường của mình, dù chỉ là gây ảnh hưởng trong thụ động. Hãy để cho mọi người đến với đạo một cách tự nhiên và không ràng buộc. Đạo Phật với những giáo lý vi diệu của nó cũng đã nói lên được cả một trời thánh thiện. Tôi chưa bao giờ nghe thấy có một cuộc Phật chiến nào cả. Mà thật vậy, những tín đồ Phật giáo dư biết rằng hễ họ theo đạo Phật thì họ phải chấp nhận không làm những điều ác, mà chiến tranh là một điều ác, vậy thì có mấy ai theo đạo Phật sẽ đi làm chiến tranh bao giờ. Bấy nhiêu đó đủ cho thấy cái vi diệu của đạo Phật, một tôn giáo không rao truyền, không ép buộc, mà vẫn trường tồn từ hơn hai ngàn năm trăm năm nay.

137. KIẾN TÁNH

Chữ kiến tánh có nghĩa là ngộ đạo hay là giác ngộ. Tuy nhiên từ xưa đến nay, cho dù không nói nhưng chúng ta cũng hiểu là chỉ có Đức Thế Tôn là bậc toàn giác. Cho nên từ sau khi Phật nhập diệt, danh từ kiến tánh, hoặc người kiến tánh chỉ dùng để chỉ các Tổ.

Kiến ở đây không phải là cái thấy tầm thường nữa, vì thấy được tánh giác có nghĩa là thấy cái gì không có hình tướng, thì đâu còn phải là cái thấy tầm thường nữa. Kiến tánh ở đây có nghĩa là giác ngộ và ra khỏi khu rừng Vô Minh. Người có kiến tánh sẽ không còn chấp nữa. Không chấp tâm, mà cũng không chấp thân. Người có kiến tánh sẽ thấy rõ cái tánh không của đạo Phật thí dụ như Lục Tổ Huệ Năng qua bài kệ của Ngài:

Bồ Đề bốn vô thọ
Minh cảnh diệt phi đài
Bản lai vô nhứt vật
Hà xứ nhạ trần ai?

Bởi vì thấu được thể Không, nên Lục Tổ đã ứng thành hai câu ‘Xưa nay không một vật, thì chỗ nào mà dính trần ai?’ Người học đạo mà không kiến tánh thì chỉ là kẻ đứng ngoài cổng. Người tu theo Phật mà không được phần giác thì chỉ là kẻ đứng trong đêm tối. Những kẻ ở ngoài cổng và đứng trong đêm tối thì làm sao mà thưởng thức được mùi vị của đạo, nếu có cố gắng tu lắm thì cũng chỉ là vô vô minh minh mà thôi. Do vậy, hãy tìm hiểu cho rõ ràng chứ đừng để tự mình phải đi trong đêm tối.

138. PHẬT HỌC VÀ HỌC PHẬT CÓ KHÁC NHAU KHÔNG?

Phật học và học Phật là hai sự kiện hoàn toàn khác hẳn nhau rất xa. Trước nhất, Phật học là môn học về đạo Phật. Phật học tức là thông hiểu kinh điển và nghiên cứu giáo lý; còn học Phật là y theo giáo pháp của Phật mà học và thực hành để vượt được qua khỏi bể khổ sanh tử, về nơi an vui, giải thoát.

Tóm lại Phật học giống như bác sĩ bảo bệnh nhân đọc những tên thuốc, còn học Phật là bác sĩ cho bệnh nhân cố gắng uống thuốc cho mau khỏi và trừ tận gốc bệnh.

139. TỨ NHIẾP PHÁP

Đạo Phật tự bản chất là đạo cứu khổ. Người Phật tử một khi đã nguyện bước theo dấu chân Phật là nguyện thực hiện những hành động vị tha và phụng sự cuộc đời. Tuy nhiên, nắm vững được những cách thực hiện tâm nguyện, nó còn quan trọng hơn là tâm nguyện nữa.

Tứ nhiếp pháp là bốn phương pháp để chinh phục chính ta và tha nhân. Tứ nhiếp pháp giúp ta mở cửa vào đời để gặp gỡ tha nhân, góp phần làm vơi đi sầu khổ, và dựng lại tình thương. Tứ nhiếp pháp gồm Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Bố thí hay là sự dâng hiến. Dâng và hiến cái gì mình có thể có được cho một hay nhiều người trong tinh thần tình nguyện và vô điều kiện. Tình nguyện bởi ta hành động trên cơ sở của tâm nguyện đại bi, không vụ lợi, không hậu ý và không bị khống chế, hay sai khiến bởi cá nhân hay thế lực bên ngoài. Thấy việc hữu ích, chánh đáng là làm, làm hết lòng mà chẳng đắn đo, làm với tất cả sự chân thành, bằng trọn vẹn khả năng và tâm hồn. Còn vô điều kiện hành động mà chẳng mong cầu được bù đắp, có nghĩa là thi ân bất cầu báo. Điều này trái ngược hoàn toàn với có qua có lại. Sự bố thí có ba cách: Tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Tài thí là làm giảm thiểu khổ não về vật chất. Nghèo nàn và sợ hãi là những nguyên do chính đẩy đưa con người đến đau khổ. Trợ giúp vật chất chỉ là sự giải quyết cấp thời của bố thí tài. Bố thí pháp sẽ giúp cho tha nhân có cơ hội chuyển hóa đời sống của họ. Một đôi ý kiến của ta có thể giúp đưa người từ chỗ bơ vơ

lạc lõng về một đời sống tốt đẹp. Cũng có khi sự có mặt của ta, một lời an ủi của ta mà tha nhân có thêm phần chấn và yên ổn trong lúc họ đang sợ hãi, hoặc tinh thần đang rối loạn, đó là ta đã làm vô úy thí vậy.

Tóm lại tài thí thì làm giảm thiểu khổ não về vật chất; pháp thí và vô úy thí thì làm vơi đi những khổ não về tinh thần. Hãy tùy cảnh, tùy cơ mà xăn tay áo cao lên, làm một chút gì cho những kẻ đang chìm đắm được thấy ngời ngoai và vơi bớt đau khổ. Hãy bắt đầu từ những việc nhỏ, và phải thành công từ những việc nhỏ ấy cái đã. Hãy nhớ rằng hạnh phúc cho ta, cho người, có khi chỉ là một nụ cười. Xin hãy bố thí với nghĩa thật đơn giản của nó: làm cho lòng mình vui và cũng làm cho lòng người vui. Hay là hoa nở trong lòng người và lòng ta. Hãy làm những đóa hoa xương rồng thật đơn sơ mà đầy ý nghĩa, nở trên cành gai giữa sa mạc khô cằn.

Thứ nhì là ‘Ái ngữ,’ tức là ngôn ngữ dịu dàng, thoải mái, tha thiết, chân thành, giúp gieo vào đôi tai người nghe những cảm thông thật sự. Có như thế cả người nói và người nghe sẽ không cảm thấy nhạt nhẽo, sẽ không là sự chịu đựng, hoặc một cực hình. Cổ nhân có câu: “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.” Ái ngữ còn cần đến những sự phụ họa từ cử chỉ, ánh mắt và nụ cười. Ái ngữ chính là sự kết hợp vi diệu của thân và tâm, nó có khả năng làm thực sự thức tỉnh và an lạc.

Tóm lại, ái ngữ là sự phối hợp vi diệu của cách nói khôn khéo và cái tâm chơn thành. Cái nói khôn khéo thì dễ, ai cũng có thể làm được. Tuy nhiên, luyện cho được cái tâm chân thành cần phải trải qua một quá trình tu luyện và theo dõi chính mình. Ái ngữ còn giúp ta ngăn cản sự dấy động của khẩu nghiệp và là yếu tố then chốt trong những cố gắng xóa bỏ hận thù, dựng lại tình thương nơi con người.

Thứ ba là lợi hành, tức là làm những điều lợi ích. Việc đời vốn phức tạp, gian nan và đầy thử thách. Chia được một chút gì với đời là cả một thử thách gian nan chứ không vừa. Hãy nhìn tấm gương Marie Curie đó, bà đã để lại cho đời một chút kiến thức và phát minh khoa học, nhưng bà đã phải đổi lấy bằng cái ung thư và bằng mạng sống của bà. Tuy nhiên, với đạo Phật, Đức Phật đã dạy rõ ràng hai chữ lợi hành. Chính cái đơn giản ấy đã dựng nên những ngọn Thái Sơn của Đại Nguyện: “Hãy cùng làm những điều lợi ích,” chỉ bấy nhiêu thôi mà bao nhiêu Bồ Tát hóa thân, tăng sĩ nhập thế, và vô số Phật tử đã và đang lăn xả vào đời để thấp sáng ý hướng cùng nhau làm thanh tịnh cõi ta bà, làm nguôi vơi sầu khổ và thêm phần an lạc trong cõi sống vốn đầy bất an nầy. Việc làm lợi ích là sự biết phản ứng với những thói quen xấu, biết coi thường danh lợi, biết hành cái hạnh Vô Hành của Bồ Tát. Tóm lại, công việc hữu ích là công việc thấp sáng ngọn đèn giác ngộ cho tự thân rồi sau đó giúp người xua đuổi bóng ma tham ái, sân si và mê muội.

Thứ tư là Đồng Sự, nghĩa là chung sống, nhìn nhận và chấp nhận nhau, tương kính và thành tâm cùng nhau nuôi dưỡng những hoài bão tốt đẹp, bảo vệ sự sống của nhau, cùng thăng hoa lý tưởng và cùng tương trợ thương yêu nhau. Trong tinh thần đồng sự vì mọi người thương yêu, tương kính, chấp nhận, và cùng bảo vệ nhau nên không có ai bị cô lập, hoặc bị cô đơn, đày ải cả. Người mang tinh thần Đồng Sự mà áp dụng vào đời sống là người dễ dàng thích nghi, lấy yếu tố hòa hợp làm trọng để hóa giải những xung khắc. Tóm lại, dưới con mắt của Đồng Sự, chỉ có con người và tâm thức của con người là đáng quý trọng, còn mọi thứ khác như chức tước, địa vị, giàu nghèo, sang hèn, thông minh ngu dốt...chỉ là hư ảo. Trong đời sống Đồng Sự không có cao thấp, không có khinh trọng, không có kẻ điều hành và người bị điều hành, mà tất cả được thể hiện bằng tinh thần bình đẳng,

trong ý thức minh mẫn và thái độ tự nguyện đóng góp. Một khi hư danh càng ít được chú trọng, thì cái giá trị làm người càng được trau chuốt và nhân cách thực mới có cơ hiển lộ.

Kết luận lại là bằng ngàn vượt suối còn dễ, nhưng nối liền những trái tim với nhau, những con người với nhau đâu có dễ. Tuy nhiên, chính Tứ Nhiếp Pháp đã giúp ta đặt được những bước chân chững chạc và tin tưởng trên con đường nối liền con người và làm đẹp sự sống.

140. TẠI SAO PHẬT HIỆN RA NƠI ĐỜI?

Đức Phật xuất hiện vì một đại sự như duyên để giúp chúng sanh mở bày, chỉ dạy, giác ngộ và thể nhập vào tri kiến Phật. Phật xuất hiện như một đám mưa lớn có thể làm thấm nhuần tất cả chúng sanh. Nói cách khác, Phật vì muốn chúng sanh đều xa lìa đau khổ để được an vui, thanh tịnh trong cảnh giải thoát Niết Bàn mà Ngài hiện ra nơi đời. Phật vì đại chúng mà nói pháp cam-lồ thanh tịnh. Pháp ấy duy có một mùi giải thoát và thanh tịnh. Phật xem tất cả chúng sanh đều bình đẳng, nghĩa là không một chúng sanh nào hơn chúng sanh nào. Không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, sang hèn, quyền quý hay đê tiện. Phật cũng không phân biệt một người hay nhiều người mà thường diễn, thường nói chánh pháp. Phật nói pháp không bao giờ nhằm chán. Ngài nói với người xuất gia, kẻ tại gia, trì giới, phá giới, có lễ độ, vô lễ độ. Ngài chỉ vì muốn cho chúng sanh tu trì giải thoát mà nói pháp. Ngài vì muốn làm lợi ích cho thế gian, khiến thế gian sáng mắt để dứt đi tất cả tà đạo.

Phật đã dạy chúng sanh những gì?

Phật dạy chúng sanh chớ làm điều ác, chăm làm các điều lành và tâm ý lúc nào cũng trong sạch. Lời dạy không oán hận,

không kiện tụng, không bài báng là lời Phật dạy. Giáo pháp không chấp ngã, không chê bai, khéo dạy dỗ dẫn dắt là giáo pháp Phật. Phật đã dùng pháp phương tiện để giúp chúng sanh hiểu được và làm thế nào để hàng phục được năm món ác, tiêu trừ được năm món khổ, dứt bật được năm món đốt cháy, khiến năm món phước đức, và lấy điều lành cải điều ác, cứu khổ sanh tử để được lên cảnh vô vi yên ổn.

Phật dạy chúng sanh hãy bỏ tâm buông lung, bỏ rời chấp trước, chẳng cầu danh lợi, chữa lỗi, làm thiện, xa rời sắc dục, và dứt trừ tham sân si. Phật dạy chúng sanh hãy làm thầy tâm, chứ đừng để tâm làm thầy ta vì ở đời ai lại chịu đi làm đệ tử cho một kẻ ưa buông lung rong ruổi bao giờ.

Thế gian này có phải ai cũng tin Phật hết đâu?

Phật đã nói người nào ưa nghe pháp mà chẳng nhằm chán thì giác ngộ được pháp bất khả tư nghì. Khi nghe thì phải: Đi nghe đúng thời, ham nghe, chăm lòng nghe, cung kính nghe; chẳng vì chỉ trích, tranh luận hoặc hơn thua mà nghe. Khi nghe chẳng nên khinh người nói và đạo pháp; khi nghe phải diệt trừ ngũ dục, dứt cội vô minh; chẳng tự khinh. Điều cần nhất là khi nghe phải đủ tín tâm. Có như vậy thì vị thuyết pháp mới là hảo lương và pháp mới thật sự là thần dược.

Tuy nhiên, chúng sanh cũng lắm kẻ đa nghi và vì chính ở cái chỗ đa nghi này mà chẳng học được. Nghi thầy mà chẳng hay kính thuận; từ đó mà cho dù có gặp Tam Bảo, tức là vào núi châu báu cũng chẳng ích gì, vì có lòng tin đâu mà lấy được của báu.

Làm sao để thấm nhuần được Phật pháp?

Phật đã dạy muốn vào trong núi châu báu để lấy của quý thì phải có tay mà lấy. Cũng vậy, muốn được thấm nhuần Phật pháp thì phải có lòng tin. Vào biển Phật pháp, lấy lòng tin làm gốc; qua sông sanh tử, lấy giới pháp làm thuyền.

Được lòng tin Phật pháp như xây dựng được lâu đài bền chắc để chống đỡ những bão táp phong ba. Phật tử muốn được lòng tin như lâu đài bền chắc, xin hãy bỏ làm điều ác xấu và năng tu các pháp lành. Trong Kinh Niết Bàn, Phật đã dạy rằng người có lòng tin mà không hiểu giáo lý thì dễ tăng trưởng vô minh, mờ ám; người hiểu giáo lý mà không có lòng tin thì dễ tăng trưởng tà kiến. Cho nên lòng tin và hiểu biết phải đi đôi mới gọi là được thấm nhuần Phật pháp. Lòng tin và hiểu biết là cội gốc của tu hành.

Trong Kinh Tăng Nhứt A-Hàm, Phật dạy nếu ta thấm nhuần Phật pháp và hành trì những gì mà mình đã thấm nhuần, thì cái chuyện được vào cảnh giới Niết Bàn có thể đến với ta ở đời này. Một khi thấm nhuần và hành trì đi đôi, có nghĩa là ta tin và làm những gì Phật đã làm để đạt thành chánh quả thì thử hỏi làm sao mà ta không phát trí huệ như Phật. Cho dù ta không phát trí huệ như Phật, nhưng ít nhất tâm ta không buông lung, mà trái lại còn được thông suốt và thanh tịnh nữa.

Tóm lại nghe pháp và suy nghĩ nghĩa lý của pháp là như duyên của lòng tin vậy. Lòng tin bao gồm: ưa nghĩ chơn pháp, tin Phật có vô lượng công đức, thường nhớ và gần gũi cúng dường chư tăng vì họ là những người tiếp nối giềng mối Phật pháp, cung kính phát khởi căn lành, tin pháp có nhiều lợi ích, thường nhớ tu hành cho rốt ráo, tin Tăng hay tu hành hạnh lợi tha, và thường ưa gần gũi các vị Bồ Tát cầu học hạnh như thật. Người có lòng tin thật mới là Phật tử. Muốn có lòng tin thật phải nghe và nghĩ cho tường tận. Nghe mà không nghĩ không phải là lòng tin đầy đủ. Tuy nhiên, cái quan trọng trong việc thấm nhuần Phật pháp là trước tiên ta phải tin có đạo pháp và có chứng quả đạo. Nếu tin có đạo mà không tin có chứng đạo thì chưa gọi được là thấm nhuần Phật pháp.

Thế nào gọi là Bồ Đề Tâm?

Bồ Đề Tâm là con đường lớn có thể đưa được người vào cõi Niết Bàn. Bồ Đề Tâm là con mắt sáng giúp người thấy đường chánh nẻo tà. Bồ Đề Tâm là mặt trăng sáng soi rõ các tịnh pháp viên mãn. Bồ Đề Tâm là nước Cam-lồ rửa sạch tất cả dơ bẩn não phiền. Bồ Đề Tâm là ruộng phước tốt nuôi dưỡng thiện nghiệp trong sạch của chúng sanh. Bồ Đề Tâm là hạt giống mà các Đức Phật sanh ra diệu pháp. Chính trăng Bồ Đề trong mát, soi rớt ráo hư không: ‘Chúng sanh tâm nước sạch, bóng Bồ Đề hiện ngay.’

Cứu cánh của Đức Thích Ca Mâu Ni trong các buổi thuyết pháp của Ngài?

Đức Phật đã dạy: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.” Trong Kinh Trường A-Hàm, Đức Phật cũng đã dạy: “Nếu pháp này chỉ có Thế Tôn thành tựu, mà tỳ kheo chẳng dặng thành tựu; hay tỳ kheo dặng thành tựu mà tỳ kheo ni chẳng dặng thành tựu; hoặc tỳ kheo ni dặng thành tựu mà ưu bà tặc, ưu bà di chẳng dặng thành tựu, thời pháp ấy chẳng được hoàn toàn.” Như thế ta đã thấy rõ cứu cánh trong các buổi nói pháp của Đức Thế Tôn. Tuy nhiên, chúng sanh hãy còn nặng nghiệp, muốn được thành Phật, muốn đến cõi Niết Bàn, trước hết phải tin và vâng theo các lời Phật dạy. Có như vậy ta mới được trí huệ, tinh tấn và thông suốt. Có như vậy ta mới trừ được kiêu mạn và tham sân si. Có như vậy ta mới dứt hẳn được hết nghiệp chướng phiền não đã vây lấy ta từ vô thủy.

Cứu cánh của Phật không chỉ một mình Phật hoặc chư Bồ Tát được vào Niết Bàn, mà Ngài muốn tất cả chúng sanh đều được an lạc ở cõi Niết Bàn. Phật muốn mọi chúng sanh đều đạt đến chỗ Tự Giác, nghĩa là sự giác ngộ cho chính mình; Giác Tha, không những giác ngộ cho chính mình thôi, mà còn tìm phương pháp giác ngộ cho kẻ khác; và Giác Hạnh Viên Mãn, nghĩa là hai công hạnh Tự Giác và Giác Tha đã đạt đến quả vị viên mãn.

141. ĐỨC PHẬT VÀ CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC

Từ hơn hai ngàn năm trăm năm nay chúng ta có cái mai mắn không cùng tận là chúng ta đã và đang thừa hưởng cái con đường đi đến chân hạnh phúc mà Đức Phật đã vạch ra. Không phải chỉ với sáu năm tu khổ hạnh trong vùng rừng núi, và cũng không phải chỉ có bốn mươi chín ngày đêm dưới cội Bồ Đề mà Ngài đạt thành chánh quả đâu. Mà là từ vô lượng kiếp về trước Ngài đã tu, Ngài đã tìm cách mở ra cho được con đường đi đến chân hạnh phúc.

Con đường đi đến chân hạnh phúc là con đường thế nào? Là con đường mà tâm ta quay về với cái tánh tự nhiên của ta. Cái tánh ấy vốn rộng lớn bao la như vũ trụ, tràn đầy tình thương yêu trong sáng, tràn đầy sự hiểu biết chân thật và nguồn hạnh phúc bao la sâu thẳm. Chính Ngài đã mở cánh cửa kỳ diệu của đời sống con người ấy. Ngài đã chỉ vạch cho chúng ta thấy rằng chúng ta có đầy đủ những thứ mà chúng ta đang mong muốn tìm kiếm. Ngài dạy chúng ta rằng chỉ cần để tâm mình trong sáng, tỉnh thức, linh động và bén nhạy thì tự nhiên tâm ta sẽ tỏa chiếu sự thông minh, sự hiểu biết chân thật, tình thương yêu tươi mát rộng lớn, và niềm an vui vô cùng vô tận sẽ trải dài ra trước mắt ta.

Cái con đường hạnh phúc ấy nó không nương tựa vào điều gì cả, nó giống như bầu trời không một áng mây che, ánh sáng tỏa chiếu khắp muôn phương. Chính Đức Phật đã chiêm nghiệm được cái con đường hạnh phúc ấy và Ngài muốn cho mọi chúng sanh đều chiêm nghiệm được như Ngài. Ngài đã nhấn mạnh rằng cái khả năng chiêm nghiệm và thành đạt đến con đường chân hạnh phúc ở mỗi chúng sanh đều đồng đều, không phân biệt

huyết thống, màu da, chủng tộc, giàu nghèo, hèn sang. Phật tánh sẵn có ở mỗi chúng đều bình đẳng như nhau.

142. NHÂN SINH QUAN CỦA ĐẠO PHẬT

Nhân sinh quan hay hữu tình quan trong đạo Phật là cái nhìn của Phật về các loài hữu tình. Hữu tình hay chúng sanh chỉ chung cho tất cả các động vật có sinh mạng, không phải chỉ riêng loài người mà thôi. Hữu tình có sáu đường, bốn loài và ba cõi. Sáu đường hay lục đạo: Trời, Người, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, và A-tu-la.

Chúng sanh vì tạo các nghiệp khác nhau rồi bị nghiệp lực thúc đẩy, dẫn dắt đến sáu loài đầu thai từ cõi này đến cõi khác. Sanh rồi tử, tử rồi sanh, như bánh xe xoay vần không bao giờ ngừng nghỉ, cho nên các Đức Phật gọi đó là luân chuyển trong lục đạo.

Trong lục đạo có ba đường lành là Trời, Người và A-tu-la; và ba đường ác là Súc sanh, Ngạ quỷ và Địa ngục.

Chúng sanh lại chia ra làm bốn loài từ Thấp sanh, Hóa sanh, Noãn sanh và Thai sanh.

Lại nói ba cõi của hữu tình là Cõi Dục, Cõi Sắc, và Cõi Vô Sắc.

143. LỤC ĐẠO MÀ PHẬT ĐÃ NÓI TRONG LOÀI HỮU TÌNH

Phật đã dạy nhơn sanh do mê lầm tạo ra hành động, do hành động bị dẫn đến quả khổ của sanh tử ở trong lục đạo, khó mà thoát ra. Mê lầm tức là vô minh, si ám. Hành động tức là hành vi tạo tác. Vì xung động mê lầm nên con người phát sinh

các thứ hành vi, sự dôn chứa hành vi sẽ sanh ra lực có khả năng dẫn dắt chúng ta luân hồi; hoặc vào địa ngục, hoặc làm ngạ quỷ, hoặc làm súc sanh, hoặc vào cảnh giới A-tu-la, hoặc đầu thai làm người, hoặc sanh lên cõi trời.

Sanh về cõi trời có nghĩa là sáng suốt, thanh tịnh, tự tại. Người sanh về cõi trời được thọ vui nhiều hơn khổ. Sự ăn mặc, lầu đài cung điện đều sung sướng tốt đẹp cả. Người sanh lên cõi trời không thiếu thốn về vật chất. Chúng sanh nào giữ được năm giới và thực hành mười điều thiện sẽ được sanh lên cõi trời hưởng thọ phước báo, đương nhiên là phước báo thắng diệu hơn ở cõi nhân gian.

Sanh vào cảnh giới A-tu-la, nghĩa là tánh tình xấu xa, phước không bằng chúng sanh ở cõi trời. Ai sanh về cõi này, phước báo gần giống như cõi trời, nhưng tánh tình vẫn còn thích chuyện đấu tranh. Người có phước báo, nhưng có nhiều tham vọng, dối trá, kiêu mạn, tâm thường chứa đầy tức giận, chấp trước sẽ được sanh vào cõi này.

Cõi người, tức là được lại làm người. Chúng sanh ở cõi này, vui khổ lẫn lộn, thường bị cảnh khổ sở thiếu thốn, đói khát, lạnh lẽo, nóng nực, sợ sệt... Chúng sanh trong cõi này, tâm luôn bị các thống khổ về sanh, lão, bệnh, tử, chia ly, thương ghét. Cái khổ của chúng sanh ở cõi người gồm đủ loại: Khổ khổ, Hoại khổ, và Hành khổ.

Sanh cũng là khổ, già cũng khổ, bệnh cũng khổ, chết cũng khổ, phạm tội bị tù đày trói buộc cũng khổ. Tình ái thương yêu cũng khổ, chia ly oán hận cũng khổ, cầu không được cũng khổ, ghét mà phải ở chung cũng khổ...

Sanh vào loài súc sanh, nghĩa là loài sanh vật bị người đời ăn thịt hoặc sai khiến. Loài súc sanh chẳng bao giờ được đi thẳng như con người. Chúng sanh nào sống ngu độn, độc ác và tàn bạo thì sanh vào loài súc sanh.

Sanh vào nga quỉ, tức là quỉ đói. Quỉ đói có nhiều loài. Nếu chúng sanh nào sống bần sần, ích kỷ, chỉ nghĩ cho mình mà sống chết mặc bây, sẽ sanh vào nga quỉ. Tuy nhiên, loại còn chút ít phước đức, sẽ được sanh làm nga quỉ ở vùng gò miếu và rừng núi; loại không còn chút phước đức nào thì sẽ sanh vào những chỗ bất tịnh, ăn uống thất thường, đói khát ngày đêm. Loài nga quỉ thường cổ nhỏ như cây kim, thấy cái gì cũng muốn, nhưng đâu có cho vào bụng được. Khi đồ ăn nào vào miệng được thì tự nhiên trở thành lửa đỏ, phải chịu đại khổ não cùng kiếp.

Sanh vào địa ngục là lãnh đủ mọi cực hình khổ não, không bao giờ được an vui, ở chỗ tối tăm, luôn bị tra tấn. Chúng sanh nào phạm vào các nghiệp sát nhưn cực ác sẽ bị rơi vào cõi này.

144. BỐN LOÀI HỮU TÌNH

Bốn loài hữu tình gồm có: Thấp sanh, hóa sanh, noãn sanh và thai sanh.

Thấp sanh là loài sanh ra do sức nóng lạnh hòa hiệp lại. Loài này ở chỗ ẩm thấp, nương theo chất ướt mà thọ hình như côn trùng và sâu bọ.

Hóa sanh không nương theo chủng tộc, cũng chẳng nhờ nhưn duyên cha mẹ, không chỗ nương tựa, loài này tự biến hóa sanh ra như chúng sanh ở cõi trời và địa ngục. Ngoài ra, hóa sanh còn là những loài đã có rồi, mà tiến hóa lên thay hình đổi thể.

Noãn sanh là loài tạo ra hình thể từ trong trứng. Đúng ngày trứng nở mà sanh ra như gà, vịt, chim...

Thai sanh là loài được sanh ra từ trong thai mẹ thành cơ thể như người, trâu, bò, ngựa...

145. BA CÔI

Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc, và cõi Vô Sắc. Cõi Dục nghĩa là cõi của ái dục. Có hai thứ dục: Dâm dục và Thực dục. Dâm dục là ham muốn nam nữ, thực dục là ham muốn về vật chất. Chúng sanh nào sanh ra ở cõi dục đều có năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chúng sanh từ ở cõi trời, a-tu-la, người cho đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đều ở trong cõi Dục này.

Cõi Sắc ở trên cõi dục một bậc. Chúng sanh trong cõi này không có dâm dục và thực dục. Tuy nhiên vẫn chưa thoát được các mối phiền trược. Cõi này chia ra làm bốn cõi: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên và Tứ Thiên.

Cõi Vô Sắc là cõi cao hơn cõi sắc một bậc. Chúng sanh trong cõi này không có thân thể, hoàn toàn thoát khỏi mọi ràng buộc của vật chất. Chúng sanh trong cõi này thường trụ trong các thiền định thâm diệu. Cõi Vô Sắc gồm: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng Xứ.

146. NGŨ THỪA TRONG ĐẠO PHẬT

Ngũ thừa trong đạo Phật gồm: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ Tát thừa.

Nhơn thừa là thừa trọng tâm trong Phật giáo vì chính chúng sanh trong thừa này có thể tu hành hưởng thượng. Tuy nhiên, Đức Phật dạy muốn bảo tồn thân người, nghĩa là được đầu thai lên làm người trở lại thì ta phải phụng trì ngũ giới: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

Thiên thừa tức là cõi trời, an vui hơn cõi người, và cũng ít thọ khổ hơn cõi người. Tuy nhiên, muốn được sanh vào cõi trời,

chúng sanh phải giữ thập thiện tức là thực hành mười điều lành. Năm giới cấm trong cõi người chỉ nhằm ngăn ngừa việc ác và nằm trong phạm vi tiêu cực, còn mười điều lành trong cõi trời chính là phần phụng hành tích cực. Mười điều lành gồm: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không hỗn hào, không nói thêu dệt, không tham dục, không tức giận, và không tà kiến. Ý nghĩa của mười điều lành là xa lìa sự giết hại các sinh mạng, xa lìa tà dục, xa lìa sự nói dối, xa lìa các lời nói ly gián hoặc nói lưỡi hai chiều. Không đến bên này nói một đường, đến bên kia nói một nẻo, làm cho đôi bên tức giận nhau. Xa lìa lời nói thô ác, tức là chớ để tâm giận nổi lên mắng nhiếc mọi người. Xa lìa vọng ngữ, tức là không nói sai sự thật và không tạo chuyện không mà nói có, có mà nói không. Không thêu dệt, trau chuốt, điêu ngoa, khiến xiêu lòng người.

Thanh Văn thừa dùng pháp Tứ Diệu Đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) để tu cho đến chứng quả Thanh văn.

Duyên Giác thừa tu theo cách quán mười hai nhân duyên để được chứng quả Bích Chi Phật.

Bồ Tát Thừa thực hành lục độ để chứng quả vị Phật.

147. ĐI TU LÀ ĐI CHẶN TRÂU

Đức Phật đã ví vọng tâm của chúng sanh như là loài trâu hoang. Trâu hoang là trâu chạy lung tung không định hướng, còn vọng tâm là một thứ tâm lăng xăng, cứ mãi lo nghĩ thị phi. Chúng ta đang lăng lộn lộn trong cuộc thị phi này có khác gì loài trâu hoang kia đâu. Bởi vậy Đức Từ Phụ đã nói đi tu cũng giống như đi chặn trâu vậy. Nghĩa là đi tu là kéo cái tâm thị phi điên đảo kia về với cái chơn tâm của từ bi hỷ xả; cái chơn tâm trong

sáng, phẳng lặng; cái chơn tâm bất sanh bất diệt. Nếu Đức Từ Phụ đã ví chuyện tu như chuyện chăn trâu thì chuyện tu đâu có khổ. Việc gì cũng vậy, đều do thói quen. Chăn trâu mà hễ thấy trâu vừa xoay mặt thì ta biết ngay trâu muốn làm gì để mà chặn cho nó kịp thời, thì việc tu cũng vậy, hễ tâm vừa gợn lên vọng niệm là ta biết đấy là vọng niệm mà dừng theo.

Con trâu hoang, với toàn thân bao phủ một màu đen, không người chăn giữ, có thể gây thiệt hại cho mùa màng chẳng những của chủ trâu mà còn cho bá tánh nữa. Như vậy phải làm sao? Muốn tránh cảnh trâu dậm đạp lúa mạ thì phải có những mục đồng giỏi, biết cách và có thể điều khiển được trâu. Trâu ở đây là gì? Trâu ở đây chính là cái tâm lăng xăng của chúng ta đấy. Toàn thân màu đen ở đây ám chỉ nghiệp đen tối, hung ác, tội lỗi của chúng sanh. Còn mục đồng ở đây là ai? Mục đồng ở đây có thể là một Bồ Tát, hay một chơn tăng, xông vào trần tục để cứu độ chúng sanh thoát vòng khổ não.

Nhìn hình ảnh chú mục đồng nhỏ thó mà con trâu đen huyền đang lồng lộn, ta thấy quả là khó khăn cho chú mục đồng. Tuy nhiên, mạnh dùng sức, yếu dùng chước, và rồi lúc nào phần thắng cũng nghiêng về bên trí huệ. Cũng giống như theo đạo Phật là lợi ngược dòng đời, thế mà nhờ được từ bi của Phật Tổ mà biết bao nhiêu vị tổ đã đắc quả.

Muốn chăn dẫn trâu hoang cho thành thuần thực thì việc trước tiên là ta phải tìm cho được trâu, xem coi nó ở đâu. Phàm phu thì cứ tưởng là đã mất trâu, mà mãi mê tìm kiếm. Thật sự thì trâu có mất đâu. Trâu vẫn còn đấy, cũng như tâm ta vẫn còn đấy. Thế mà ta cứ bị những giác quan nó dẫn dắt ta đến nỗi ta lạc mất tâm ta. Trở trâu thay, ta đang êm đềm cỡi trâu mà ta nào có hay. Nghĩa là nhứt thiết chúng sanh đều có chơn tâm, Phật tánh đầy đủ. Thế mà ta cứ hướng ngoại để tìm tâm. Mặc dù ta đã

nhiều lần thay đổi hình dạng trong đường lục đạo, nhưng chơn tâm ấy vẫn là chơn tâm. Nó chỉ bị ẩn khuất mà thôi.

Đã biết chơn tâm vẫn thường hằng ở trong ta, nhưng làm sao để thấy được nó đây? Một khi đã biết được chỗ ẩn náu của trâu và quyết tâm chặn cho được nó, tuy chưa bắt được nó, nhưng việc chặn nó cũng không là nan sự. Một khi ta đã biết cái chơn tâm kiến tánh nó nằm ở ngay trong ta, thì vấn đề chỉ là ta có muốn đạt cho được nó hay không thôi. Nếu muốn đạt cho được nó thì ta phải tu.

Con đường tu tập tuy rất dài và rất khó, nhưng không phải không làm được. Người chăn trâu, sau khi đã thấy trâu rồi, cũng giống như khi ta đã nhận ra chính cái vọng tâm là giặc ở trong ta, đã tạo ra các điều hung ác và sanh khởi ra các niệm không lành làm cho Phật tánh của ta bị lu mờ. Ấy chính là cái duyên cho chơn tâm ẩn khuất. Nhận thức được như vậy mà nhứt định một vọng niệm cũng không khởi, thì cái chuyện ngộ được chơn tâm chỉ là vấn đề thời gian mà thôi.

Cái cảnh chú mục đồng bắt được trâu có khác chi người học đạo biết áp dụng tứ nhiếp pháp mà tu tập, hoặc tham thiền nhập định mà câu thúc vọng tâm. Người mục đồng, tuy thả cho trâu đi ăn cỏ, nhưng luôn xỏ mũi trâu, vì vẫn còn sợ trâu sút chạy thì khó lòng bắt lại; cũng giống như người Phật tử phải luôn luôn giữ gìn giới luật cho nghiêm trang, vì tâm mình thường hay đối gạt mình lắm. Cho nên chưa chứng được quả A-la-hán thì chưa tin được tâm mình đâu.

Cái cảnh mục đồng ngồi thông dong tự tại trên lưng trâu và cỡi về nhà cũng giống như người tu hành, sau khi giữ giới và hành trì những gì Như Lai đã chỉ dạy thì có quyền ung dung tự tại đi vào nhà Như Lai. Trong Kinh Pháp hoa nói: “Vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai.” Nhà Như Lai ở đây có nghĩa là từ bi, áo Như Lai ở đây có nghĩa là nhu hòa nhẫn nhục,

Tòa Như Lai ở đây có nghĩa là các pháp không: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không tham, không sân, không si.

Chấn cho tới lúc nào đó không thấy trâu đầu, mà chỉ còn lại vồn vện có chú mục đồng. Con trâu tượng trưng cho những thú tánh tàn ác, còn chú mục đồng tượng trưng cho cái Phật tánh. Thú tánh không có thực thể, nên chỉ chúng sanh biết cái tà qui chánh thì tự nhiên tất cả các thú tánh tội lỗi đều tan biến và tự nhiên cái Phật tánh nó hiển lộ ra.

Lúc này thì cả trâu lẫn người đều không còn. Trâu tu luyện lâu rồi thì trí huệ cũng sẽ như chú mục đồng kia. Ý nói khi người Phật tử đã có trí huệ như Phật, nhận rõ thân người, thân chúng sanh và thân các pháp đều vô ngã, tức là đã ngộ được chân không và pháp không rồi vậy.

Chân tâm vốn thanh tịnh và bất động thì làm gì có đi có đến, có ra có về. Cái chơn tâm nơi Phật và cái chơn tâm nơi chúng sanh không bao giờ sai biệt, không lớn hơn, mà cũng không nhỏ hơn. Chỉ vì vọng tưởng bấy lâu nay mà chấp trước, mà xa lìa nó, mà không thể thấy được nó. Nếu xa lìa vọng tưởng chấp trước thì Thanh tịnh trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí tự nhiên hiện tiền như gương đã được lau sạch hoàn toàn.

Khi gương đã sạch bụi rồi, cũng như trâu và người đã không còn thì cũng giống như vạn duyên đã dứt sạch. Lúc ấy người Phật tử cứ thẳng đường vào nhà Như Lai thái bình, thanh tịnh.

148. ĐẠO PHẬT BẮT ĐẦU TỪ ĐÂU?

Đạo Phật bắt đầu từ khi Đức Thế Tôn ra đời tại Nepal, Ấn Độ, cách nay trên hai ngàn năm trăm năm. Thái Tử Sĩ Đạt Tha, con vua Tịnh Phạn và bà Hoàng Hậu Ma Da, tại một vương quốc nhỏ ở phía bắc Ấn. Thái Tử ra đời trong một xã hội vô cùng hỗn độn, đầy dẫy những bất công. Đức Thế Tôn đã làm một cuộc cách mạng con người, một cuộc cách mạng vĩ đại không tiền khoáng hậu.

Mỗi bước chân Ngài đi qua là một đóa sen nở với những hương thơm ngạt ngào, không riêng gì ở Ấn Độ, mà là ở khắp năm châu. Lúc Pháp sư A-tư-đà vào làm phép cho Thái Tử, ông đã khóc mà rằng ông sẽ không có cơ hội học đạo Vô Thượng Bồ Đề với một vị Phật tương lai. A-tư-đà đã tuyên đoán là thái tử hoặc sẽ là chuyển luân thánh vương, hoặc sẽ là một người giác ngộ rốt ráo. Từ khi nghe được những lời tiên đoán này, vua Tịnh Phạn lấy làm lo lắng. Từ đó nhà vua ngày đêm huấn luyện cho thái tử văn thơ và võ nghệ, những mong sau này thái tử sẽ kế vị vua cha mà chăm lo việc nước.

Ngay khi còn nhỏ, thái tử đã tỏ ra là một con người có lòng nhân đức. Có một lần, Đề-bà-đạt-đa bắn một con thiên nga rơi vào vườn Lộc Uyển của thái tử. Thái tử đã đem chim vào mà săn sóc vết thương. Sau đó, Đề-bà-đạt-đa và thái tử cùng giành nhau con thiên nga. Đề-bà-đạt-đa cho rằng chính mình đã bắn rơi chim, vậy thì chim phải thuộc về mình. Còn thái tử thì cho rằng chim phải thuộc về ai thương chim. Trong lúc tranh cãi thì triều đình có khuynh hướng thiên về Đề-bà. Tuy nhiên, sau tiếng ho của vua Tịnh Phạn, thì mọi người đều đồng ý cho là thái tử có lý. Tuy thắng cuộc, nhưng thái tử cứ mãi âu lo về cuộc sống này vì Ngài đã thêm một lần mắt thấy tai nghe về cái sức mạnh của uy quyền và bạo lực.

Vào thời thái tử sanh ra, chỉ có Bà-la-môn là tối cao và Phạm thiên có uy quyền tối thượng. Phạm thiên là chủ tể, cho nên việc tế lễ Phạm thiên là việc phải làm. Mà mỗi lần tế lễ Phạm thiên đâu phải là ít tốn kém. Thế thì những người nghèo làm sao? Tiền bạc đâu để tế lễ Phạm thiên đây? Mà không tế Phạm thiên (nghĩa là không đút lót gì cho Phạm thiên) là bất kính với Phạm thiên và người ta tin rằng hạng người này sẽ đời đời làm nô lệ. Như vậy thử hỏi Phạm thiên có công bằng với tất cả mọi người hay không? Đó chẳng những là cái khổ của con người trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ, mà còn là cái khổ chung của chúng sanh. Ai cũng chỉ cho mình là Phạm thiên và cho những hạng khác là cùng đing. Xã hội chính vì vậy mà càng đau khổ hơn, càng thù hận hơn. Đức Phật đã nhìn thấy ngay khi Ngài còn nhỏ những bất công ấy. Ngài đã nhìn thấy cá lớn nuốt cá bé; chim nhỏ ăn trứng; chim lớn ăn chim nhỏ; kên kên nuốt chim lớn; thú lớn ăn thú nhỏ; người bắt thú... Ngài đã vô cùng băn khoăn và từ đó Ngài đã quyết lòng đi tìm cho ra manh mối của những trở ngại này để mà tìm đường giải thoát cho chúng sanh.

Ngài nhận thấy đời là một đấu trường mà mọi người đều phải chiến đấu, không thể nào chạy ra ngoài được. Ngài đã thấy rõ quyền bính, giàu sang và sắc đẹp không phải là cứu cánh của cuộc đời. Ngài đã nhìn thấy hạ tiện hay không hạ tiện, không phải do giai cấp, mà là do hành động và ngôn ngữ của mình. Rồi Ngài lại thấy thêm cái cảnh đau đớn của Công Chúa Gia Du lúc hạ sanh La-hầu-La. Ngài thấy rõ cuộc sống của con Ngài bắt đầu bằng một tiếng khóc, ôi đau khổ cho cuộc đời thế tục! Từ đó Ngài quyết chí xuất gia tìm chơn giải thoát cho mình và cho người. Sau bao năm tu tập, Ngài đã tìm ra con đường giải thoát cho chúng sanh. Phật pháp mà Ngài tìm ra có hai Đế: Chân Đế và Tục Đế. Nếu ta đứng hẳn về chân đế, xa rời tục đế thì chúng ta sẽ không tìm được miếng cơm manh áo. Ngài dạy chúng sanh

không xa rời tục đế, mà phải mượn cái tục đế để hướng về chân đế, để nhìn thấy những cái thực của tục đế, thấy sự giành giật, đau khổ của thế gian để mà xa lìa chúng. Thấy đế mà tự quán sát mình. Thấy đế không đánh mất mình. Ngài đã chỉ dạy rằng hãy đi con đường trung đạo. Hãy đứng trong chân đế để thấy tục đế, và hãy đứng trong tục đế để thấy chân đế, dù chỉ là thấy được một phần.

Sau khi đọc Kinh Vệ Đà, thì thái tử đã đặt lại vấn đề về sự phục vụ của Kinh Điển. Ngài thấy rõ Kinh Điển mà Phạm thiên đã đặt ra là cho ai. Có chăng là chỉ cho một thiểu số Bà-la-môn mà thôi. Đó là một truyền thống ích kỷ và chính đó là đầu dây mối nhợ của các sự bất công trong xã hội. Ngài đã thấy rằng vì quyền lợi riêng của giai cấp mình mà Bà-la-môn đã tạo ra kinh điển, chỉ để phục vụ cho giai cấp họ mà thôi. Từ đó, Ngài đã đặt lại vấn đề, và kết quả là Ngài đã tìm được con đường giải thoát, chẳng những cho mình, mà còn cho chúng sanh nữa. Kinh điển của Ngài là cho mọi người và mọi giai cấp. Ngài hoàn toàn bác bỏ khái niệm về Phạm thiên đã tạo ra mọi loài, vừa làm giáo chủ, vừa làm bá chủ thiên hạ. Đức Thích Ca Mâu Ni đã tạo ra đạo Phật với một sắc thái đặc biệt. Dù chính Ngài đã sáng tạo ra đạo Phật, nhưng Ngài đã khẳng quyết đạo Phật không có giáo chủ. Ngài nói rằng Ngài chỉ là người dẫn đường cho chúng sanh thoát khỏi biển sanh tử luân hồi, chứ Ngài không là chúa sáng thế. Ngài chỉ đưa ra những lời khuyên dạy chúng sanh làm cho đúng để được giải thoát. Làm hay không làm là còn tùy ở chúng sanh.

149. SỐNG TỈNH THỨC

Chúng ta đang sống trong một xã hội văn minh vật chất, một xã hội chỉ biết có đua chen, một đấu trường xã hội mà trong đó con người là những đấu sĩ, phải liên tục đấu tranh, giành giật và tranh sống như những chiến sĩ. Nếu chúng ta không chen chân vào thì chúng ta sẽ bị nó đào thải, còn nếu chen chân vào thì chúng ta cũng sẽ bị quay cuồng như bao nhiêu người khác. Chúng ta phải làm sao đây? Đức Phật đã dạy: “Xin hãy sống, hãy tạo sự nghiệp, miễn đừng làm phương hại đến người khác.” Nhưng mà sống đấu tranh thế nào mà không phương hại đến người khác đây? Cũng chính Đức Phật dạy rằng chúng ta hãy sống trong tỉnh thức, sống an nhiên tự tại, thì tự nhiên chẳng những ta được lợi lạc, mà người cũng được lợi lạc.

Thế nào là sống là sống trong tỉnh thức?

Sống trong tỉnh thức là biết rằng trong cuộc đời này không có cái gì tồn tại lâu dài. Mọi việc đến rồi đi một cách tự nhiên, ngay cả thân ta. Hễ thuận duyên thì thành, mà nghịch duyên thì diệt. Sống trong tỉnh thức là không luyến tiếc quá khứ, không ưu tư tương lai, vì luôn biết rằng:

Quá khứ đã qua rồi

Còn tương lai thì chưa đến.

Thói thường ta chỉ thích đón nhận những sung sướng, những hạnh phúc và sợ hãi trốn tránh những đau khổ. Người sống trong tỉnh thức là người biết sống an trú trong hiện tại, không sợ hãi bất cứ cái gì xảy đến với ta. Nên nhớ rằng sợ hãi sẽ đeo đẳng ta nếu ta tìm cách trốn, mà không tìm cách diệt nó. Tại sao ta lại không chấp nhận hiện tại, mà lại đi suy nghĩ viễn vong về những chuyện đã qua, hoặc những chuyện chưa tới. Hãy tạm gọi quá khứ, hiện tại và tương lai là những cái gông của cuộc đời đi, thì ta sẽ thấy rõ trên đời này ta muốn mang bao nhiêu cái gông. Nếu

chúng ta lẫn lộn với cả ba thứ quá khứ, hiện tại và vị lai, tức là ta chấp nhận mang vào cổ cùng lúc ba cái gông. Nếu như ta chỉ chọn hiện tại, ấy là ta chỉ mang một gông thôi. Xin hãy lựa cái gông nào nhẹ nhàng và lợi lạc nhất mà đeo. Xin thưa chỉ có hiện tại là những gì mà ta đang có, không ai chối cãi được điều ấy.

Cuộc đời này với những ràng buộc liên tục từ vật chất đến tinh thần giữa người này với người khác, đã khiến cho chúng ta phải hưởng ngoại mà quên mất đi ta. Sống tỉnh thức là biết về sống với chính ta, giúp ta soi rọi lại cái phần nội tâm đã bị chính ta quên lãng bấy lâu nay. Sống tỉnh thức là biết soi rọi những hành động sai lầm của ta mà sửa chữa. Sống tỉnh thức là sống trong lòng từ bi bao la, chứ không tham muốn, ganh tị, sân hận, và bất mãn. Sống thức tỉnh là biết rằng ta chỉ là hạt cát của sa mạc, hoặc chỉ là giọt nước của đại dương, để mà đừng đòi hỏi cái gì cũng xảy đến như ý ta muốn. Sống tỉnh thức là biết rằng ta không phải là trung tâm của vũ trụ; dưới mắt ta là cả một bầu trời bao la rộng lớn, chứ không phải chỉ có ta, không phải là mục hạ vô nhơn.

Trên đời này làm cái gì thì cũng phải có suy tính. Người sống trong tỉnh thức là người dùng trí huệ mà suy tính. Trí huệ sẽ cho ta biết thực ta đang nghĩ gì, đang muốn gì, và những gì đang xảy ra quanh ta. Sống tỉnh thức là tỉnh thức từ cái đi, cái đứng, cái ngồi, cái ăn, cái nói. Nghĩa là cái gì cũng được ta quan sát một cách tỉ mỉ và chính xác. Sống tỉnh thức là biết rằng chính ta chịu trách nhiệm cho mọi cảm xúc vì biết rằng mọi cảm xúc đều do ta tạo nên. Sống tỉnh thức là chỉ làm những điều gì có lợi lạc và kiểm chế, không làm những gì không mang lại lợi ích.

Tâm ta thường hay lang thang, thiếu chủ định như con vượn chuyền cây. Sống tỉnh thức là đừng chạy theo vọng niệm. Sống tỉnh thức là biết rằng niệm đến, niệm đi, cứ để tự nhiên, chứ không chạy theo. Sống tỉnh thức là biết rằng không có ai suy

ngĩ, mà chỉ có sự suy nghĩ; không có ai đi, mà chỉ có sự đi; không có ai thấy, mà chỉ có sự thấy. Sống như vậy thì làm gì có gánh nặng đau khổ của cuộc đời. Sống tỉnh thức là biết suy nghĩ đến những tai hại do sự sân hận và lòng ganh ghét gây nên, cũng như những lợi lạc do lòng từ bi mang lại. Sống tỉnh thức là biết mong cầu cho mình và cho người thoát khỏi những phiền toái gây ra bởi tức giận, sợ hãi, lo âu, căm thù và sân hận. Biết mong cho mình và cho người được an vui hạnh phúc. Sống tỉnh thức là biết rằng sân hận sẽ mang đến sợ hãi, bất an, lúc nào cũng trách mình và trách người. Sống tỉnh thức là biết rằng lòng từ bi hỉ xả sẽ chẳng những có lợi cho người, mà còn có lợi cho ta nữa; lòng từ bi hỉ xả sẽ làm cho tâm trí ta sáng suốt, khiến cho ta luôn có thiện cảm về người khác, và ta sẽ chẳng bao giờ trách ta hay trách ai cả.

Tóm lại sống tỉnh thức là phương tiện chẳng những tạo cho ta cuộc sống an nhiên tự tại ở hiện tại, mà còn là phương tiện thù thắng giúp ta một cách tích cực trên bước đường tu tập.

150. PHÂN THÂN TRONG KHI TU HỌC

Thân chúng ta vẫn là thân chúng ta đấy chứ; tuy nhiên, nếu chúng ta quyết chí tu học thì chúng ta nên cố hòa nhập ta vào người. Để chi? Để mà thông cảm, để mà thương và cứu độ. Người khác là người khác mà cũng có thể là mình. Họ có thể là hình ảnh của chính ta đấy. Hãy nhìn những cái sai trái của người để thấy những cái sai trái của mình, chứ đừng nhìn để mà trách người. Hãy dùng cách tu mà Đức Phật đã dạy là ‘Phản quang tự kỷ,’ có nghĩa là hãy nhìn thấy con người thật của mình trước khi thấy bất cứ ai. Có được như vậy ta chẳng những tránh được phiền não, mà còn tránh được nhiều hậu họa về sau.

Trong khi tu học, hãy nhận dạng cho được những chuyện xảy ra hằng ngày từ thương yêu, đau khổ, và phiền não. Để thấy rằng trên đời này cái gì cũng vô thường. Sanh đó, rồi diệt đó; vui đó, rồi buồn đó; thương đó, rồi ghét đó... Để thấy đau cũng khổ, thương cũng khổ, cầu bất đắc cũng khổ, oán tắng hội cũng khổ... Nhận dạng như vậy để chúng ta có được những bài pháp sống mà áp dụng trong cuộc tu học của ta.

Người biết phân thân là người biết nhận xét người trên quan niệm và cách suy nghĩ của người, chứ không trên quan niệm và cách suy nghĩ của ta. Người biết phân thân là người không hàm hồ khen ai, mà cũng không hàm hồ chê ai. Chuyện khen chê là chuyện thị phi, hãy xem chúng như gió thoảng mây bay, như nước chảy qua cầu. Người biết phân thân là người dám can đảm nhìn thấy cái lỗi của mình, và không bao giờ hoan hỉ khi thấy lỗi người. Không gì đáng sợ cho bằng bịnh mà nói mình không bịnh, lỗi mà nói mình không lỗi. Càng cố đè nén, chôn sự sợ hãi của lỗi lầm chỉ càng làm cho tình huống trở nên tệ hại hơn thôi.

151. TU LÀ PHẢI BIẾT CHỨNG DIỆN

Tại sao lạ đời vậy? Tu mà còn chứng diện cái nỗi gì? Tu là lìa bỏ mọi tham ái, là thấy thân này bất tịnh, là vô thường, thế mà tại sao phải chứng diện? Ấy thế mà tu là cần phải chứng diện cho thật nhiều. Chứng diện ở đây không có nghĩa là ăn mặc bảnh bao, son phấn lòe loẹt. Mà chứng diện ở đây là chứng diện cho thiện nghiệp, chứng diện cho cái lòng từ bi hỉ xả, và chứng diện cho cái nhìn như thị. Một thí dụ điển hình về một cô gái có ý tứ, từ cái đi, cái đứng, cái ăn, cái nói. Từ công dung ngôn hạnh đều vẹn toàn thì lo gì phải ở giá, lo gì không có người để ý đến.

Người tu mà chủ đích cho được Phật thọ ký, phải còn hơn những giữ gìn của cô gái nhiều. Người tu chẳng những phải có ý tứ về đi, đứng nằm, ngồi, mà còn về hành động và tư tưởng nữa.

Ngoài đời thì dựa vào sắc tướng bên ngoài, chính vì vậy mà có những sự đổ vỡ do bởi thời gian sẽ tàn phá đi những cái sắc tướng vô thường ấy. Một khi sắc tướng đã phai tàn thì con người ta sẽ đi từ chán đến bất đồng ý kiến, rồi tìm những dị biệt để đi đến cãi vã và cuối cùng đi đến chỗ ghét nhau. Tất cả những tai ương xảy đến đều do cái nhìn ‘Nhị Biên,’ không như thị của ta mà ra. Chúng ta cứ mãi mong chờ những viên ngọc nước dưới ánh mặt trời mà chả bao giờ chúng ta có được. Khi chúng ta muốn vui thì chúng ta chỉ lấy những yếu tố bên ngoài làm niềm vui, như vậy niềm vui của ta tùy những yếu tố bên ngoài ấy. Hễ những yếu tố ấy còn thì niềm vui còn, mà hễ những yếu tố ấy mất, thì niềm vui của chúng ta cũng tan biến theo.

Hãy tự hỏi lòng mình xem có mấy khi ta cười cho chính ta. Có khi nào ta tặng hoa cho ta đâu? Thưa ít khi lắm. Thường thì ta chỉ tặng cho ai đâu chứ ít khi ta nghĩ đến ta. Đi tu là tặng cho ta những nụ cười, những đóa hoa đẹp gấp vạn triệu lần những đóa hoa ngoài đời. Tập được như vậy, ta mới thấy được cái đẹp của cuộc đời. Ấy là ta tự chưng diện cho chính ta đấy. Hãy tập nhìn cho biết cái nào giả, cái nào thiệt và hãy nói những lời chân thật, ấy là chưng diện cho mình đấy.

Thói thường, chúng ta nhìn đời bằng những ảo tưởng; ta cứ muốn cái gì đẹp, cái gì trẻ mãi. Khi có những thay đổi thì bao giờ ta cũng có cảm giác khó chịu. Chúng ta quên một điều mà Đức Phật đã dạy là cuộc đời này là đau khổ; người biết tu là người biết chuyển cái khổ đau ấy thành ra thanh tịnh an vui.

Chưng diện của người biết tu là cứ nghĩ đến một tương lai tốt đẹp, nhưng không khẳng khẳng phải đợi cho được những thứ ấy mới là hạnh phúc. Mà người biết tu luôn nghĩ rằng hạnh phúc

thay chư Phật giáng sinh. Những khi ta sống trong tỉnh thức, sống trong thanh tịnh, ấy là chư Phật giáng sinh. Sống được như vậy thì một năm của chúng ta là ba trăm sáu mươi lăm ngày với vạn triệu niềm hạnh phúc. Một tâm niệm lành phát sanh là chư Phật giáng sinh. Người biết tu là đừng bao giờ cột nhau vào những gút mắc không lối thoát, mà hãy tạo điều kiện cho các chư Phật giáng sinh.

Người biết tu là cảm thấy sung sướng, hạnh phúc khi có được giáo pháp cao minh. Người biết tu là người biết chưng diện với giáo pháp vì giáo pháp là con đường đưa ta đến giải thoát. Người biết tu luôn nghĩ rằng danh vọng, tiền tài, của cải, vật chất, tài sản, ruộng vườn có rồi không. Chúng đến rồi đi, chỉ chừa lại ta trở trọi với những trần trọc lo âu. Hãy tỉnh thức đi để thấy rằng chúng ta đã mất mát quá nhiều, nhiều lắm, nhiều thứ còn quý gấp vạn triệu lần những thứ ấy. Chúng ta đã mất quê hương, cha mẹ, anh em và nhiều thứ nữa. Nhưng chúng ta còn giáo pháp, chúng ta vẫn còn khả năng tiếp nhận những phương cách đưa chúng ta từ chỗ phiền não đến giải thoát.

Người biết chưng diện cho cái tu của mình là từ khi mở mắt ra, tai nghe, xúc chạm đều có thể tu được. Người biết tu biết rằng tất cả những phương tiện làm cho con người bớt đau khổ đều là Phật pháp.

152. PHẬT ĐÃ THẬT SỰ DIỆT ĐỘ CHƯA?

Thưa Đức Phật Thích Ca hóa thân đã thật sự nhập diệt cách nay gần ba ngàn năm, nhưng pháp thân của Đức Phật, nghĩa là cái hồn của đạo Phật, cái tánh giác ngộ của đạo Phật vẫn thường còn.

Chúng ta có thấy được cái tánh giác ngộ ấy không?

Thường chúng ta tưởng giác ngộ là phải như Phật vậy. Thừa Phật là toàn giác, còn chúng ta nếu có giác ngộ chẳng thì chỉ là phần giác mà thôi. Mà muốn đạt được phần giác cũng không phải là chuyện dễ, tại vì chúng ta đã sống trong mê mờ tăm tối lâu rồi. Chúng ta vui thì ít mà buồn giận thì nhiều. Hãy sống trong thức tỉnh đi để thấy rằng Phật vẫn còn đó. Hãy sống trong thương yêu và dẹp bỏ cái chấp ngã để thấy rằng Phật vẫn còn trụ thế.

Muốn thấy Phật vẫn còn trụ thế chúng ta phải làm sao?

Chúng ta phải ngày đêm hành trì những lời Phật dạy, hành trì để mà từ bỏ đi cái ngã chấp to lớn trong ta. Có nhiều khi chúng ta đi chùa hằng ba bốn chục năm, hoặc cả đời, nhưng chúng ta chả bao giờ thấy Phật đâu cả. Tại sao vậy? Tại vì ta cứ đi chùa, cứ tụng kinh, cứ ăn chay, cứ niệm Phật; nhưng trong lòng ta ta chưa bao giờ biết cái nghĩa thật của chữ tu. Cứ đi chùa, niệm Phật, ngồi thiền, mà mặt thì cứ vênh vênh tự đắc ngoài ta ra không còn ai. Hễ ta còn vọng niệm về chứng đắc thì ta sẽ chẳng bao giờ chứng đắc cả. Hễ khi nào còn một vọng niệm cố chấp thì ta sẽ chẳng bao giờ thực sự tu cả. Một thí dụ cụ thể là lúc đi phố thấy một thanh niên đứng đường xin tiền, chúng ta chẳng những không cho mà còn cho rằng anh ấy lừa dối, hút xách nên mới phải đi xin tiền. Chúng ta nào có biết những nguyên nhân sâu xa đã đưa cậu ta đến con đường ấy. Nhiều khi biết rồi ta sẽ cảm thấy thương tâm vô cùng. Hãy dùng cái bi, trí, dũng của đạo Phật trong từng lời ăn, tiếng nói, đến hành động và hành trì liên tục. Ấy là ta đã tỉnh Phật trụ thế rồi vậy.

153. BỐN SỰ THẬT CAO QUÝ

Một trong những chánh pháp cao quý mà Đức Thế Tôn đã để lại cho chúng ta là Tứ Diệu Đế hay là bốn sự thật cao quý. Bốn sự thật này chẳng những là khuôn vàng thước ngọc cho mọi Phật tử, mà còn là sự thật cao quý cho nhơn loại. Tứ Diệu Đế là bốn sự thật chắc chắn, quý báu, hoàn toàn nhất. Không có một giáo lý nào có thể sánh bì. Bốn sự thật này như là ngọn đuốc thiêng có thể soi đường cho người đi đường trong đêm tối, đi đến đích, mà không sợ lầm lạc. Bốn sự thật ấy là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Thế nào là Khổ Đế?

Con người từ lúc mới sanh ra đã phải thường xuyên đối diện với cái khổ về vật chất hay tinh thần. Khổ vì sanh, già, bệnh, chết. Khổ vì không biết được niềm an vui bao la vẫn luôn có mặt nơi ta, thế mà ta nào có hay biết. Thế nên ta luôn kiếm tìm để thỏa mãn những nhu cầu vật chất nhỏ hẹp. Khổ vì muốn mà không thành tựu, khổ vì chính sự sân hận của ta. Đạo Phật nói rõ sống là khổ, đau là khổ, già là khổ, sự sợ hãi về cái chết cũng là khổ. Con người từ lúc sanh ra cho đến lúc trả thân về cho tứ đại phải chịu không biết bao nhiêu là nỗi khổ. Chính vì vậy mà Đức Thế Tôn đã ví cõi đời này là một bể khổ.

Thế nào là Tập Đế?

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy vì đâu mà có khổ. Thấy để mà diệt cho được cái khổ. Khổ có hai loại: Khổ về thể chất và khổ về tinh thần. Khổ về thể chất bao gồm sanh, lão, bệnh, tử. Khổ tinh thần là những nỗi khổ cầu bất đắc, điều mình không ưa lại xảy ra. Nguyên nhân của những nỗi khổ đã chứa nhóm, tích trữ lâu đời, lâu kiếp trong mỗi chúng ta. Ấy cũng chính là sự thật về cội gốc của bể khổ trần gian và của luân hồi sanh tử. Phật đã dạy tất cả các cội gốc của sanh tử luân hồi đều do các phiền não

mê lầm mà ra. Phiền não mê lầm chính là những dục vọng xấu xa, những ý niệm sai quấy, làm não loạn tâm chúng ta. Phật cũng dạy rằng chính tham, sân, si, ngã mạn, cống cao, thân kiến, biên kiến, tà kiến đều là nguyên nhân gây ra đau khổ. Chính những thức giục mù quáng, mê mờ đã làm ta luôn bị quay cuồng trong vui, buồn, thương, ghét, sướng, khổ, mãi mãi không thôi. Những ham muốn này cứ làm sức mà xoay mãi bánh xe luân hồi.

Thế nào là Diệt Đế?

Một khi ta biết được sự đau khổ, biết được nguyên nhân gây ra cái khổ, thì sự giải trừ đau khổ là chuyện tự nhiên phải có. Phật đã dạy muốn diệt cái khổ, chúng ta phải diệt cho tận gốc, chứ nếu chỉ diệt cái quả thì không bao giờ hết khổ được. Muốn diệt tận gốc cái khổ thì phải diệt từ cái nhân của nó. Khi nhìn thấy sự tham dục và lòng sân hận chính là nguyên nhân đưa chúng ta đến những nỗi khổ triền miên bất tận thì chúng ta đã biết phải làm gì để được đời đời thoát ra khỏi những đau khổ này. Nên nhớ rằng diệt dục ở đây không có nghĩa là diệt trừ tất cả mong muốn, kể cả nhu cầu cho cuộc sống. Ai mà nghĩ như vậy, rồi đâm ra ép xác, khổ hạnh là một sai lầm lớn lao. Diệt dục trong ý nghĩa lành mạnh và rất dễ dàng thực hiện là không để tâm mình dính mắc vào các ý tưởng tà vạy, những ham muốn vô tận, vô đáy. Nếu mọi phiền não đều bị tiêu diệt thì Niết Bàn tự nhiên hiển lộ.

Thế nào là Đạo Đế?

Muốn thực chứng Niết Bàn, chúng ta phải tu theo phương pháp mà Đức Phật đã dạy. Nếu không có một phương pháp hành trì đúng thì cho dù có hiểu biết bao nhiêu cũng bằng thừa. Đức Phật đã chỉ cho chúng ta đủ mọi cách từ thiền quán như: quán thân bất tịnh, quán ngã vô thường, quán pháp vô ngã, quán thọ thị khổ. Quán sát để thấy rằng niềm hạnh phúc bao la nồng ấm và trong sáng không ô nhiễm thân này đẹp, không ở trí óc này thông

minh đỉnh đạc, không ở sự giàu sang quyền quý. Mà niềm hạnh phúc bao la ở ngay trong chân tâm của ta. Trong niềm hạnh phúc bao la ấy, ta vẫn thấy đúng là đúng, sai là sai, hay là hay, dở là dở. Nhưng ta không bao giờ bị dính mắc, không bao giờ bị lôi kéo, hoặc bị ám ảnh bởi thương ghét, giận hờn, khen chê. Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta vẫn biết tất cả những ý tưởng từ thuận đến nghịch, biết với lòng an nhiên tự tại, chứ không bị chúng xô đẩy, dẫn dắt, hay lôi kéo. Chúng hiện ra như thế nào, ta nhận biết chúng như thế ấy. Một khi ta đã sống được với niềm an vui chơn thật thì ta sẽ không còn thấy đối nghịch và phân tranh trong lòng ta. Tâm ta từ đó đi vào chỗ tĩnh lặng. Ta thương yêu cuộc đời này với quả tim nồng ấm, chỉ muốn làm điều lành, điều tốt đẹp cho con người và xã hội. Đó chính là Niết Bàn của đời này vậy.

154. KHÁI NIỆM VỀ TU HÀNH VÀ GIA ĐÌNH CÓ GẮN LIỀN NHAU KHÔNG?

Nếu trong cuộc sống thế tục mà ai cũng đi tu hết thì sao? Đức Từ Phụ đã từng khẳng định: Nếu mà không có đời thì không bao giờ có đạo. Chính Ngài đã khẳng định như vậy mà tại sao chúng ta cứ mãi bị vẩn vật bởi hai chữ đạo và đời? Tại sao chúng ta cứ nghĩ hai nẻo đạo và đời phải phân ra? Không như thế thiết như vậy, nếu chúng ta tách rời đạo và đời ra hai ngã để giải thoát cũng giống như chúng ta đi tìm lông rùa và sừng thỏ vậy, chả bao giờ ta tìm được đâu.

Xin nhớ rằng gia đình là nền tảng của quốc gia và xã hội, trong đó có các giáo hội. Nếu chúng ta cứ khăng khăng coi con cái là nợ nần, vợ chồng là oan gia, cửa nhà là nghiệp báo, rồi ai cũng đi tu thì đâu còn gia đình và xã hội nữa. Xin hãy đổi cái

nhìn ấy đi. Tu có thể tu từ trong gia đình, chứ không đợi gì phải xuất gia mới gọi là tu. Luôn nên nhớ rằng con cái, vợ chồng, tài sản có thể là nợ nần, oan gia, nghiệp báo; nhưng họ cũng có thể là những người bạn đồng tu. Họ có thể dạy cho ta chữ Nhẫn. Khi nói tới cuộc sống chung thì lúc nào cũng có va chạm, có trực trặc. Theo đạo Phật, mỗi người đều có cái nghiệp riêng của họ, và không có cái nghiệp nào giống cái nghiệp nào. Khi hai sự khác biệt mà chung đụng nhau tất phải có xung đột, chứ làm gì có chuyện xuôi chèo mát mái. Làm sao có cái chuyện xuôi chèo mát mái trên cõi đời này. Bởi vì nếu mọi chuyện đều êm xuôi thì sao gọi là đời. Chúng ta luôn luôn sống trong mâu thuẫn, có điều là chúng ta có biết cách biến những mâu thuẫn ấy thành những kinh nghiệm để sống hay không thôi.

Làm sao để biến những mâu thuẫn ấy thành ra kinh nghiệm sống? Yếu tố đầu tiên là chúng ta phải luôn sống trong tinh thần hoan hỷ. Muốn có hoan hỷ chúng ta phải làm sao? Trên đời này có ai muốn buồn đâu; tuy nhiên, trong cuộc chung sống, có cái gì đó làm chúng ta không vừa ý; hoặc có cái gì đó đã quá lờn cũng làm cho chúng ta không còn hứng thú nữa. Cái quan trọng là chúng ta phải nắm cho được cái tri túc, nghĩa là biết đủ. Hãy chiêm nghiệm hai câu sau đây của nhà thơ Nguyễn Công Trứ:

Tri túc, tiện túc, dãi túc, hà thời túc.

Tri nhàn, tiện nhàn, dãi nhàn, hà thời nhàn.

Biết đủ, thấy đủ thời đủ vậy; biết nhàn, thấy nhàn, thời nhàn vậy. Xin hãy biết thế nào là đủ để đừng đòi hỏi quá ở người khác, để cùng nhau hòa hợp trong hoan hỷ.

Nếu cùng chung sống trong gia đình mà trống đánh xuôi, kèn thổi ngược thì có khác chi là cuộc sống ở lữ quán đâu. Sống như những kẻ qua đường, không ai ngó ngang đến ai. Sống với muôn ngàn ích kỷ thì làm sao mà có hòa hợp, làm sao mà có hoan hỷ. Cuộc sống như vậy quả thật là đầy trực trặc, không

chóng thì chầy rồi cũng tan vỡ. Thấy rõ như thế ấy, chúng ta nên tìm mọi cách để sống hòa hợp và hoan hỉ với những người thân của ta. Hãy tập hiểu nhau, hãy tập thương yêu nhau, hãy dành thì giờ cho nhau. Hãy cùng nhau nhìn về một hướng để có được một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Yếu tố thứ nhì là kiến hòa đồng giải, có nghĩa là phát biểu và thảo luận trong tinh thần xây dựng và thương yêu lẫn nhau, chứ không bằng đả kích chống báng nhau. Chồng nói vợ nghe, vợ nói chồng nghe. Hãy đừng dành nói hết, mà hãy nhường cho vợ, cho chồng, cho con chúng ta cùng phát biểu. Đừng nghĩ rằng cái gì của mình cũng là trung tâm vũ trụ, mà hãy nghĩ rằng tài ta chỉ là hạt cát trong sa mạc bao la mà thôi. Hãy lắng nghe để có sự cảm thông, hãy lắng nghe để thấy được cái ý kiến của người khác. Rồi từ đó ta mới có cơ hội xây dựng. Muốn xây dựng gia đình hạnh phúc, chúng ta nên chia xẻ những tình thương. Đừng vội đánh giá, mà phải lắng nghe, rồi suy đi nghĩ lại trước khi đánh giá. Hãy cố nhìn mình và nhìn người bằng con mắt chính xác. Nếu có tâm tham dục, nói tham dục; nếu ghét nói ghét; thương nói thương. Hãy nói ra những điều mình nghĩ và nói thẳng với nhau những gì mình muốn nói, chứ không qua trung gian ai hết. Tuy nhiên, nên dùng lời ái ngữ mà nói, chứ đừng dồn người vào chân tường. Nên hỏi lại người nếu có điều gì ta không hiểu, chứ đừng để tâm trách móc ai hết. Một khi mình nói ra mà người khác không hiểu, hoặc cố ý không hiểu; xin hãy cứ nói ra trong tinh thần xây dựng, hãy lựa lời mà nói. Nói vì thương yêu, chứ không nói để chống báng. Nói thành thật và chia xẻ niềm hạnh phúc.

Điều thứ ba là mọi người phải cùng nhau tôn trọng những qui luật thông thường trong cuộc sống hằng ngày. Đừng nhìn vấn đề bằng hai mặt. Khi đã đặt ra điều luật gì thì mọi người cùng làm, chứ không phải điều luật cho người mà không cho ta. Hoặc

giả nói một đằng mà làm một nẻo; hoặc miệng nói từ bi, mà lòng dạ tàn ác; hoặc miệng nói từ bi mà hành động chẳng từ bi. Hãy tập sống trong những gì mình tin tưởng. Khi dạy con cái, đừng bao giờ bạo động. Hãy mạnh dạn nhìn nhận những lỗi lầm của ta để những người quanh ta cũng được hưởng những kinh nghiệm như ta. Xin hãy tập tin tưởng nhau và tin tưởng dựa trên cơ sở thành thật và chia sẻ trọn vẹn.

Điều thứ tư là tôn trọng, quý kính và phục vụ nhau. Chúng ta tôn trọng nhau vì thấy người khác xứng đáng được tôn trọng hay vì những bắt buộc của luân lý. Chẳng hạn như mẹ chồng, nàng dâu; hoặc mẹ vợ, chàng rể. Xin hãy tôn trọng họ như một con người, chứ đừng vì địa vị của họ mà tôn trọng. Xin hãy nhìn mọi người như ta nhìn một vị Phật tương lai vậy. Con người có khi cũng lầm lỗi, nhưng không nhứt thiết vì những lỗi lầm ấy mà ta vội kết luận họ không phải là người tốt. Thí dụ trong ‘Les Misérables,’ của Victor Hugo, chúng ta thấy với lời ái ngữ mà một linh mục đã chuyển một người từ trộm cướp và hận thù thành một người cả đời hiến thân làm việc nghĩa, việc thiện. Đức Phật đã dạy rằng trên đời này có hai hạng người cao quý: một là những người đã chứng quả A-la-hán, hai là những người lầm lỗi mà biết nhận lỗi. Xin hãy cứ tôn trọng người, cho dù người không tôn trọng ta. Xin hãy cứ lắng nghe người, dù người không nghe ta. Xin hãy tiếp tục làm cho người những điều hay điều đẹp cho đến khi nào ta nhận chịu những chỉ trích chê bai mà tựa như ta đang uống nước Cam-lồ của giải thoát vậy.

155. SỰ LỰA CHỌN CÁCH SỐNG CỦA NGƯỜI PHẬTỬ

Hãy quan sát một con muỗi đang hút máu người, ta sẽ thấy thương hại cho con vật lắm. Không hút máu người thì làm sao mà sống, mà mỗi lần đi hút máu người rồi có an toàn trở về hay không? Con vật đâu có sự lựa chọn nào khác. Cái hút máu người của con muỗi đối với nó, không có gì là xấu ác, mà là bản năng tự nhiên. Con người thì khác, dầu sao đi nữa thì chúng ta vẫn có sự lựa chọn, chúng ta có thể lựa cách sống, hoặc dữ tợn, hoặc sống tín tâm, an tịnh và xây dựng.

Trong chúng ta, ai cũng hằng mong có một cuộc sống lương thiện. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh này hay hoàn cảnh nọ mà có người phải sống một cách lừa đảo, hoặc vì ham tiền, hoặc vì ham danh lợi, hoặc vì ham quyền uy địa vị. Chung qui cũng tại cái tham dục nó đưa đẩy ta, bắt ta phải chọn cách sống tàn bạo và dữ tợn.

Tại sao ta lại bị tham dục nó bức bách ta phải sống như thế? Đạo Phật nói tại bởi Vô Minh. Những người Phật tử một khi đã quyết chí đi theo con đường mà năm xưa đức Từ Phụ đã đi, nghĩa là quyết chí tu cho đến thành chánh quả, thì họ coi tất cả những sinh vật thấp hơn mình là những người em nhỏ của mình. Họ quan niệm rằng tất cả các sinh vật đều mong muốn được sống hạnh phúc và tránh sự đau khổ. Nếu chúng ta không giúp được ai thì xin đừng hại ai. Tương tự, nếu chúng ta không giúp được những sinh vật yếu kém, thì xin đừng giết hại chúng mà gây thêm ác nghiệp. Nên nhớ rằng sự có mặt của một loài, không phải là để cho loài kia giải trí hay ăn thịt. Chúng có mặt để sống cuộc sống của chúng, cũng như ta có mặt để sống cuộc sống của ta. Bất cứ loài vật nào cũng muốn sống và muốn phát triển. Loài thú vật chúng có cái tàn bạo của chúng, nhưng đó là

bản năng, và chúng không có con đường nào khác để lựa chọn. Còn ta, ta có lý trí, ta có con đường để lựa chọn. Xin hãy phát tâm thương hại mọi loài. Nếu chưa ăn chay được thì xin vẫn ăn mặn, nhưng xin phát tâm chỉ ăn để mà sống chứ không ăn vì sự thỏa thích. Xin đừng cố ý giết hại một sinh vật nào vì chúng cũng là những người anh em nhỏ lạc loài của chúng ta.

156. TÁM CON ĐƯỜNG CAO QUÝ ĐƯA CHÚNG TA ĐẾN GIÁC NGỘ

Mỗi khi nói đến Đạo Đế là ta phải nói tới Bát Chánh Đạo. Tuy nhiên, Bát Chánh Đạo chỉ là một phần của Đạo Đế mà thôi. Bát Chánh Đạo cũng rất là quan trọng cho những ai mới phát tâm tu học. Tại sao? Tại vì Bát chánh Đạo hợp với mọi căn cơ, mọi trình độ, Đông phương cũng như Tây phương. Nó là tám con đường nhỏ đưa đến Đại Lộ Giải Thoát. Ai muốn giải thoát đều phải bước qua, không có ngoại lệ.

Thứ nhất là Chánh Kiến

Chánh Kiến là thấy biết chân thật mọi sự vật. Mọi sự vật đều tự chúng đầy đủ, tự tại, rỗng lặng, không ngăn ngại trong hình tướng, màu sắc, âm thanh...Người có chánh kiến thấy như thế nào thì nhận đúng như thế ấy, không lấy trắng làm đen, lấy tốt làm xấu, dở làm hay... Người có chánh kiến thì sự nhận xét sự vật không bị tập quán, thành kiến hay dục vọng làm sai lạc. Biết phân biệt cái nào giả, cái nào thiệt.

Chánh Tư Duy

Chánh tư duy là sự suy nghĩ chân thật. Sự suy nghĩ dựa trên sự thấy biết chân thật nên không bị các thành kiến, tình cảm hay xúc cảm làm sai lạc khi suy nghĩ. Người có chánh tư duy lúc nào cũng biết xét đến những hành vi lỗi lầm và những ý nghĩ xấu xa

để mà sám hối. Biết suy xét Vô Minh là nguyên nhân gây ra mọi đau khổ.

Chánh Ngữ

Chánh ngữ là nói điều chân thật và thẳng thắn để mang lại sự an vui và tốt đẹp cho mọi người. Người có chánh ngữ không bao giờ nói sai sự thật, không thiên vị. Thấy dở nói dở, thấy hay nói hay. Đức Phật đã dạy rằng bất luận lời nói là của ai, nếu không hợp với chơn lý là không bao giờ tin. Bất luận lời nói là của ai, nếu hợp với chơn lý thì cứ tin theo đó mà tu.

Chánh Nghiệp

Chánh nghiệp là thân làm điều chân thật, miệng nói điều chân thật và ý nghĩ điều chân thật. Một khi thân, khẩu, ý đều chân thật thì ta sẽ đem đến cho người sự thương yêu và tốt đẹp. Người có chánh nghiệp không bao giờ làm tổn hại đến quyền lợi, nghề nghiệp, danh giá và hạnh phúc của ai. Người có chánh nghiệp luôn luôn hành động có lợi cho người khác và nếu cần, họ có thể hi sinh quyền lợi hay tánh mạng của mình để giải thoát nỗi đau khổ cho người khác.

Chánh Mạng

Chánh mạng là sống bằng nghề nghiệp chân chánh và không làm hại sinh mạng hay gây đau khổ cho người khác. Người theo đúng chánh mạng sống cuộc đời ngay thật, không tham gian, không làm giàu có trên mồ hôi nước mắt của người khác. Họ sống một cuộc đời có ý nghĩa, lợi mình, lợi người, xứng với bát cơm mình ăn, manh áo mình mặc, chứ không ăn không ngồi rồi, sống bám vào người khác. Họ không bao giờ mê tín dị đoan. Họ luôn luôn lấy trí huệ làm mạng.

Chánh Tinh Tấn

Chánh tinh tấn là siêng năng chân thật, nghĩa là siêng năng làm điều thiện và siêng năng thực hành đời sống tỉnh thức. Cái thứ siêng năng làm tổn hại người khác, người Phật tử nhứt quyết

không làm. Người làm theo đúng nghĩa chánh tinh tấn bao giờ cũng siêng năng sửa mình, cương quyết phát triển mọi căn lành và bài trừ những điều ác.

Chánh Niệm

Chánh niệm là chú tâm một cách chân thật. Khi ta sống trong tỉnh thức thì tâm ta ở trạng thái trong sáng, nhận biết trực tiếp và rõ ràng các hoạt động của thân thể, không bao giờ dính mắc vào một cái gì. Người sống trong chánh niệm biết rõ những ý tưởng vui, buồn, thương, ghét xuất hiện, nhưng không bị lôi cuốn đi theo để tạo ra những phiền não cho cuộc sống. Người sống trong chánh niệm chỉ ghi nhớ những điều hay lẽ phải có lợi cho mình và cho người mà thôi.

Chánh Định

Chánh định là tâm trong sáng, an ổn và linh động chân thật. Sống được như thế là sống với cái tâm Phật, tâm giải thoát. Sống lành và thiện thì tự nhiên tâm ta sẽ hiển lộ ra lòng thương yêu bao la. Chánh định thì có sự thông minh bén nhạy hay trí huệ, nhận biết rõ mọi thứ một cách tường tận mà không bị dính mắc, nên luôn thông dong tự tại. Chánh định là tập trung tư tưởng vào một vấn đề chính đáng, đúng với chân lý, có lợi ích cho mình và cho người.

Tóm lại Bát Chánh Đạo chẳng những giúp ta tự tu thân, cải thiện hoàn cảnh xung quanh, mà còn giúp ta đạt quả Vô Thượng Bồ Đề nữa. Ngay trong đời sống này, Bát chánh đạo giúp ta có một đời sống cao quý, làm chủ cuộc sống của mình, tự mình giải thoát khỏi mọi dính mắc sai lầm, mà còn đem tình thương yêu, sự hiểu biết mà tạo nên một cuộc sống tốt đẹp cho cá nhân, gia đình và xã hội nữa.

157. NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA

Hễ chịu mang danh Phật tử là chịu làm con Phật, tức là chịu tu học theo Phật, chịu tin Phật. Người học tu theo Phật là người có ý nguyện hướng đời mình về Đức Phật, với tâm tư ước muốn sớm được giác ngộ thành Phật, thoát vòng tục lụy sanh tử luân hồi. Người Phật tử mà không có lòng tin vững chắc vào lời dạy của Đức Từ Phụ: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành,” là mặc nhiên phủ nhận lời dạy của Ngài, tức là phủ nhận khả năng Phật tánh của mình. Đây cũng là điểm then chốt trong đạo Phật.

Xưa nay có rất nhiều người tự xưng là Phật tử, nhưng không trọn hiểu thâm ý của Đức Phật, không vững niềm tin, không tín tâm vào chánh pháp, nên sanh ra nhiều ác nghiệp. Nguyên do bởi ngã mạn cống cao cũng có, nói là Phật tử mà đi phỉ báng thầy tổ; nói là Phật tử mà đi khen chê tăng ni; nói là Phật tử mà đi gièm chê, chế nhạo người phát tâm ăn chay. Thậm chí còn tìm cách nây hay cách nọ đưa đẩy người vào con đường phá giới. Nói là Phật tử, biết dăm ba chút về thiền, rồi tự xưng mình là thiền sư, rồi đi quảng bá bậy bạ, làm tổn hại đến thanh danh của Phật giáo. Thật tình mà nói, ấy là những con ma trời chứ không là tín đồ của một tôn giáo nào cả. Người Phật tử chân chánh, tự cổ chí kim, chưa ai tự xưng mình là thầy hoặc là thiền sư bao giờ.

Người Phật tử chân chánh lúc nào cũng tín tâm, lúc nào cũng cần học về giáo lý của nhà Phật, lúc nào cũng chánh tâm nghiên cứu, chân thành cầu minh sư học đạo. Phật đã dạy rằng tin ta mà không hiểu ta là phỉ báng ta. Hiểu ta mà không dốc lòng thực hành, không thành kính Tam Bảo, là tự mở cửa ba đường ác để bước vào. Rừng thiền mênh mông, biển pháp bao la, cho dù có cả đời chỉ ngồi nghiên cứu kinh điển cũng không sao

hiểu hết đâu, chứ đừng dăm ba câu rồi ngã mạn cống cao là tự mình mở cửa địa ngục cho mình vào.

Người Phật tử trước hết nên nhớ rằng hễ tiền tài danh vọng, địa vị quyền uy càng lớn thì tham dục càng nhiều. Xin hãy thiếu dục tri túc và làm những việc lành, cũng như tuân theo luật như quả để còn có cơ hội đi về nước Phật. Nên nhớ rằng nếu chưa có duyên xuất gia thì tại gia mà biết tu cũng là quý lắm. Người Phật tử luôn cố gắng tu tập để cho vượt thoát khỏi kiếp người và vượt ra ngoài tam đồ, lục đạo. Điều quan trọng ở đây không phải là sự hiểu biết, mà là thực hành những điều hiểu biết ấy.

Xin hãy lấy tâm Phật làm Tâm mình, lấy hạnh Phật làm hạnh mình, và lấy nguyện Phật làm nguyện mình thì tự nhiên, dù không phải là Phật tử đi nữa, mình cũng sẽ có một cuộc sống an nhiên tự tại.

158. NĂM MÓN DIỆU HƯƠNG ĐỂ CÚNG PHẬT

Thói thường ta hay đi chùa dâng hoa và thắp hương cúng Phật. Tuy nhiên, có dâng ngàn triệu cánh hoa, hoặc vạn triệu cây hương mà tâm ta không thành kính thì cũng bằng thừa. Mỗi tuần đi chùa, mà tâm vẫn còn lừa lọc, vẫn còn ngã mạn cống cao, thì xin hãy lắng lòng mà tìm hiểu thêm cho đúng về Phật pháp để tránh cái cảnh tam đồ, lục đạo.

Dâng hoa và thắp hương cúng Phật chỉ là hình tướng bên ngoài, cái quan trọng là cái lòng ta. Khi đến chùa, ta chỉ cần đến trước chánh điện cười với Đức Thế Tôn một cái, nhưng phải dâng cho Ngài một nụ cười thật thành kính, rồi sau đó nguyện với Ngài rằng:

--Đức Từ Phụ, Pháp thân Ngài thanh tịnh, cho dù trăm hương cũng không bì kịp, con chỉ xin nguyện trì giới

cho trang nghiêm để cho được thanh tịnh như Ngài. Xin Ngài hãy chứng minh cho con cái Giới Hương thanh tịnh mà con học được nơi Ngài.

--Đức Từ Phụ, Tâm chúng con mê nhiễm và thường hay loạn động trong mọi hoàn cảnh. Nếu chúng con cứ để buông trôi mãi thì chắc chắn tam đồ, ác đạo sẽ là trạm dừng chân kế tiếp của chúng con. Chúng con xin nguyện trước Tam Bảo kể từ nay tâm này lắng xuống, con sẽ định tĩnh như Ngài đã định tĩnh năm xưa. Xin Ngài hãy nhận nơi đây cái Định Hương mà con xin thành kính dâng lên với tất lòng.

--Đức Từ Phụ, đã từ vô thủy chúng con vì mê lầm mà tạo ra bao ác nghiệp, con không muốn tam đồ ác đạo là trạm dừng chân kế tiếp. Con xin thành tâm học hỏi và hành trì những gì mà Ngài đã chỉ dạy. Con xin Ngài chứng minh cho con nhận chút Huệ hương nơi Ngài để từ đây con có được cái trí huệ mà từ bỏ những điều xấu ác và chuyên làm những việc thiện lành.

--Đức Từ Phụ, bao kiếp trầm luân con nay đã chán, nay con quyết chí tu hành theo hạnh nguyện của Ngài để từ nay phá trừ ngã chấp và thoát ly ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. Xin Ngài hãy chứng minh trao truyền cho con cái chơn lý giải thoát mà năm xưa Ngài đã tìm ra.

--Đức Từ Phụ, tâm con giờ này đã hoàn toàn không còn chút ngã chấp nào, xin Ngài hãy chứng minh trao truyền cho con cái tri kiến mà năm xưa Ngài đã tìm ra để con cũng có được cái thấy như Ngài, mà bỏ đi cái Pháp Chấp. Nghĩa là con không còn thấy bất cứ cái gì là có thật nữa, từ đất, nước, lửa, gió, vui, buồn, sướng, khổ tất cả chỉ là hư vọng. Xin Ngài thương xót mà trao truyền cho con chút Tri Kiến Hương.

159. PHẬT GIÁO VÀ VIỆC THỜ PHƯỢNG HÌNH TƯỢNG

Thói thường nhiều người hễ nói tới Phật giáo là nói tới hình tượng Phật, và đôi khi còn quơ đũa cả nắm cho rằng đạo Phật là đạo thờ hình tượng. Cái sự hiểu lầm này cần phải được đánh tan. Đạo Phật không bao giờ chấp nhận việc thờ phượng những hình tượng cũng như mê tín dị đoan. Hình tượng là những tượng bằng gỗ, đá, đất hay kim loại do điêu khắc nắn đúc mà thành. Một số người với tính cách buôn bán đã khoác cho những vật vô tri kia những tên tuổi khác nhau để dối gạt người đời. Thật là chuyện không thể nào chấp nhận được trong Phật giáo. Với đạo lý như quả của đạo Phật, ai gieo nhân nào là hưởng quả đó, gieo gió thì gặt bão. Đối với Phật giáo, việc thờ cúng hình tượng là chuyện hoang đường, không hợp lý. Gây nhân địa ngục mà đi cúng vái các hình tượng để cầu xin về cõi an lạc là điều không tưởng. Chuyện này còn không tưởng hơn cả chuyện mò kim đáy biển, hoặc nấu cát mà muốn thành cơm nữa. Giả thử như vị thần thánh nào đó có đủ quyền phép cứu rỗi những hạng người như thế thì bản thân vị thần đó đã phạm tội dối trắng thay đen, thì còn đâu đủ tư cách để cho người đời sùng bái.

Đã hiểu như vậy, người Phật tử chân chánh cương quyết bài trừ việc thờ phụng hình tượng. Sở dĩ trong chùa có các hình tượng của các Đức Như Lai là vì muốn cho chúng ta ngày ngày nhìn thấy hình ảnh của các Ngài như nhìn thấy những gì cao quý nhất mà ta nhất định phải noi theo. Chúng ta đến chùa, lạy Phật là lạy những gì mà các Ngài đã thành đạt và nguyện sẽ được như các Ngài, chứ không mang tính chất như những người lạy hình tượng ngoài đời. Chúng ta thờ Phật không phải để cầu Ngài cứu rỗi, hoặc ban ơn ta, mà chúng ta thờ Phật để lấy Ngài làm gương sửa mình, để nhắc nhở chúng ta nên nỗ lực hướng thượng, bắt chước Ngài từ lời nói, đến những việc làm cao quý để cứu mình, cứu

người và giúp đời, hầu làm cho cái cõi ta bà này được tịnh độ. Là Phật tử chân chánh nên luôn nhớ rằng chúng ta lạy Phật là để bắt chước Ngài chứ không vì sợ mà lạy. Và nên nhớ rằng hình tượng Phật đối với Phật giáo cũng giống như là lá quốc kỳ đối với một quốc gia, nó gói gọn niềm tin tưởng và ái mộ của mọi người.

Thấy như thế, người Phật tử chân chánh nên nhớ rằng các Đức Như Lai đều muốn chúng ta học cái gương của các Ngài mà tu trì cho đắc quả như các Ngài, chứ các Ngài không bao giờ muốn chúng ta mãi theo hầu các Ngài.

160. ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO CỦA AI?

Đức Thế Tôn đã nói:

Ngã thuyết nhất thế pháp

Vị độ nhất thế nhân

Nhược vô nhất thế nhân

Hà dụng nhất thế pháp

Có nghĩa là Ngài nói ra các pháp là để độ cho chúng sanh mọi loài. Nếu không có mọi loài, thì cũng không có pháp. Bấy nhiêu đó đủ cho thấy đạo Phật là đạo của ai rồi. Tuy nhiên, chúng ta nên tìm hiểu lý do tại làm sao mà Đức Thế Tôn đã nói như vậy. Đạo Phật căn cứ trên sự thật hiện tại để mà thuyết minh về nhân sinh cho mọi người được rõ hầu cải thiện con người và xã hội. Đức Thích Ca Mâu Ni đã thấu triệt chân tướng của vũ trụ nên Ngài chỉ bày cho chúng ta những phương pháp thiết thực để thông hiểu triệt để cái nguyên nhân của xấu ác và đau khổ nhằm giúp biến cõi ta bà này thành cõi thanh tịnh trang nghiêm. Đức Từ Phụ đã khẳng quyết rằng nếu mọi người đều cải tạo tâm mình, làm lành tránh ác, thì tự nhiên cái thế giới ác trước

này sẽ chuyển thành cõi nước thanh tịnh ngay. Do đó đạo Phật không chỉ riêng dành cho Phật tử mà là dành cho chúng sanh muôn loài. Tuy nhiên, ai có cơ duyên đến với Tam Bảo và hành trì Phật pháp thì cái cơ hội được chứng đắc Phật quả mới thành tựu được.

161. VÌ SAO PHẢI TÍN NGƯỠNG TAM BẢO?

Khác với các tôn giáo khác như Do Thái giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo...Tín đồ của những tôn giáo này chỉ tin vào một đấng Thượng Đế. Thượng Đế thưởng phạt và cứu rỗi. Phật giáo thì ngược lại, không chủ trương sự cứu rỗi từ bên ngoài, mà là từ bên trong mỗi người. Phật giáo chủ trương không có thần thánh, nhưng không có thần thánh chứ không phải là vô thần vô tín cái kiểu duy vật. Vì vậy tín đồ đạo Phật không sùng bái Đức Phật như một vị Thần, không bảo rằng Đức Phật là ngôi vị độc nhất, lại càng không cho Phật là đấng toàn-năng sáng tạo vạn vật, hoặc Phật có quyền xóa bỏ tội lỗi cho loài người tùy sở thích, hoặc ai theo thì cứu rỗi, ai không theo thì đọa địa ngục. Phật chỉ là một bậc Đạo Sư, người đầu tiên chứng đắc phương cách giác ngộ và muốn tế độ mọi người cùng thoát khỏi bể khổ trầm luân. Tín ngưỡng của Phật giáo vừa mang tính cách biết ơn, vừa cung kính, như con cái hiếu kính cha mẹ, như học trò biết ơn thầy vậy. Niềm tin này nó thực tế, chứ không viển vông mơ hồ. Nó rõ ràng như trắng với đen, như ngày với đêm. Nó cụ thể và rõ rệt, chứ không xa xăm. Ngài đản sanh cách nay trên hai ngàn năm trăm năm và Ngài đã để lại cho thế gian một kho tàng kinh điển giải thoát, chứ Ngài không là sáng thế. Ai đã thấy được ai sáng thế bao giờ chưa? Đã chưa bao giờ có ai trả lời được câu hỏi này, và sẽ không bao giờ có bất cứ ai có thể trả lời được đâu.

Hiểu được như vậy thì ta sẽ không còn thắc mắc tại sao Phật tử phải tín ngưỡng Tam Bảo. Đối với Phật giáo thì Tăng là những cán bộ tu trì và truyền rao chánh pháp, là những vị thầy nối tiếp Đức Phật để trao giềng mối đạo cho chúng sanh. Chính nhờ có sự chỉ giáo sáng suốt và đứng đắn của Tăng Bảo mà đã có biết bao nhiêu vị Tổ đã đắc đạo. Nếu không có Tăng thì Phật giáo sẽ không tồn tại. Chính vì vậy mà chúng ta, những Phật tử, nhìn những vị Tăng với sự tin tưởng và kính trọng như tín ngưỡng và kính trọng một vị Phật hiện tiền vậy.

Trong Tam Bảo, Pháp Bảo rất ư là quan trọng, nhất là trong thời mạt pháp. Pháp Bảo là Pháp thân của Phật, đặc biệt là giới luật. Chính Đức Từ Phụ đã dạy rằng trong thời không có Phật, hãy lấy giới luật làm thầy. Pháp Bảo còn là những lời chỉ dạy của Đấng Từ Phụ. Nếu không có Pháp Bảo, thì cho dù có nói đạo Vô thượng thế nào cũng chẳng ai tin.

Tóm lại, là Phật tử, chúng ta nên tín ngưỡng Tam Bảo. Kính Phật, trọng Tăng, quý Pháp là để tỏ lòng thành muốn tu học và muốn giải thoát như Phật vậy.

162. BỐ THÍ VÀ BỎN SẼN

Trong đạo Phật, chỉ có sự bố thí chứ không có sự bỏn sẻn. Ai theo đạo Phật mà tâm còn bỏn sẻn thì người ấy không phải là Phật tử. Người theo đạo Phật khi bố thí còn phải nghĩ đến ân đức của người xin nữa, vì nếu không có người xin thì ta sẽ không có cơ hội thực hành hạnh bố thí. Người rộng lòng bố thí thì hoan hỷ mà bố thí. Bố thí mà không bao giờ cầu mong có sự đền trả. Sự bố thí của người Phật tử chân chánh phải giống như sự bố thí của một vị Bồ Tát vậy. Hy sinh tất cả về tài sản, tư tưởng cho đến sinh mạng mình để mong cầu sự an lạc và hạnh phúc cho người.

Trái lại, người bòn sên thì chấp ngã, lấy ái làm thể chất. Một khi ái nặng thì không còn biết đến ai nữa. Kẻ bòn sên thì cho dù cha mẹ có tới xin cũng sanh tâm oán ghét. Trong khi người có lòng từ bi thì cho dù kẻ thù đến xin, họ cũng mến trọng như bạn. Với kẻ bòn sên thì đất nặng hơn vàng, thế cho nên lúc mất của họ rất sâu khổ.

Phật tử ơi! Tài sản, của cải nào thì rồi cũng có lúc ta phải bỏ, và chắc chắn rằng chúng ta phải bỏ chúng vào hai lúc: lúc chết và lúc bố thí. Vậy thì mình phải bỏ vào lúc nào đây? Người tu theo đạo Phật là tu theo trí huệ nên quyết tâm bỏ tài sản vào lúc bố thí. Vì sao? Vì bố thí thì bỏ ít mà kết quả vẫn nhiều, kết quả không những ở đời này mà còn theo đến đời sau. Ví bằng có ai đó quyết tâm đi theo con đường tà vạy, như định chỉ bỏ của cải tài sản vào lúc buông tay nhắm mắt thì chẳng những của đã mất, tâm không yên lúc chết mà còn mang thêm chương nghiệp ở đời sau.

163. LÀM SAO ĐỂ CÓ CUỘC SỐNG AN VUI VÀ HẠNH PHÚC Ở ĐỜI NÀY?

Đạo Phật không chỉ nói về giải thoát và Niết Bàn sau khi chúng ta trả thân tứ đại này, mà còn chỉ dạy ta sống làm sao để có một cuộc sống an lạc và hạnh phúc ở kiếp này. Đức Phật đã khẳng định quyết mọi chúng sanh đều có Phật tánh như nhau. Cái Phật tánh vốn không thủy không chung. Nó rộng lớn, trong sáng, an vui và hạnh phúc vô cùng. Tánh ấy tự nhiên mà có như thế, nó tràn đầy một tình thương yêu kỳ diệu. Cái Phật tánh này nó chẳng khác gì tâm của chư Phật. Với cái khả năng kỳ diệu này, chúng ta sanh ra không với tội lỗi của ai, không ai được gánh thế tội cho ai. Mà chúng ta sanh ra với những hành trang có sẵn của

ta qua những nghiệp lực của nhiều đời. Biết được như vậy, xin đừng sợ hãi, mà hãy sống trong an nhiên tự tại. Những gì đến, cứ để chúng đến; những gì đi cứ để chúng đi, thế thôi. Hãy nương theo Phật pháp để đánh tan bức màn vô minh và trở về sống với cái hạnh phúc chân thật sẵn có của ta từ vô thủy. Những nợ nần đời trước đến, ta trả và quyết không vay thêm nợ mới. Như vậy thì sao? Như vậy là ta sẽ trả dứt, hoặc bớt nợ cũ, mà không có thêm nợ mới, như vậy thì nếu còn phải sanh tử luân hồi thì chúng ta cũng chỉ đến với những hành trang nhẹ nhàng. Thế không phải là an vui, hạnh phúc chứ là gì?

164. CÁI GÌ LÀM CHO TA ĐAU KHỔ NHIỀU NHẤT?

Trong đạo Phật đau khổ gây ra bởi tham sân si, mà tham sân si do từ vô minh mà phát triển và lớn lên. Như vậy, muốn chấm dứt đau khổ, ta phải xé tan bức màn vô minh quái ác ấy đi. Cái việc xé tan bức màn vô minh là chuyện dài mà bất cứ Phật tử nào cũng đang cố gắng hành trì. Bây giờ chúng ta hãy tìm xem trong cõi đời này, cái gì gây ra đau khổ cho ta nhiều nhất. Cái gây cho ta đau khổ nhiều nhất có thể nói là cái sân hận bởi vì sân hận cướp mất đi của ta sự hiểu biết chân thật, nghĩa là sân hận làm cho ta mê mờ tâm trí. Trên thế giới này, rất nhiều cuộc chiến tranh bộc phát cũng vì sân hận mà ra.

Không giận hờn là ta sẽ giữ được sự bình tĩnh, điềm đạm, nhu hòa trước những cảnh trái ý, nghịch lòng. Giận hờn là một tánh xấu rất tai hại, nó như một ngọn lửa dữ, đốt cháy cả mình lẫn người chung quanh. Kinh Phật có câu:

Một niệm giận hờn nổi lên,
Thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra.

Lửa tức giận một khi phát ra là đốt cháy cả một rừng công đức. Xin hãy giằng cái tâm giận xuống đi để khỏi phải vạ ngày lo âu phiền muộn. Bao nhiêu điều phiền não trên đời này đều do sự giận dữ mà ra cả. Ai mà không giận tức thì chẳng những không khổ não, không tranh giành; mà còn nhu hòa ngay thẳng, từ bi độ lượng, làm yên ổn chúng sanh, và ít nhất cũng được sanh lên cõi trời.

165. TẠI SAO GỌI ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO VÔ THƯỢNG?

Vô thượng nghĩa là không còn gì cao hơn. Tại sao không còn gì cao hơn? Tại vì khác hẳn với các tôn giáo khác, Phật giáo dạy những Phật tử phải suy xét kỹ càng trước khi tin, không được mê tín, và không được tin tưởng mù quáng. Đạo Phật là đạo giác ngộ, làm thức tỉnh con người, dạy người dùng phương pháp trí huệ để phá tan đi tối tăm, mê lầm và trông thấy ánh sáng chơn lý vì thế nên gọi đạo Phật là đạo của lý trí, sáng suốt và thực tế. Đức Phật đã dạy đừng tin tưởng một điều gì nếu chỉ vì nghe đồn, đừng tin tưởng một điều gì nếu chỉ vì tập tục cổ truyền, dấu rằng tập tục này trải qua nhiều đời. Đừng tin tưởng một điều gì vì cố điều ấy đã được nhiều người nhắc đi nhắc lại. Đừng tin tưởng điều gì, dù là bút tích của thánh nhân để lại. Đừng tin tưởng điều gì chỉ vì thói quen từ lâu đã làm cho ta nhận ra điều ấy là sự thật... Chỉ tin tưởng những điều mà chính ta đã thực nghiệm kỹ càng và suy xét thấy đúng với sự thật; chỉ những điều gì đem lại hạnh phúc cho ta và cho mọi người; rồi cố gắng ăn ở và hành động cho đúng với những điều ấy.

Chính Đức Từ Phụ đã khẳng định là Ngài chỉ là người đã từng giác ngộ và muốn đem sự hiểu biết và kết quả tu tập được mà diễn giảng cho chúng sanh nghe, để chúng sanh suy nghĩ và

chọn cho đúng con đường mà đi. Đạo Phật vô thượng chẳng những ở những triết lý thâm thâm vi diệu, mà còn vô thượng ở chỗ Đức Từ Phụ dù biết rõ hết những chân lý của vũ trụ, nhưng Ngài chẳng bao giờ hàm hồ cho rằng ta là đáng sáng thế. Ngài chỉ diễn giảng những gì mình đã tu tập và giác ngộ để cho mọi người suy nghĩ mà theo hay không theo, thế thôi. Đạo Phật còn vô thượng ở một điểm nữa là chính Đức Từ Phụ đã vì thương xót chúng sanh mà Ngài đã nói pháp giải thoát. Cho dù chúng sanh không hiểu mà không đi theo con đường Ngài đã vạch ra, Ngài cũng sẽ không bỏ một chúng sanh nào.

166. LỤC HÒA

Kiếp con người ta chẳng khác nào con thuyền đang linh đình trên bể cả, nếu chúng ta không có một cái la bàn để định hướng thì con thuyền sẽ đi về đâu? Chắc chắn là nó sẽ đi về một hướng vô định nào đó. Là một người biết lèo lái con thuyền, hãy định cho nó một hướng đi để thuyền đỡ trôi dạt và chóng vượt khỏi trùng dương nguy hiểm. Con thuyền là như thế, còn con người thì sao? Là Phật tử chân chánh, một khi đã quyết chí đi theo con đường mà năm xưa Đức Từ Phụ đã đi, xin hãy định cho mình một hướng đi vững chắc nhất. Xin hãy về nương với Tam Bảo và tạo cho mình một cuộc sống trong tinh thần lục hòa. Tại sao phải sống trong tinh thần lục hòa? Trong cuộc sống chung đụng hằng ngày, không có gì tai hại cho bằng sự bất hòa. Sự bất hòa chẳng những làm băng hoại cuộc sống chung, mà còn gây ra sự ly tán nữa.

Trong gia đình mà anh em bất hòa, ắt ly tán; vợ chồng bất hòa, ắt gia đạo chẳng thành, con cái đau khổ, vì hễ gần cha thì xa mẹ, gần mẹ thì xa cha. Xóm làng bất hòa thì có rầy rà kiện

cáo. Xã hội bất hòa, ắt có chiến tranh, loạn lạc. Sự bất hòa nó nguy hiểm bao nhiêu, thì sự nhu hòa nó cần thiết bấy nhiêu. Cổ nhân thường nói: “Dĩ hòa vi quý,” nghĩa là cái ôn nhu hòa nhã là cái quý. Chính nhờ cái câu châm ngôn ấy mà có nhiều người đã thành công trong đại sự. Trong Tứ Thư cũng đã nói: Thiên thời không bằng địa lợi; địa lợi không bằng nhân hòa, xem thế thì đủ biết Hòa là yếu tố cực kỳ quan trọng trong cuộc sống hằng ngày.

Là Phật tử, ta được cái may mắn là chính Đức Thế Tôn đã đặt ra sáu phương pháp cư xử với nhau cho hòa hợp từ vật chất đến tinh thần. Những cái hòa trong đạo Phật không đơn thuần chỉ làm cho cuộc sống yên ổn, mà chúng còn hướng chúng ta đến chỗ cao đẹp hơn, đến con đường giải thoát, toàn thiện và toàn mỹ. Hòa không có nghĩa là nhu nhược thụ động; hòa ở đây không phải là chiến thuật giai đoạn, mà hòa ở đây nhằm mục đích lợi mình, lợi người, và không có sự so đo giữa ta và người. Lục Hòa gồm những gì?

Thân Hòa cùng ở là thế nào?

Nghĩa là cùng nhau ở dưới một mái nhà, trong một tổ chức, hôm sớm có nhau, cùng ăn cùng ngủ, cùng học cùng tu... Khi đã sống chung thì phải hòa thuận, lấy sự ôn nhu hòa nhã làm đầu, chứ không dùng sức mạnh hoặc võ lực đánh đập nhau. Vì nếu ta dùng võ lực để tranh đua, thì ta nào có khác chi loài cầm thú. Chúng ta phải tỏ ra chúng ta là những con người, và con người hơn con thú ở chỗ có lý trí. Một khi đã ở chung nhau dưới một mái nhà, hoặc mái chùa, tuy không phải ruột thịt, nhưng những người con Phật luôn lấy cái hòa khí làm đầu, không bao giờ ỷ mạnh hiếp yếu, không bao giờ có thế mà đi hiếp cô thế. Sống trong xã hội, quốc gia và thế giới cũng vậy, luôn nhớ câu mà tiền nhân ta đã sống trong tình đùm bọc thương yêu: Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Tóm lại, người Phật tử dù ở đâu cũng hòa hảo và giúp đỡ mọi người. Sống như vậy thì sẽ không bao giờ có cảnh tương tranh, không bao giờ có cảnh mạnh được yếu thua. Có như vậy thì quả tình thế giới này là cõi Tịnh Độ.

Tại sao phải nói lời hòa hiệp, không tranh cãi nhau?

Muốn cho thân không đánh đập nhau thì phải giữ gìn cho được lời nói ôn nhu hòa nhã trong mọi trường hợp. Không bao giờ rầy rà cãi cọ với nhau. Nếu cứ ăn thua nhau từng câu nói; cứ tìm cách mỉa mai nhau; hạch hỏi nhau từng tiếng một thì làm sao mà không sanh ầu đả. Trong gia đình, có khi vì lời nói bất hòa mà cha mẹ, anh em, vợ chồng ly tán, và có khi bôi mặt đá nhau như kẻ thù. Trong xã hội, quốc gia, có khi gây ra cảnh chiến tranh tương tàn chỉ vì lời nói không hòa nhã.

Tóm lại, Phật dạy thân hòa chưa đủ, phải hòa cả miệng nữa. Người Phật tử phải nói lời dịu dàng, hòa nhã. Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. Mà hễ vừa lòng nhau rồi thì đâu có chuyện cãi lẫy, gây gổ nhau chi. Trong đạo Phật, khi có thắc mắc thì hỏi cho ra lẽ, mà hỏi trong ôn nhu hòa nhã, thì không ai có thể gây sự với mình cả.

Thế nào là ý hòa cùng vui?

Trong các thứ, ý là quan trọng hơn hết, nó chính là động cơ thúc đẩy miệng và thân. Ý mà không hòa là không có cái gì hòa cả. Bởi thế cho nên, bất kỳ là ở đâu ta nên giữ gìn ý tứ. Nếu ý tưởng hiền hòa thì thân và khẩu cũng hiền hòa. Trái lại, nếu ý ác thì thân và khẩu cũng ác theo. Bởi vì ý ta đã ác mà ta cố làm ra vẻ nhân từ đức hậu, thì đấy chỉ là bôi son trét phấn lên một cái mặt rỗ chằng chịt, không sớm thì chầy cái lớp son phấn kia sẽ bị tan hoại và để trở lại cái mặt rỗ kia.

Đức Phật đã thấu rõ như thế, nên Ngài dạy chúng ta phải có thân, khẩu, ý cùng hòa hiệp khi chung sống với nhau, thiếu một trong ba thứ ấy, thì cuộc sống chung đụng chỉ là tạm bợ, là

giả dối. Người Phật tử nên tu theo hạnh hỉ xả của Đức Như Lai để bỏ đi những phiền não và không chấp chặt trong lòng những lầm lỗi của người, từ đó ta sẽ cảm thấy thư thái nhẹ nhàng.

Thế nào là giới hòa cùng tu?

Trong bất cứ đoàn thể nào, từ gia đình đến bên ngoài xã hội cũng đều phải có qui luật. Muốn cho gia đình êm ái, hoặc tổ chức có trật tự thì mọi người đều phải trân trọng giữ gìn những qui luật đã đặt ra. Trong đạo Phật, người Phật tử muốn tiến tu thì phải tùy theo những giới mình đã thọ mà giữ. Có như vậy thì Tăng chúng mới hòa hợp và chuyện tu hành mới có kết quả được. Đối với những người Phật tử tại gia, cũng nên khuyên nhủ và nhắc nhở nhau cùng giữ giới. Khuyên nhủ làm sao mà không chạm đến lòng tự ái của người. Thí dụ như ta đã ăn chay được, thì ta cũng tìm cách khuyên bạn bè thân hữu cùng nhau ăn chay; khuyên một cách nhẹ nhàng êm ái, chứ không bao giờ bài bát hoặc đả kích người ăn mặn. Là Phật tử với thực tâm tu, nên luôn biết rằng có lắm khi vì nhân duyên, hoàn cảnh mà người chưa ăn chay được, nhưng với những giới khác thì người giữ được một cách thanh tịnh hơn ta.

Đức Phật đã dạy khi Phật tử đã chung sống với nhau, hễ thọ giới thì phải cùng nhau nhắc nhở giữ gìn triệt để những giới mà mình đã thọ. Chứ nếu không, thì sẽ chẳng bao giờ sống chung với nhau được.

Thế nào là kiến hòa đồng giải?

Trong sự chung sống hằng ngày, hễ mình biết được điều gì hay đẹp, thì cũng nên giải bày, chỉ bảo cho người khác. Có như thế trình độ hiểu biết sẽ không sai lệch nhau và sự tiến tu sẽ dễ dàng hơn. Hơn nữa, khi chia xẻ những gì mà mình biết cho người khác cùng biết là ta đã dẹp được sự ích kỷ, bồng sển trong ta, ấy là ta đã tu thêm một bậc nữa rồi vậy.

Thế nào là lợi hòa đồng chia?

Tài lợi chính là đầu dây mối nhợ của mọi tranh đua, vì thế nếu xuất gia vào chùa thì mọi thứ nên chia đều nhau, không được chiếm hữu bất kỳ thứ gì làm của riêng vì như vậy là trưởng dưỡng lòng tham dục. Không được lựa cái tốt chừa cái xấu cho người, nghĩa là còn muốn đẹp muốn tốt, là trưởng dưỡng cái ngã chấp của mình. Người Phật tử tại gia cũng nên tìm mưu kế sinh nhai, nhưng đừng bòn sẻn, hãy chia sẻ với những người nghèo khó cơ hàn, chia sẻ với tất lòng thành của mình. Người Phật tử luôn nên nhớ rằng những giàu sang phú quý chỉ là những hạt sương mai đọng trên đầu ngọn cỏ, khi ánh mặt trời lên thì còn được gì? Công danh vinh hiển chỉ là những bọt biển, chỉ cần một ngọn ba đào cũng đủ làm tan tành những bọt biển ấy. Hiểu được như vậy thì xã hội này sẽ bớt đi chênh lệch giàu nghèo và nhân loại sẽ bớt xung đột hơn.

Tóm lại, lục hòa không chỉ dành riêng cho các tăng ni xuất gia, mà chúng còn là những thang thuốc bổ cho người tại gia nữa. Thiếu một trong lục hòa này ta sẽ thấy có cái gì bất ổn trong cuộc sống hằng ngày. Xin Phật tử hãy hành trì lục hòa, khuyên người khác hành trì lục hòa để mọi người cùng hưởng sự lợi lạc.

167. MƯỜI ĐIỀU LÀNH TRONG ĐẠO PHẬT

Người đã nhận đạo Phật làm một hướng đi, thì ngoài quy y Tam Bảo ra, còn phải giữ cho được mười điều lành trong cuộc sống hằng ngày. Có được như vậy thì mới bước được vào cửa giải thoát. Kiếp con người mong manh yếu ớt chẳng khác nào những cánh bèo trước giông gió bão bùng. Nếu cứ để mặc cho giông gió dập vùi thì thà là đừng sanh ra làm kiếp con người. Một khi đã về nương với Tam Bảo là đã quyết không để cho giông gió dập vùi, mà muốn được như vậy thì phải lớn lên từ

trong lòng Tam Bảo, nghĩa là từ lời nói đến việc làm đều xuất phát từ Tam Bảo.

Sống trong lòng Tam Bảo là sống như thế nào?

Nghĩa là sống trên đất Tam Bảo và lớn lên bằng những rau cỏ và hoa quả của Tam Bảo. Rau cỏ và hoa quả của Tam Bảo là những gì? Ấy là mười điều thiện mà bất cứ người Phật tử nào cũng phải hành trì. Đức Phật đã dạy: “Mười điều thiện là cội gốc của tất cả các pháp lành thế gian và xuất thế gian.”

Vậy thì mười điều đáng làm là những điều gì?

Trong đạo Phật, mười điều đáng làm còn gọi là Thập Thiện Nghiệp. Nghiệp theo tiếng Phạn là Karma, có nghĩa là tạo tác. Như vậy thiện nghiệp là tạo tác cái gì thiện, cái gì lành. Hễ nói đến nghiệp thì không thiếu gì nghiệp; tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ nói đến mười nghiệp lành là mười nghiệp có thể giúp ta chặt tan bức màn vô minh để đưa ta đến bến bờ giác ngộ.

Thứ nhất là không sát sinh

Hãy tưởng tượng sự vui mừng sung sướng của một người tử tù được tha mạng, một con chim, con cá sắp bị giết mà được tha mạng thì ta sẽ thấy rõ mạng sống của chúng sanh là quý biết dường nào. Cho nên Phật dạy “Người Phật tử chẳng những không sát sanh mà còn phải phóng sanh,” vì không sát sanh là điều tối hệ trọng trong mười điều lành đáng làm. Không sát hại chúng sanh là không sát hại những vị Phật tương lai, vì Phật đã khẳng quyết rằng mỗi chúng sanh là một vị Phật tương lai. Không sát sanh là không sát hại bà con nhiều đời của ta. Vì kiếp luân hồi trở lên lộn xuống, mà chúng sanh này có thể là cha mẹ, anh em, bà con của chúng sanh kia ở những đời quá khứ.

Ngoài ra, không sát sanh còn trưởng dưỡng lòng từ bi, làm sạch đi những giận hờn phiền não, tâm thân thường khỏe mạnh, tuổi thọ dài lâu, không gây thù kết oán, tránh cảnh tam đồ lục đạo, và khi bỏ thân tứ đại thì ít nhất cũng được sanh lên cõi trời.

Không trộm cướp

Tài sản ta ai mà động đến thì ta phiền não và có khi gây chuyện. Quyền sở hữu là một quyền quan trọng, vì vật chất cung cấp những thứ cần thiết cho con người. Chính vì vậy mà mọi người đều phải nỗ lực làm việc, để có đủ tài sản bảo đảm cho cuộc sống hiện tại và tương lai con cháu mình. Đức Phật đã khuyên các Phật tử nên nỗ lực mưu sinh bằng những phương cách lương thiện, chứ đừng bao giờ lừa lọc, dối trá thành mưu, sang đoạt, không phải của mình mà thủ, vì tất cả những thứ ấy đều là trộm cướp. Vả lại, của phi nghĩa thì thường vào cửa sau ra cửa trước, tiêu hao mau lẹ như nước xoi mòn, rốt cuộc trắng tay vẫn hoàn tay trắng, mà còn bị người đời khinh khi phỉ nhổ, xấu hổ chẳng những cho mình mà còn cho con cháu về sau này nữa.

Ngoài ra, không trộm cắp thì được người tin cậy, không bị ai gạt gẫm lừa dối, ai cũng đều cảm đức ngay thẳng của mình. Người không trộm cướp luôn sống trong an ổn, và không lo sợ về bất cứ cái gì.

Không tà dục

Dâm dục không những là cái nhân của sanh tử luân hồi, mà còn là đầu dây mối nhợ của oán thù. Đức Phật dạy : “Với người xuất gia muốn chứng quả, thành đạo, phải đoạn trừ dâm dật; với người tại gia không được tà dâm.” Tà dâm nghĩa là lang chạ, ngoại tình với những người không phải là chồng vợ. Ngay cả vợ chồng chính thức, cũng phải có tiết độ. Có như thế thì cuộc sống sẽ yên vui và đầm ấm hơn; gia đình sẽ được hạnh phúc; sự làm ăn sẽ tấn phát hơn. Khi không tà dục, người Phật tử sẽ cảm thấy lục căn thanh tịnh, không gây thù kết oán với ai, không phiền não. Sống như vậy không là hạnh phúc lắm sao?

Không nói dối

Không nói dối nghĩa là nghe sao nói vậy; trong lòng và lời nói không trái nhau. Việc phải nói phải, việc quấy nói quấy, việc

có nói có, việc không nói không. Không vì tiền tài vật chất mà ta bị khuất phục; không vì uy quyền mà ta đổi trắng thành đen; đổi tà làm chánh. Đừng tưởng lời nói dối khời khời vô tội vạ là không hại gì. Thật ra chính những cái nói dối khời khời ấy nó trưởng dưỡng thứ nhứt thói xấu, thứ nhì là về sau này những người chung quanh sẽ không còn lòng tin ở lời nói của ta nữa, cho dù là ta nói thật. Nói dối để thu lợi hay khoe khoang lại càng nên tránh. Thí dụ như những con buôn bẻ chín thành mười, xấu thành tốt thì chẳng khác nào vừa nói dối vừa trộm cướp, tội nặng gấp bội phần. Những kẻ ngã mạn cống cao tự xưng là đắc quả này, quả nọ để cho người khác sùng bái mình, thì ô hô địa ngục đang chờ. Tự cổ chí kim, chưa một ai, kể cả những vị Tổ, dám nói mình đã đắc nhứt thiên, nhị thiên, tam thiên; vậy mà có những ma vương ác quỷ dám xưng mình đắc này đắc nọ, rồi tự cho mình cái khả năng đoán xét người này đắc sơ thiên, người kia đắc nhứt thiên. Thậm chí họ cho rằng họ có thể khai ngộ cho người khác, trong khi thân họ lo chưa xong. Tất cả đều là dối gạt người đời. Người Phật tử nên tránh mắc phải cái ngã mạn cống cao này thì mới có cơ hội giác ngộ được.

Tóm lại, người không nói dối miệng thường thơm sạch; được người đời mến yêu; lời nói không lầm lộn; trí tuệ thù thắng và trong sáng, và luôn luôn hưởng sự an lạc.

Không nói lời thêu dệt

Không nói lời thêu dệt nghĩa là không dùng lời lẽ trau chuốt, đường mật để mua chuộc lòng người, hoặc để quyến rũ người làm điều sai quấy. Những kẻ hay nói lời thêu dệt thường là những kẻ có lòng bất chính, lợi dụng lòng tốt của người để trục lợi. Những người này chẳng những bị người đời khinh rẻ mà còn tạo ra ác nghiệp, để rồi tán gia bại sản và đôi khi bị mất mạng nữa.

Không nói lưỡi hai chiều

Không nói lưỡi hai chiều là không đến bên này nói xấu bên kia; đến bên kia nói xấu bên này. Dùng lời trái ngược để cho kẻ thân thành thù, kẻ gần thành xa. Người nói lưỡi hai chiều là người có ác tâm. Người Phật tử cương quyết không bao giờ nói lưỡi hai chiều, quyết không làm xáo trộn người, mà trái lại còn giúp người giải quyết những trục trặc khó khăn. Người không nói lưỡi hai chiều thì gia đình luôn luôn sum họp, tình bằng hữu luôn vững bền, và đức tin bất hoại.

Không nói lời hung ác

Trên đời này lời lẽ hung ác đã nhiều quá rồi, xin hãy dùng lời lẽ êm ái mà nói với nhau. Người Phật tử cương quyết không nói lời thô tục, cộc cằn làm cho người nghe khó chịu. Không mắng nhiếc ai làm cho người nghe hổ thẹn, tủi buồn. Chẳng nên bươi móc việc không hay của ai, mà trái lại, ưa nói những điều hay lẽ đẹp của người khác. Lời lẽ thốt ra lúc nào cũng thanh bai, nhẹ nhàng, hiền hậu và dùng toàn là những lời đạo đức từ bi cho tất cả mọi người.

Không tham muốn quá độ

Ở đời này, người ta khổ cũng vì ham muốn quá độ. Tham tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Tham tiền thì đầy đọa tâm thân; tham sắc thì hao tài tổn của mà còn tổn hoại thân xác nữa; Tham danh vọng quyền tước thì phải vào lòn ra cú; tham ăn uống cao lương mỹ vị thì tàn hại thân xác; tham ngủ nghỉ thì trí não dần độn. Người Phật tử, biết tu hành, sẽ không bao giờ ham muốn những thứ ấy. Người Phật tử chân chánh lúc nào cũng biết thiếu dục, tri túc. Không tham muốn quá độ sẽ khiến cho thân tâm và phúc đức tự tại. Lúc nào cũng cảm thấy sung sướng và hạnh phúc.

Không giận hờn

Người không giận hờn lúc nào cũng giữ được sự bình tĩnh, điềm đạm, và nhu hòa trước những nghịch cảnh. Giận hờn là

tánh xấu, nó như ngọn lửa thiêu đốt cả mình lẫn người xung quanh. Đức Phật đã dạy rằng một niệm sân hận nổi lên thì trăm nghìn nghiệp chướng đều mở ra. Lửa giận mà phát ra thì cả rừng công đức cũng phải tiêu tan. Hễ giằng tâm giận một chút thì khỏi phải nơm nớp lo sợ về sau này.

Không si mê

Người không si mê là người biết phán đoán rành rẽ, nhận định rõ ràng và đúng đắn. Không cố chấp theo sự hiểu biết của riêng mình mà cũng không tin những lý thuyết không hợp lý và mơ hồ. Người không si mê là người có trí huệ, không tạo tội, mà tạo phước. Người không si mê sẽ đời đời thoát ra khỏi rừng vô minh.

Tóm lại, là Phật tử chân chánh nên luôn luôn tâm niệm sống với mười điều lành này; luôn luôn biết cải tạo thân tâm và hoàn cảnh để cho mình và cho người được an lạc. Lúc nào cũng đối sát sanh thành phóng sanh; đối lòng căm thù, hung ác thành ra từ bi hỉ xả; luôn luôn nhẫn nhục trước mọi hoàn cảnh. Có như vậy thì cả thân, khẩu lẫn ý đều thanh tịnh, con người sẽ thoát ly khỏi sanh tử luân hồi. Người hành trì mười điều lành thì chẳng những sẽ tránh được cảnh đày đọa nơi tam đồ lục đạo sau khi bỏ thân tứ đại, mà ở đời hiện tại này, thân tâm hằng thanh tịnh, sống đời an lạc. Và nếu chịu tu rất ráo thì có thể đắc quả Niết Bàn.

168. HOA VÔ ƯU

Hễ nói đến vô ưu là nói đến sự trống vắng của não phiền. Hoa Vô Ưu là loài hoa không phiền não, không lo âu. Ta có thể tìm loài hoa ấy ở đâu? Loài hoa ấy nở ngay trong ta chứ đâu cần phải đi tìm. Chính ta có thể cho nở hoa Vô Ưu, mà chính ta cũng

có thể liên tiếp cho nở hoa Sáu muện. Thức dậy miệng mỉm cười và ban nụ cười ấy cho ta, cho gia đình ta và những người quanh ta, ấy là ta đang cho nở những hoa Vô Ưu đấy. Hãy ban cho nhau những hoa vô ưu, như vậy là phổ độ chúng sanh. Ngay cái lúc mà ta ban cho người nụ cười ấy, cả ta và người đều giải thoát. Hoa Vô Ưu không thể mua, không thể mượn, không thể bán, mà chỉ có ban cho. Không tốn, nhưng đôi khi rất khó có được. Xin hãy ban cho nhau những nụ hoa Vô Ưu để cùng nhau làm thanh tịnh cõi ta bà này.

169. TÌNH THƯƠNG TRONG ĐẠO PHẬT

Tình thương là thuốc tiên chữa lành tất cả mọi lo âu phiền não. Thói thường người ta làm việc gì cũng có chủ đích. Thí dụ như anh nông dân nuôi trâu bò gà vịt, anh ta cũng thương chúng vậy, nhưng chỉ thương mà không có tình. Vì vậy hễ khi cần là anh ta có thể tóm cổ chúng, mang ra làm thịt. Loài cầm thú sống chung với nhau, cũng đùa giỡn thích thú lắm; tuy nhiên, chúng đùa giỡn là đùa giỡn, chứ không có tình thương. Con người trên địa cầu này có thật tình thương nhau không? Mặt ngoài thì vẫn có cái gọi là tình thương đấy, nhưng trong chiều sâu tâm hồn họ, ai mà biết được. Thí dụ như gia đình này lâm nạn, gia đình kia giúp, nhưng đến khi đụng chạm đến quyền lợi của nhau, thì có mấy ai nhường ai đâu. Đoàn thể này đối với đoàn thể khác cũng vậy, và quốc gia này đối với quốc gia khác cũng thế. Nhiều khi chúng ta tự hỏi con người thật sự có tình thương hay không? Để rồi chả bao giờ có được một câu trả lời đúng nghĩa cho tình thương cả. Đối với bên ngoài Phật giáo, tình thương là thứ tình mà ta vừa kể ở trên, còn đối với Phật giáo, bất cứ người Phật tử chân chính nào cũng ngày đêm vun bón cây tình thương. Họ luôn

luôn nuôi dưỡng tình thương cho được sinh sôi nảy nở mãi. Tình thương trong đạo Phật phát triển và lớn lên trong trí tuệ. Phật giáo quan niệm rằng sở dĩ ta khép chặt cánh cửa tình thương là vì ta bị tham sân si đàn áp, tức là ta bị vô minh, si muội che mờ. Một khi ta chặt đứt tham, sân, si và mê muội thì cánh cửa tình thương tự nhiên mở rộng thênh thang.

Tóm lại người Phật tử chân chánh lúc nào cũng thấy rằng tham, sân, si chẳng những khép chặt cánh cửa tình thương trong ta, mà chúng còn đưa ta vào nẻo tam đồ lục đạo nữa. Ta phải luôn thấy rằng mạng sống ta là chỉ trong hơi thở, mới đó còn, liền sau đó đã dứt. Đời mình là vô thường, bất định, không có một tí gì đảm bảo cả, vậy thì tại sao chúng ta không thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

Tham lam thù hận nhau để làm gì? Hãy thử xem từ khi ta chào đời đến giờ có khi nào ta đã sống trong hoàn toàn yên ổn đâu? Nào là bệnh hoạn và đau khổ, nào là cầu bất đắc, nào là tình đời đen bạc... Vậy thì tại sao chúng ta không thương yêu lẫn nhau, để cùng nhau chia sẻ đau khổ; gây thù chuốt oán mà làm gì. Xin hãy lấy tâm từ bi của nhà Phật mà ban rải cho chúng sanh mọi loài cái tình thương không điều kiện. Người Phật tử chân chánh luôn nhớ rằng tình thương và hạnh phúc không bao giờ có nơi những con người bần sần, tham lam, ích kỷ, si mê cuồng nộ; tình thương và hạnh phúc chỉ có nơi những con người giàu lòng từ bi hỉ xả mà thôi.

170. CÓ PHẢI LẠY PHẬT LÀ ĐỂ CẦU NGÀI BAN CHO TA SỰ BÌNH AN HAY KHÔNG?

Nếu Phật tử nào còn quan niệm lạy Phật để Ngài ban cho ta sự bình an thì quả tình người ấy chưa hiểu gì về đạo Phật. Thật

tình mà nói, rất nhiều Phật tử quan niệm quy y Tam Bảo, cúng dường chư Phật, chư Tăng, những mong từ đây về sau mình sẽ được Phật độ cho mình và gia đình luôn mạnh khỏe, làm ăn phát tài và khi chết thì chư Phật sẽ rước về cõi Phật. Thật là quan niệm sai lầm, nếu họ đi chùa mà thân tâm không thanh tịnh, đi chùa mà vẫn gây ra ác nghiệp, đi chùa mà vẫn mua gian bán lận, đi chùa mà vẫn lường gạt láo khoét, thì có Phật, Tăng nào mà độ cho được. Đi chùa mà vẫn gây sự xáo trộn cho người chung quanh, thì thử hỏi có Phật Tăng nào mà làm cho họ bình yên được.

Người Phật tử chân chánh lúc nào cũng tâm niệm rằng đi chùa là một chuyện, còn chuyện thực tu hay không lại là chuyện khác. Quy y Tam Bảo là tự mình quyết tâm chừa bỏ những thói hư tật xấu, mọi tâm niệm đê hèn độc ác và cố gắng tạo dựng phước lành, để khi bỏ thân tứ đại này sẽ được về cõi Niết Bàn. Tu là nương nơi Tam Bảo để mà cầu đạo Vô Thượng, chứ không nhắm mắt đưa chân, gửi gắm cả mình lẫn gia đình cho Phật, mọi việc đều nhờ Phật độ hộ cho, khi sống thì bình an, khi chết thì được Phật rước về cõi Phật. Nói như vậy không có nghĩa là ta không cần đến Tam Bảo. Tam Bảo là con đường sáng duy nhất cho ta nương theo mà đi về cõi tịnh tịch. Tam Bảo là con thuyền Bát Nhã đưa ta đến giải thoát, với điều kiện là ta phải ra sức chèo chống và đi cho đúng đường hướng mà Phật đã chỉ dạy.

171. THẾ NÀO LÀ ‘SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ SẮC?’

Người ta thường nghe nói đến hai câu này trong đạo Phật. Phật tử người nào cũng biết, nhưng chẳng phải ai cũng hiểu hết lý nghĩa của hai câu này đâu. Bây giờ chúng ta thử tìm hiểu

nghĩa lý của hai câu trên xem coi nó có đúng như vậy không. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc, là thế nào? Theo sự hiểu biết thông thường, sắc là tất cả vật chất có hình tướng, không thì không phải là vật chất, hai cái khác nhau hẳn hoi. Như vật thì tại sao Đức Phật lại nói như vậy? Có phải tướng là có, và tánh là không hay không? Nếu như vậy thì sắc là sắc, mà không thì không chứ có thể nào sắc tức thị không, không tức thị sắc được đâu. Thật tình mà nói, có sắc, không sắc, có không, không không... Tất cả đều do trí tưởng tượng mê dại của chúng ta mà ra. Như Đức Thế Tôn đã nói: “Nhất thiết duy tâm tạo.” Sắc cũng do tâm tạo, mà Không cũng do tâm tạo. Cả Sắc lẫn Không đều không có tự tánh, cả hai đều không có thiệt. Tất cả đều do cái chấp mê lầm của ta mà có. Như vậy khi ta không chấp cái Sắc là thật thì Sắc tức là gì nếu không phải là Không. Nếu ta không chấp cái Không là có thật thì cái Không là gì? Bởi thế cho nên khi không chấp, không vướng mắc, thì như thật pháp đều là hư vọng, là có mà cũng là không. Người Phật tử, một khi đã thấm nhuần Phật pháp nên bỏ đi cái chấp để thấy được cái nhìn của chư Phật. Phải hiểu Phật nói hai câu trên là để chỉ rằng tất cả mọi pháp đều chịu chung cái số phận vô thường, thấy đó mất đó, còn để chờ mất. Hãy nhìn cái áo mà ta đang mặc đấy thì ta sẽ thấy từ hư không chả có gì cả; thế rồi do duyên khởi hợp mà ta có cây bông vải, người thợ dệt, người thợ may, người mua bán quần áo. Sau khi ta mặc một thời gian thì cái áo cũ rách đi, rồi nó lại trở về với hư không. Đó không phải là Sắc tức thị Không, Không tức thị sắc, chứ là gì? Đức Phật còn hàm ý nhắc nhở chúng sanh rằng cuộc đời này ta đến từ Không, lẫn quần với những hư ảo của cuộc đời, những cái mà ta vì mê muội nên cho là có, để rồi cuối cùng ta lại cũng về với dạng Không.

172. LÀM THẾ NÀO ĐỂ CHẤM DỨT LUÂN HỒI?

Bất cứ Phật tử nào cũng biết hoặc nghe nói đến thuyết luân hồi trong đạo Phật. Như đã nói trước đây, thuyết luân hồi trong đạo Phật là một thuyết vô cùng khoa học và đứng đắn. Như vậy thì mục đích của người tu theo đạo Phật là tu học, hành trì và làm thế nào để chấm dứt luân hồi. Làm thế nào để chấm dứt luân hồi đây? Đức Phật là bậc toàn giác và giải thoát, nghĩa là đối với Ngài không còn sự luân hồi sanh tử nữa. Ngài đã truyền lại cho chúng ta những gì mà Ngài đã chứng ngộ. Theo Ngài thì khi nguyên nhân này không còn thì quả này cũng không còn. Với sự chấm dứt của nhân này thì quả này cũng chấm dứt.

Nghiệp lực của luân hồi là do vô minh mà sanh ra đam mê, cố chấp, bảo thủ, dục vọng và luyến ái; rồi từ đó ta cứ phải tái sanh trở lại. Muốn chấm dứt luân hồi là ta phải diệt tận nguồn gốc của vô minh. Khi ta phăng ngược về thuyết mười hai Nhơn duyên của Đức Thế Tôn thì ta sẽ thấy: Muốn không có Thủ và Hữu thì phải chấm dứt Ái; muốn chấm dứt Ái thì phải diệt Thọ; muốn diệt thọ thì phải không có Xúc; muốn không có Xúc thì phải diệt Lục căn; muốn diệt Lục căn thì phải diệt Danh sắc; muốn diệt Danh sắc thì phải chấm dứt Thức; muốn chấm dứt Thức thì phải không có Hành. Làm sao để không có Hành đây? Ta nên nhớ rằng hễ Nhơn này có thì quả ấy phát sanh. Với sự chấm dứt Nhơn này thì quả ấy cũng chấm dứt. Là Phật tử, con đường không tạo quả duy nhất là phải tu theo Phật, phải như hoa sen, mọc lên từ trong bùn mà không nhiễm bùn dơ; giữa đám bụi trần mà không nhiễm bụi trần. Tu để chặt tan bức màn Vô Minh tăm tối mà ta đã chịu từ vô thủy. Tu để chẳng những thanh tịnh cho ta mà còn cho người khác nữa. Niết Bàn không do một ai khác tạo nên, mà phải do chính ta tạo nên. Khi tu là ta đã ở ngay ngã ba đường giữa luân hồi sanh tử và giải thoát. Hễ hành trì cho tốt

ráo những gì Phật dạy thì rớt ráo; hễ giải đãi thì vẫn tiếp tục luân hồi; còn hễ tạo thêm ác nghiệp thì địa ngục sẵn chờ.

173. CÓ MỘT ĐÁNG THÂN LINH TỐI CAO KHÔNG?

Có nhiều tôn giáo trên thế giới cho rằng tất cả những cảm giác của con người từ vui sướng đến khổ não đều do một đáng Tối Cao tạo nên. Con người phải chịu sự chi phối và thưởng phạt của đáng này từ khi vừa mới sanh ra cho đến khi chết và ngay cả sau khi chết. Theo quan niệm trên thì Tạo Hóa muốn cho ta thế nào, ta phải chịu thế ấy, không ai sửa đổi được. Số phận của ta hoàn toàn nằm trong tay Tạo Hóa. Tất cả đều do Tạo Hóa định sẵn. Như vậy con người có thật sự hưởng được sự tự do và công bình hay không? Hãy nhìn những gì nhan nhản đang xảy ra cho mọi người thì ta sẽ thấy một đáng nào đó được gọi là Tạo Hóa, nếu ông ấy hay bà ấy mà công bình thì làm gì có kẻ giàu người nghèo, kẻ sang người hèn, kẻ mạnh người yếu, kẻ được người thua, kẻ thông minh người ngu đần, vân vân và vân vân. Một thí dụ rõ nét là ở một tiểu bang miền Trung Tây Hoa Kỳ vào năm 1993, người ta phát giác ra có một tên chuyên ăn thịt người. Khi cảnh sát tới nơi xét nhà anh ta, thì họ đã tìm thấy rất nhiều đầu lâu. Đương nhiên anh ta bị đi tù; tuy nhiên có một điều làm ta phải suy gẫm là trước khi chết vài tháng, anh ta được một vị tu sĩ đến rửa tội. Một nhà báo hỏi vị tu sĩ rằng với sự tàn ác của anh ta, anh ta có được cứu rỗi hay không, thì vị tu sĩ trả lời không suy nghĩ là anh ta đã chịu dâng phục làm con Thượng Đế thì anh ta sẽ được cứu rỗi thôi. Như vậy cũng được đi, vì Thượng Đế đã thương tình mà cứu rỗi cho anh ta. Nhà báo lại hỏi vị tu sĩ rằng nếu như vậy thì những em bé người Lào đáng thương đã bị hấn giết sẽ đi về đâu nếu những em này chưa từng được rửa tội. Vị tu

sĩ cũng trả lời không suy nghĩ rằng Thượng Đế chỉ cứu rỗi những ai đã dâng phục Ngài mà thôi. Như vậy thì thử hỏi Thượng Đế có sự công bình hay không? Hay như vậy chỉ là một sự chia phe. Một phe có Thượng Đế và một phe không. Dân của Thượng Đế là những ai chịu tuân phục Ngài; nghe theo Ngài mà không cần phải xem coi những gì Ngài nói có hợp lý hay không. Hễ nghe theo sẽ được Ngài cứu rỗi, bất kỳ là sát nhân, trộm cắp, giả dối, thô lỗ, nhảm nhí, hiểm độc, tinh quái, chẳng hạn như tên giết người để ăn thịt ấy cũng được Ngài cứu rỗi. Như vậy thì quả thật là Thượng Đế bất công. Ngài đã có đủ uy lực để tạo ra một vũ trụ như thế này, nếu nói là tình thương của Ngài vô biên, thì tại sao Ngài lại không tạo ra một vũ trụ hoàn toàn tốt đẹp đi. Tại sao con cái Ngài sanh ra mà có kẻ thì quá sướng, người thì quá khổ thế này? Tại sao có khi gian tham lại thắng công lý, có khi tà thắng chánh? Nếu như vậy Tạo Hóa không bất công chứ là gì? Nếu thật sự có một đấng Thần Linh hay Tạo Hóa như vậy, thì quả thật đấng này tội nặng vô cùng và đáng bị trừng trị một cách đích đáng. Nội cái chuyện đổi trắng làm đen ấy, ông ta cũng hội đủ điều kiện để bị đọa địa ngục rồi.

Đạo Phật không tin vào bất cứ một quyền năng thiêng liêng nào, mà đạo Phật chỉ tin mọi vật là do duyên tạo. Duyên thuận thì có, mà duyên nghịch thì không, thế thôi. Con người lăn lộn trong biển luân hồi sanh tử. Hễ chặt đứt bức màn vô minh tăm tối thì giác ngộ hiển bày, đơn giản thôi. Hiểu như thế ấy thì có khi ta hành trì tu tập mà đâu cần phải có hình tượng Phật. Người nào mà thực hành đúng theo giáo huấn của Như Lai là tôn sùng Như Lai nhất.

174. MỘT NGÀY SỐNG YÊU THƯƠNG LÀ MỘT NGÀY SỐNG HẠNH PHÚC

Cuộc sống hằng ngày của chúng ta thực sự quá nhiều lo âu sâu muộn. Tại sao vậy? Tại vì chúng ta hay sống cho ta, mà không chịu sống cho người. Tại vì ta hay thương ta, mà ít chịu thương người. Tại vì chúng ta thiếu những vị Bồ Tát, dám xả thân đi làm việc nghĩa. Hãy nhìn hình ảnh của những vị Bồ Tát đang đem tình thương đến cho đời như Ngài Quảng Đức dám bỏ thân vì đạo pháp, như Dì phước Pascale ở Palawan, Dì phước René, hoặc Dì phước Loan của dòng Nữ Tu Bác Ái. Đây là hình ảnh của những trái tim tỏa chiếu sáng ngời làm mờ đi những phù phiếm của tị hiềm tranh chấp. Chính nhờ ở những tấm lòng Bồ Tát ấy mà xã hội đã quá ư bệ rạc này mới còn tồn tại cho đến ngày nay.

Là Phật tử chân chánh, xin hãy bắt chước theo những vị Bồ Tát ấy, sống cho mình và cả cho người. Xin hãy mở rộng lòng từ ra khắp nơi để tạo dựng lại cái xã hội mà luân lý đang băng hoại này.

175. THẾ NÀO LÀ CUỘC SỐNG ĐẠO?

Có nhiều người lầm tưởng là phải đến chùa, hoặc phải khoác áo cà sa thì mới có thể sống cuộc sống đạo được. Kỳ thực, đời sống chân thật bình thường của ta ấy chính là cuộc sống đạo vậy. Sống mà không sát sanh hại vật; sống mà không lừa đảo hoặc trộm cướp gì của ai; sống mà không tà dâm lang chạ, làm hư hỏng gia đình ai; sống mà không nói lưỡi hai chiều để hại ai; sống mà không rượu chè cờ bạc. Ấy là sống đạo đấy. Thực hành đạo trong đời sống hàng ngày thì đời sống ta chỉ là sự hòa hợp tự

nhiên trọn vẹn của thân và tâm, sự hòa hợp này, tự nó nó là niềm vui sướng hạnh phúc.

Chúng ta ai cũng đều biết rằng nhứt thiết do tâm tạo, tức là nhứt nhứt thứ gì cũng đều do tâm mà ra, từ sung sướng, khổ sở, cho đến những biến chuyển trong thân thể ta... Do đó tâm ta thật bận rộn vô cùng. Có nhiều khi mình muốn đầu óc được thanh thoi, đừng suy nghĩ chuyện gì, nhưng khó được lắm. Muốn được như vậy, xin hãy nhìn lên bầu trời bao la, trong vắt, có những đám mây trôi đến, rồi trôi đi; đâu có ai mời, mà cũng đâu có ai cản. Tâm ta cũng vậy, cái gì đến thì đến; cái gì đi thì đi; không mời, không đuổi, mà cũng không theo. Ấy là sống đạo. Sống đạo là biết rằng sung sướng, khổ đau, vui buồn, thương ghét, giận hờn... Có đến, có đi, ta không mời mà ta cũng không chạy theo. Ta xem tất cả vạn pháp như nước chảy, mây bay. Đừng bao giờ tự đồng hóa mình với những điều mình đang suy nghĩ. Chẳng hạn như tôi hay, tôi dở, tôi giàu, tôi đẹp, tôi thương, tôi ghét, tôi cao thượng, tôi hèn, tôi sang... Ấy là sống đạo. Đừng bị bất cứ ý tưởng nào vây lấy ta, ấy là sống đạo. Sống đạo là thương biết thương, buồn biết buồn, mà không chạy theo những thương thương buồn buồn ấy. Lầm lỗi là biết lầm lỗi để mà sửa chữa chứ không để trách móc ai.

Người đang sống đạo là người đang tọa Niết Bàn, chứ không phải đợi đến lúc bỏ đi cái thân xác này mới là đắc quả Niết Bàn đâu. Hãy sống thực với đạo để được hưởng quả vị Niết Bàn của đời này từ những công việc lặt vặt hằng ngày như đi, đứng, nằm, ngồi, nấu ăn, mua sắm, họp bạn, tụng kinh, ngồi thiền... Người sống đạo là người biết rằng đôi chân ta đang chạm đất một cách tự nhiên và hạnh phúc, cho dù ở bất cứ đâu, nơi phố phường hay nơi thôn dã; tại nhà hay tại sở làm... Người sống trong đạo thực sự thì bất cứ nơi nào cũng có thể là đạo tràng cho

ta hành trì Phật pháp, chứ không đợi phải vào nơi rừng núi xa xôi, hay thiền viện vắng vẻ và xa cách cuộc đời.

176. BÁT QUAN TRAI GIỚI

Như đã nói, Phật hiện ra nơi đời vì một đại sự nhơn duyên. Ngài hiện ra nơi đời để cứu độ chúng sanh, chứ Ngài không hiện ra nơi đời chỉ để cứu độ những ai xuất gia. Nói cho rộng ra, đối với Đức Thế Tôn, Ngài muốn cứu độ chúng sanh muôn loài, chứ không riêng gì những người Phật tử. Ngài đã đặt ra rất nhiều phương pháp tu hành để cho hợp với căn cơ và hoàn cảnh của từng người. Ai có đầy đủ cơ duyên thì đến chùa xuất gia, còn ai chưa đủ cơ duyên thì vẫn tu được tại gia.

Phật pháp thì thậm thâm vi diệu; tuy nhiên, tất cả đều không ngoài mục đích giúp cho những ai tu hành giữ và đạt được: Giới, Định, và Huệ. Trong Giới, Định và Huệ, thì giới là phần tối quan trọng. Chính Đức Từ Phụ đã nhấn nhủ với các đệ tử của Ngài là trong thời không có Phật thì Phật tử hãy lấy Giới làm thầy. Tại sao Ngài lại nhấn nhủ như vậy? Tại gì nhờ giới mà tâm ta mới định; tâm có định thì mới sanh được huệ. Có huệ mới dứt trừ được Vô Minh. Mà hễ dứt vô minh thì mọi thứ khác tự nhiên tan biến. Huệ giống như ngọn đèn sáng thấp lên từ căn phòng tăm tối; hễ đèn sáng thì tự nhiên bóng tối phải lui dần. Hễ huệ mà phát lên thì vô minh phải chào thua. Một khi vô minh chào thua rồi ta mới có được cái Minh Tâm Kiến Tánh của Phật, nghĩa là thành Phật rồi chứ gì?

Bát Quan Trai Giới là một phép tu cho người cư sĩ tại gia. Chữ Bát là tám, Quan là cái cửa, Trai là khi đã qua giờ Ngọ thì không được ăn nữa. Bát Quan Trai có nghĩa là tám cái cửa chính cho người tu tại gia. Bát Quan Trai áp dụng trong một ngày một

đêm, tức là hai mươi bốn giờ, ta ngăn chặn tám điều tội lỗi và giữ gìn cho thân tâm được thanh tịnh. Vậy tám điều tội lỗi nào nên tránh?

Thứ nhất là không sát sanh để nuôi dưỡng lòng từ bi nơi ta và tránh gây thêm thù hận và ác nghiệp. Ai cũng tham sống sợ chết, mà hễ ta giết ai, dù là con gà hay con vịt, chúng cũng đều đem lòng hận thù. Thế nên người Phật tử chân chánh, chẳng những không sát sanh, mà còn khuyên người không nên sát sanh hại vật, nhất là trong ngày bát quan trai giới.

Thứ nhì là không trộm cướp. Tài sản và sở hữu của ta, ta không muốn ai động đến, thì xin đừng động đến tài sản sự nghiệp của người. Trong đời sống văn minh vật chất ngày nay, có khi ta khó mà giữ được một cách tuyệt đối, chẳng hạn như không làm mà muốn hưởng, làm ít mà muốn hưởng nhiều... Có khi ta cũng thấy như vậy là không chính đáng, nhưng ta lại tự bào chữa, của chính phủ chứ của ông của cha gì mình mà mình giữ, hưởng được thì cứ hưởng. Tuy là như vậy nhưng ấy cũng là một sự trộm cướp. Là Phật tử chân chánh tránh không trộm cướp, không xúi bẩy ai trộm cướp, mà còn bủa rộng tâm từ đi khắp nơi mà bố thí cho người nghèo khổ, thiếu ăn, thiếu mặc, nhất là trong ngày thọ bát quan trai.

Thứ ba là không được dâm dục. Đối với người cư sĩ tại gia, Đức Phật khuyên trong cuộc sống hằng ngày không nên tà dâm, còn trong ngày bát quan trai giới thì dâm dục phải đoạn trừ ngay cả với chồng vợ trong hai mươi bốn giờ bát quan trai giới này. Chẳng những không được dâm dục, mà còn không được nghĩ tới điều dâm dục nữa.

Thứ tư là không được nói dối. Nói dối là tâm nghĩ khác mà miệng thì nói khác. Như vậy chẳng những là phản tự nhiên, mà còn gây phương hại cho người khác nữa. Trong cuộc sống hằng ngày, nhiều khi ta khó lòng mà giữ hoàn toàn giới này; tuy

nhiên, trong ngày bát quan trai giới, ta nên tuyệt đối giữ giới. Chúng ta không nói sai, không nói lời thêu dệt, không nói lời hung ác, mà chúng ta còn nên khuyên can người khác không nên nói láo.

Thứ năm là không được uống rượu, vì rượu là nguồn gốc của si mê. Rượu vào thì làm cho con người ta mất hẳn phẩm cách của con người. Tự mình uống rượu thì tội còn nhẹ, chứ khuyên mời người khác uống rượu, là một trọng tội vì khuyên người uống rượu thì khi họ say, họ hành hung, tạo tác gì cũng coi như chính ta hành hung tạo tác vậy. Tự mình uống rượu thì chỉ có vợ ta con ta chịu thiệt thòi mà thôi; chứ xúi người uống rượu thì cả vợ con ta và vợ con người đều oán trách. Bởi thế trong kinh Phật dạy: “Thà uống nước đồng sôi cho tan mất thân này, chứ không nên uống rượu.” Tuy nhiên, trong vài trường hợp, nếu thầy thuốc bảo phải hòa tan thuốc với rượu mà uống cho khỏi bệnh, thì lúc ấy rượu trở thành một vị thuốc. Đó là ngày thường, chứ ngày thọ bát quan trai thì tuyệt nhiên chúng ta phải tuyệt trừ rượu. Chẳng những ta không uống mà còn khuyên người khác không nên uống nữa.

Thứ sáu là không được trang điểm phấn son và má hồng, cũng như không được thoa dầu thơm. Vì ngày thọ bát là ngày mà chúng ta nên khép bớt những cái tai, mắt mũi, lưỡi lại để cho thân tâm ta được an lạc. Ngày thường, trong cuộc sống hằng ngày, Phật tử tại gia khó giữ được điều này; tuy nhiên, trong ngày thọ bát quan trai, chúng ta phải tuyệt đối giữ giới này. Giữ được giới này tức là ta đã phá được cái ngã chấp, cho rằng thân này đẹp; rồi từ cái chấp ấy chúng ta sẽ bị lạc vào khu rừng Vô Minh để tiếp tục sanh tử luân hồi.

Thứ bảy là không được nằm giường cao đẹp, vì như vậy là nuôi dưỡng khoái lạc. Và có thể những cái ham muốn này sẽ đưa ta vào những ham mê trụy lạc khác nữa. Hãy tu từ những cái như

vậy. Hãy bắt chước Đức Phật, từ bỏ cung vàng điện ngọc mà sống cuộc đời thật đơn giản.

Thứ tám là không được ăn quá giờ Ngọ. Chư thiên thì ăn sớm mai, Phật thì ăn vào giờ Ngọ, còn ngạ quỷ súc sanh thì ăn sau giờ Ngọ. Đây là sự tin tưởng mà thôi. Chủ đích của Đức Thế Tôn khi nói không được ăn sau giờ Ngọ chỉ nhằm mục đích giúp chúng ta giảm bớt cái tham dục trong ta mà thôi. Chứ thật sự, một người Phật tử nên ăn uống cho có đều độ để giữ gìn sức khỏe, ấy cũng là đủ lắm rồi.

Như chúng ta đã thấy rõ sự lợi lạc của bát quan trai giới. Tuy nhiên sự lợi lạc trước mắt là trong thời gian bát quan trai giới, thân khẩu, ý đều thanh tịnh. Tuy số thì giờ dành cho bát quan trai giới quá ít; tuy nhiên, hai mươi bốn giờ ấy nó còn quý báo hơn cả một đời người không tu hành. Đi tu là làm cái việc lau gương cho sạch; vậy thì rảnh rang giờ nào là lau giờ đó. Cái gương ấy là của ta; hễ lau thì sạch, mà không lau thì dơ. Sạch hay dơ gì thì một mình ta chịu thôi. Là Phật tử, nếu chưa có cơ duyên đến chùa xuất gia, xin hãy quyết tâm mỗi ngày mỗi tu tại nhà và cuối tuần nên nguyện đến chùa thọ bát quan trai để cho tam nghiệp đồng thanh tịnh. Ví bằng không làm được hằng tuần thì cũng nên hằng tháng. Nếu không đến chùa được thì thọ bát quan trai ở nhà cũng được. Xin hãy khuyên mọi người cùng tu để hi vọng một ngày nào đó chúng ta sẽ cùng nhau đi trên con đường mà năm xưa Đức Từ Phụ đã đi.

177. TÌM PHẬT Ở ĐÂU?

Có rất nhiều Phật tử đến chùa với thành tâm tu học, cũng có rất nhiều người đến chùa vì những nguyên nhân khác. Có thể họ đến vì có những lý do riêng tư, hoặc hoàn cảnh gia đình, hoặc

có thể họ đến vì danh vì lợi. Cho dù họ có đến chùa vì bất cứ lý do gì, thì trong một chút chiều sâu tâm hồn của họ, họ vẫn muốn tìm thấy một vị Phật.

Nếu là người thành tâm đến chùa để tìm Phật thì chẳng bao lâu sau họ sẽ nhận chân ra rằng chùa chỉ là nơi để cho họ nương theo với Tam Bảo mà tìm về với cái tâm Phật nơi chính họ. Vì Phật là do tâm tạo, chứ đâu phải đi đâu xa mà tìm. Người ngộ hưởng vào tâm mà thấy cái Phật nơi mình; người ngộ liễu đạt chân tâm. Người ngộ sẽ không bao giờ lìa xa bản thể.

Còn người tích trí thì chỉ biết hưởng về sách vở mà tìm Phật; càng tích lũy kiến thức càng nhiều thì càng khó thấy Phật bấy nhiêu. Tại sao vậy? Vì hạng tích trí cho dù đến chùa lay Phật, nhưng vẫn nghi ngờ Phật pháp, mà càng nghi ngờ bao nhiêu thì càng khó thâm nhập kinh tạng bấy nhiêu.

Còn hạng người mê muội đến chùa vì danh vì lợi thì cũng có tu vậy, nhưng chỉ tu như cầu quả mà thôi. Họ là những người độn căn, biện bác mỗi môm mà chẳng thấy Phật đâu cả. Người mê thì chấp vật, thủ ngã, coi đó là mình rồi chấp không, chấp hữu, rồi sa lầy bế tắc. Chính hạng người này chẳng những tự tạo ra ác nghiệp cho họ mà còn làm xáo trộn cho nhà chùa.

Là Phật tử chân chánh, dám nhận chân mình thuộc vào loại nào mà tự sửa mình và luôn nhớ rằng muốn tìm Phật thì phải thấy Tánh, vì Tánh tức là Phật. Thấy Tánh tức là thấu triệt được tâm mình. Nghĩa là tự tại, vô sự và vô tác. Mà muốn được như vậy, con đường duy nhất là hãy hưởng về mình. Phật là tự tâm, bởi vậy Phật dạy:

Tánh tức là Tâm,
mà Tâm tức là Phật.

Nếu chẳng thấy Tánh thì niệm Phật, tụng kinh, ăn chay, trì giới nào có ích lợi gì, chẳng khác như là nước đổ lá môn. Cho dù biết rằng niệm Phật thì được công quả tốt; tụng kinh thì tâm trí

khai thông; trì giới thì được sanh lên cõi trời; và bố thí thì được phước báo. Nhưng mục đích của chúng ta là đi tìm Phật, chứ ta đâu muốn vẫn tiếp tục sanh tử luân hồi. Xin chớ mê lầm hưởng ngoại, cầu Phật lông bông, ắt không bao giờ thấy được Phật.

178. PHẬT GIÁO VÀ HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Người Việt Nam khi nói đến gia đình là nói đến những thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà. Những thế hệ này có thể bao gồm cha mẹ, con và cháu. Cha mẹ, vợ chồng, con cháu... không thể chỉ đơn thuần nhờ vào không khí, hay ánh mặt trời mà sống được. Thế giới càng văn minh bao nhiêu thì nhu cầu vật chất càng nhiều, và tình cảm con người càng trở nên phức tạp bấy nhiêu. Nếu chúng ta không có một đời sống đạo đức thì quả thật gia đình không thể nào có hạnh phúc được. Vấn đề ở đây là chúng ta phải sống đạo đức như thế nào đây?

Như đã nói, tiền bạc có thể dùng để đổi lấy của cải vật chất, nhưng nó không đổi lấy được cho ta cuộc sống an lạc và hạnh phúc. Nói như thế không có nghĩa là ta không làm ăn để tạo ra tiền. Đức Phật đã dạy rằng các Phật tử tại gia hãy cứ làm ăn sinh hoạt và tạo ra của cải vật chất, nhưng phải bằng những phương tiện lương thiện.

Hai mươi lăm thế kỷ trước, Đức Phật đã thấy được sự khó khăn của gia đình chồng và nàng dâu, nên Ngài đã dạy cô dâu phải hết lòng kính trọng cha mẹ chồng, phụng sự và chăm sóc họ như cha mẹ của chính mình. Phải kính trọng những người bà con và bạn bè của chồng. Làm vợ cũng nên tìm hiểu thêm về bản tánh của người chồng. Luôn lễ độ, dịu dàng và biết tiệp tặn, biết tính toán chi tiêu lợi tức của gia đình sao cho hợp lý. Ngài cũng khuyên những bậc làm cha mẹ chồng phải biết thương yêu con

dâu như con đẻ của mình, có như vậy thì sự cảm thông và sự hòa nhập mới được dễ dàng được.

Những lời mà Đức Từ Phụ đã chỉ dạy cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ vẫn còn sáng ngời. Có điều là chúng ta có chịu áp dụng chúng vào đời sống hằng ngày của chúng ta hay không ấy thôi. Đạo Phật nhắc đến ‘Sanh, lão, bệnh, tử,’ là đau khổ, không có nghĩa là đạo Phật bi quan yếm thế, không có nghĩa là đạo Phật chống lại cuộc sống hôn nhân và gia đình. Ai mà có quan niệm như vậy là sai. Đức Phật không bao giờ phản đối cuộc sống lứa đôi và gia đình. Tại sao? Tại vì chính Ngài vẫn thường khuyên dạy đệ tử là nếu không có đời thì cũng không có đạo. Tuy nhiên, Đức Phật chỉ khuyên rằng chính sự ham muốn kết hôn, tự nó nó là dục vọng, mà dục vọng là nguyên nhân đẩy đưa đến biết bao nhiêu là phiền muộn.

Một trong những điểm nổi bật của Phật giáo là Đức Phật không và sẽ không bao giờ bắt Phật tử phải tuân theo bất cứ luật lệ hay giới điều tôn giáo nào khi kết hôn. Ngài chỉ nói lên vài lời khuyên, mục đích là để cho gia đình được hạnh phúc. Tất cả những giới điều trong đạo Phật đều là tự nguyện, chứ Phật giáo chưa bao giờ nói, nếu tín đồ không tuân theo sẽ bị loại ra khỏi đạo bao giờ. Phật giáo cũng chưa bao giờ cấm cản Phật giáo đồ kết hôn với một người khác tôn giáo. Ở Phật giáo ta chỉ thấy lòng khoan dung tha thứ và đức nhẫn nhục nhằm giúp ta và người có một cuộc sống hạnh phúc và an lạc.

179. CÂU CHÚ ÁN MA NI BÁT DI HỒNG CÓ Ý NGHĨA GÌ?

Chú là những lời thiêng liêng của chư Phật, nhằm giúp chúng sanh trì tụng cho thân tâm được thanh tịnh. Thực ra, chúng

ta không cần phải tìm hiểu ý nghĩa của Thần Chú, vì chỉ có chư Phật mới hiểu nổi nghĩa lý của những câu chú ấy mà thôi; tuy nhiên, một khi Phật đã nói ra điều gì mà để lại cho chúng sanh, thì những điều ấy đều có một ý nghĩa thiêng liêng nào đó.

Câu thần chú Án Ma Ni Bát Di Hồng, nguyên chữ Phạn là ‘Om Mani Padme Hum’. Đức Từ Phụ đã dạy rằng phước đức vô cùng cho những ai trì tụng câu chú này, mặc dù không thấu rõ nghĩa lý của nó. Tại sao có người nói đọc hết Tam Tạng Kinh Điển chẳng bằng trì đọc câu thần chú này mỗi ngày 108 lần? Có thể chư Phật muốn nhắc nhở chúng sanh nên tự định tâm mình bằng cách trì chú. Mà thực vậy, có lần thầy Thích Phụng Sơn đã thử cho thiền sinh trì chỉ câu chú này trong hơn một tiếng đồng hồ. Sau khi trì chú, tôi cảm thấy thoải mái vô cùng, bèn tìm hỏi các thiền sinh khác xem họ cảm thấy thế nào? Thì lạ thay họ cũng cảm thấy vô cùng thoải mái. Tôi mới thỉnh thầy Phụng Sơn giải thích ý nghĩa của câu thần chú này. Theo ý thầy Phụng Sơn thì chữ Án tượng trưng cho Thân, Khẩu, Ý bất tịnh của người trì chú, mà lại cũng tượng trưng cho Thân, Khẩu, Ý thanh tịnh của chư Phật. Chư Phật muốn cho ta trì câu chú này để từ từ xa lìa những trạng thái bất tịnh, và đồng thời cũng từ từ đi vào cõi thanh tịnh. Mà chuyển hóa bằng cách nào? Bằng Mani, có nghĩa là viên ngọc, tượng trưng cho vị tha, giác ngộ, và thành Phật. Phật vì lòng từ bi, thương xót chúng sanh mà thị hiện. Giống như viên ngọc quý, có khả năng tiêu trừ phiền não luân hồi. Rồi sao đó được cái trí huệ giống như Padme, tức là giống như bông sen trở ra, vượt khỏi bùn lầy. Trí huệ như vậy mới có khả năng đưa ta thoát khỏi cảnh mâu thuẫn, vượt thoát nghịch cảnh. Trí huệ như vậy ta mới có khả năng hiểu được sự vô thường; có trí huệ ta mới ý thức được cái chấp ngã của ta; có trí huệ ta mới hiểu được sự trống không của đời sống hiện tại, và từ đó ta mới nhận ra tâm ta chính là cái bầu trời bao la không một vẩn mây. Cuối

cùng chữ Hum có nghĩa là vô phân biệt giữa phương tiện và trí huệ. Do cái không phân biệt này mà ta không chấp, mà không chấp tức là ta đã đi hơn phân nửa cái đoạn đường tu của ta rồi vậy.

Tóm lại, trong khi ta trì tụng cái câu Om Mani Padme Hum, thì ta không còn là ta nữa, mà chỉ còn là cái gì của lòng từ bi vô lượng và trí huệ vô biên. Như vậy, trong khi trì chú, hóa ra chẳng những chúng ta đang chuyển hóa cái thân, khẩu, ý bất tịnh của ta thành ra cái thân, khẩu, ý trong sạch của chư Phật; mà chúng ta còn đang trưởng dưỡng lòng từ bi trong ta nữa.

180. TIỂU THỪA, ĐẠI THỪA, HAY CHỈ LÀ SỰ MÊ ĐẠI CỦA NHỮNG NGƯỜI CHƯA MUỐN BƯỚC CHÂN VÀO ĐẠO?

Ngày xưa Đức Phật giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trong phẩm Phương Tiện, Ngài đã giảng về khả năng tự độ, độ tha cũng như giác hạnh viên mãn của những người tu hành về sau này. Đối với Ngài, chúng sanh gồm vô số loại chúng sanh, nhưng những người biết về nương với Tam Bảo chung qui chỉ gồm hai loại: những ai chỉ có thể tự độ được cho mình thì Ngài ví họ như những cỗ xe nai hoặc xe hươu; còn những ai có thể vừa tự độ mình, mà cũng vừa độ được người thì Ngài ví họ như những cỗ xe trâu. Chỉ cần cái nói của Đức Từ Phụ mà đã đánh tan được tất cả những mặc cảm độ tha của những người không có khả năng. Thật là tấm lòng từ bi mẫn chúng vô bờ, vô bến. Ý của Ngài là muốn cho chúng sanh muôn loài cùng tu; ai có khả năng tu kiểu nào thì tu kiểu đó, chứ Ngài đâu có muốn chia cái đạo mà Ngài đã khai sáng ra làm hai mảnh dâu. Ngài chỉ muốn mọi người đều bỏ đi cái mê chấp để cùng nhau vượt ra khỏi căn nhà lửa Tam

Giới. Đạo của Ngài là Phật Đạo và chỉ có một quả vị duy nhất là Phật Thừa. Mà Phật thì Phật nào cũng như Phật nào, chứ làm gì có Phật lớn, Phật nhỏ, Phật anh, Phật em... Xin thưa lại một lần nữa, trong đạo Phật không có thừa thặng chi cả; chỉ vì chúng sanh, với bản ngã đăm mê cố chấp mà phân biệt chia rẽ làm tổn thương cho đạo pháp, thì sai hẳn với lời Phật dạy. Quả là Thánh ý cao thâm, mà phàm phu nan trắc.

Là Phật tử chân chánh mà còn nói đến tiểu thừa, đại thừa thì quả thật ta chưa bước chân vào đạo. Tại sao? Tại vì một khi đã bước hẳn vào đạo rồi thì ta đâu còn những cái chấp mê đại ấy. Tự cái chấp ấy nó nói lên cái cống cao ngã mạn; tự cái chấp ấy nó nói lên cái động trong lòng ta. Với những người chưa biết gì về đạo thì cũng đành đi; đành này là Phật tử, dù xuất gia hay tại gia, mà vẫn có cái ý nghĩ tiểu đại trong lòng thì quả là sai trái vô cùng. Tự mình có ý nghĩ tiểu đại đã là sai trái, chứ đừng nói chi đến chuyện dùng tiểu đại để mà chỉ trích nhau thì thật là chẳng khác chi là đang đi trong địa ngục vậy.

Đáng lý chỉ nói bấy nhiêu thôi là đủ cho cái luận tiểu đại; tuy nhiên, tôi thiết tưởng cần phải nói thêm một tí nữa về đạo Phật. Đạo Phật mà Đức Thế Tôn đã khai sáng cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ là một vầng dương cho địa cầu tăm tối. Ánh Đạo Vàng đã và đang tỏa rộng khắp nơi nơi, là ngọn đuốc soi rõ tâm hồn của chúng sanh. Hễ ai có đủ duyên lành gặp được đạo pháp, ấy là tu theo Phật thừa. Ngoài Phật thừa ra không có thừa nào khác, có chăng chỉ là sự mê chấp của những người chưa hiểu đạo. Tuy cách ăn mặc có khác, nhưng giáo pháp nào có khác chi đâu. Người Trung Hoa không ăn mặc như người Ấn; người Việt Nam không ăn mặc như người Thái lan, thế thôi. Đạo Phật ở Ấn thì hành trì theo kiểu Ấn Độ; đạo Phật ở Miến thì theo kiểu Miến; ở Thái thì theo kiểu Thái, còn đạo Phật ở Tàu thì hành trì theo kiểu Tàu... Mê chấp tiểu đại cũng giống như mê chấp tại

sao các dân tộc trên thế giới không ăn mặc giống nhau, hoặc giả không có những phong tục tập quán giống nhau vậy. Thấy như vậy ta mới biết rằng cái mê chấp tiểu đại là cái mê chấp vô lý, không thể nào được người Phật tử chân chánh chấp nhận.

Người mê chấp tiểu đại, ngoài cái lỗi mê chấp còn thêm cái lỗi chia rẽ đạo giáo nữa. Làm như vậy quả tình là đi ngược lại những gì Phật dạy. Hễ nói Tiểu, Đại là mặc nhiên chia Phật giáo làm hai nhóm. Hễ nói Tiểu, Đại là mặc nhiên phân ranh giới giữa anh và tôi. Hễ nói Tiểu, Đại là còn nói đến lớn nhỏ. Như vậy là tâm còn động lắm, chưa tu được đâu. Nếu là Phật tử chân chánh, xin hãy bình tâm, một khi đã quyết chí tu hành, thì thôi đừng chấp gì nữa. Gặp ai nói đến tiểu đại, xin hãy khuyên họ nên nói chuyện khác, chuyện thanh tịnh, chuyện giải thoát chẳng hạn. Xin hãy cùng nhau tu học để đi đến chỗ toàn giác. Xin nếu có biết điều gì hay hãy cùng chỉ bảo cho nhau, giúp nhau gìn giữ giới hạnh để cùng nhau đi trên con đường mà năm xưa Đức Từ Phụ đã đi, để cùng nhau đắc quả vị Phật. Ấy là tu vậy.

181. ĐỨC PHẬT THÍCH CA ĐÃ ĐỘ AI VÀ SẼ ĐỘ AI?

Khi nói đến đạo Phật là nói đến thanh tịnh, Niết Bàn và giải thoát. Có ai dám nói là mình đi tu chơi đâu? Mà thường những người phát tâm đi tu là để hoặc được thanh tịnh ở đời này, hoặc được giải thoát, hoặc nhập Niết Bàn sau khi bỏ thân tứ đại này. Nhưng khi đã vào tu, đã phát nguyện làm con Phật thì Phật có độ cho ta hay không? Xin thưa ngay là chưa bao giờ và sẽ không bao giờ Phật sẽ độ cho ai, dù người ấy là La-Hầu-La, là con ruột của Phật.

Khi đến với đạo Phật, dù đã tu lâu hay mới bắt đầu tu, điều quan trọng mà chúng ta cần thông suốt là chúng ta phải tự cứu lấy chúng ta bởi vì Đức Phật đã nói rõ ràng trong rất nhiều kinh sách là các con nên tự mình cố gắng, còn các Đức Như Lai chỉ là những bậc thầy mà thôi. Chính Đức Thế Tôn có lần đã khuyên La-Hầu-La (con của Ngài lúc Ngài chưa xuất gia) rằng thân xác ta mà ta lo chưa xong thì làm sao ta lo được cho thân người. Thôi người hãy tự lo cho người đi. Thấy như thế để biết rằng hễ ai tu thì người đó tự chứng, tự thấy rõ con đường mà mình đang đi. Thực ra tu là lội ngược dòng đời. Thay vì nghe, thấy ở bên ngoài thì tự mình xoay vào bên trong mà quán sát cái tâm của mình, để rồi thấy cái gì nên sửa thì sửa, chứ đừng y lại vào ai, ngay cả Phật. Tìm cho được Phật ở ngay chính tâm ta trước cái đã rồi hẳn nói chuyện giải thoát và Niết Bàn. Xin hãy luôn nhớ rằng chư Phật chỉ là những bậc đạo sư chỉ dạy cho chúng ta cách tu hành làm sao cho tốt ráo, chứ các Ngài không thể độ được bất cứ ai. Là Phật tử, muốn được giải thoát, xin hãy cùng nhau tu hành cho thông suốt các lời dạy của chư Phật, hãy nhìn vào những lời dạy đó ấy như những kim chỉ nam, như ngọn đuốc soi đường cho ta trong suốt cuộc hành trình về đất Phật.

182. TẠI SAO SAU MỖI THỜI KHÓA TU CHÚNG TA ĐỀU HỒI HƯỚNG?

Đạo Phật là đạo của từ bi. Đức Phật vì thương xót chúng sanh mà thị hiện, cho nên người con Phật cũng thừa hưởng những gì mà Ngài đã để lại: Từ bi và thương xót mọi loài. Thói thường thì ta muốn cái gì cũng là của ta, nhưng một khi đã tu theo Phật thì vì cái lòng từ bi mẫn chúng ấy mà cái gì ta có là ta muốn

người cũng có như ta. Chính vì vậy mà ta thấy sau mỗi thời kinh hay nghe pháp ta đều hồi hướng:

Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật Đạo.

Ôi dễ thương làm sao cái câu hồi hướng của những người con Phật. Họ không riêng sống cho họ, mà họ đem niềm vui nghe hiểu được Phật pháp mà hướng về những người chưa có cơ duyên nghe được, và nguyện sao cho những người này cũng nghe được như họ, để ai nấy cũng đều được giác ngộ và đồng thành Phật.

Hồi hướng để làm gì?

Trước hết, những người con Phật hồi hướng để tỏ lòng từ bi mẫn chúng. Thứ đến, hồi hướng còn giúp ta phá tâm ích kỷ. Đời là vô thường, cuộc sống ta như tia điện chớp, có gì là ta đâu, và cũng không có gì là của ta cả. Xin hãy bắt chước những người xuất gia, sáng ra là đã bắt đầu hồi hướng cho đến lúc đi ngủ trở lại. Vừa bước xuống giường là họ đã nguyện cho chúng sanh lúc nào cũng được an lạc, lúc nào cũng có nụ cười trên môi. Thức dậy miệng ta mỉm cười, ta cũng nguyện rằng hết thấy chúng sanh đều có nụ cười như ta. Đến khi đi rửa mặt rửa tay, cũng nguyện cho chúng sanh cũng có được bàn tay sạch để giữ cho Phật pháp không bị băng hoại. Ngay lúc đi tiểu tiện, cũng nguyện cho chúng sanh trút bỏ đi những tham sân si, giống như mình đang bỏ phần ứ dơ dáy này vậy. Cứ như thế, nhứt cử nhứt động đều hồi hướng. Hồi hướng cho đến khi nào không còn cái gì là của ta nữa. Hồi hướng cho tới khi nào tâm ta lúc nào cũng nghĩ đến chúng sanh. Được như vậy ta đang không đắc quả chứ là gì? Phật tử ơi, càng nghĩ đến cái ngã nhiều chừng nào thì khổ nhiều chừng nấy. Tại sao vậy? Tại vì một khi đã nghĩ đến cái ngã thì từ

cái lớn đến cái nhỏ đều của ta, mà hễ của ta thì đẹp, xấu, sang, hèn ta đều lãnh chịu, chứ có ai vô đây để chịu thế cho ta đâu? Chính cái ta hồi hưởng cho người, người lại hồi hưởng cho ta ấy mà cả thế giới Phật đều chỉ thấy có nụ cười. Hè mở lòng ra để chia sẻ với mọi người, nhất là với những người khổ hơn ta, thì tự nhiên ta sẽ thấy mình là người có nhiều hạnh phúc ở thế gian, và tự nhiên ta sẽ có một khuôn mặt rạng rỡ của một vị Bồ Tát.

183. TẠI SAO NÓI TU LÀ PHẢN QUANG TỰ KỶ?

Trong đạo Phật, tu là sửa. Mà sửa cái gì? Sửa cái tâm của mình. Bằng cách nào? Bằng cách ‘Phản quang tự kỷ’. Phản quang tự kỷ là sao? Là tự xoay về mình để xem xét chính mình. Xem xét bằng cách nào? Thói thường chúng ta hay vọng ngoại, nghĩa là nhìn ra ngoài. Nghĩa là thấy người nhiều hơn thấy ta. Ta thấy người từ cái tốt, xấu, hay, dở, giàu sang, hèn mọn, phú quý, bần tiện... Còn chúng ta? Tốt, xấu, hay, dở ra sao? Với chúng ta thì chúng ta chỉ phô trương những cái hay, cái đẹp mà thôi, còn những cái dở, cái xấu thì vô tình hay cố ý ta che lấp chúng đi. Do vậy chúng ta hay khen người này, chê người kia; rồi buồn, thương, giận, ghét. Lâu ngày thành quen, ta chỉ nghĩ đến bên ngoài mà không thấy gì bên trong. Chính cái thường thấy lỗi người này nó tạo cho ta hai thứ tệ hại nhất trên cõi đời này là khinh người và tự cao. Đã nói rằng tu mà còn ngã mạn, cống cao thì biết đến bao giờ mới thành Phật?

Dù rằng con người, tu hay chưa tu, rất khó mà bỏ được chuyện thị phi. Cái bệnh thị phi này thiệt là khó trị vô cùng. Sắt mài thành kim còn dễ hơn chuyện khuyên người nên bỏ thị phi. Thế mới biết tu là cả một trời khó khăn chờ đợi. Tu là biết nhìn lại từng tâm niệm của chính mình, và biết buông xả để thấy cả

một bầu trời cao rộng trước mắt ta. Tu là phải chặn giữ cái tâm của mình. Một niệm dấy lên ta đều biết, biết hay, biết dở mà không bao giờ chạy theo. Thực tình mà nói, khi đã tu thiết rồi thì nội cái lo chặn giữ cái tâm của mình đã là hụt hơi rồi, còn thì giờ rảnh rỗi đâu mà nhìn cái hay cái dở của người. Bởi vậy khi thấy ta còn có thì giờ đi lo chuyện thị phi, ấy là biết rằng ta chưa thực sự tu đầy.

Là người Phật tử chân chánh, xin hãy thường thấy lỗi mình. Nếu không thấy được lỗi của mình, thì xin đừng thấy lỗi người. Có được như vậy thì sẽ ít có tị hiềm ganh ghét hơn. Có được như vậy thì cõi Ta Bà này sẽ ít Ta Bà hơn. Có được như vậy thì những lời hồi hướng vừa rồi của ta mới là thực tình hơn.

184. ĐẠO PHẬT LÀ MỘT TÔN GIÁO HAY LÀ MỘT TRIẾT LÝ?

Theo định nghĩa của những Bách Khoa Tự Điển thì Tôn Giáo có nghĩa là một hệ thống tín ngưỡng đặt trọng tâm vào các đấng siêu nhiên. Nếu theo như những định nghĩa ấy thì đạo Phật không phải là một tôn giáo. Vì sao? Vì Đức Phật là người đã khai sáng ra đạo Phật không bao giờ chủ trương việc phó thác thân mạng mình cho bất kỳ ai, dù người đó được tôn xưng là thần linh. Phật không phủ nhận sự hiện diện của thần linh và quỷ vật, nhưng Ngài coi những người này là những chúng sanh như bao chúng sanh khác, thế thôi. Trên lý thuyết thì nói vậy, chứ trên thực tế đạo Phật đã được mặc nhiên coi như là một tôn giáo có số tín đồ đứng vào bậc nhất trên thế giới.

Đạo Phật chẳng những được mặc nhiên coi như là một tôn giáo lớn, mà lý thuyết của Phật còn được coi như là một thứ triết lý cao siêu cũng vào bậc nhất. Xã hội càng văn minh tiến bộ, thì

có nhiều triết lý của một số tôn giáo khác bị khoa học đẩy lùi vào bóng tối, duy chỉ có triết lý của đạo Phật càng ngày càng vững vàng. Triết lý của Phật đã cho mọi người thấy là cách nay trên hai mươi lăm thế kỷ, Phật đã có cái trí huệ không lường được. Cái trí huệ mà cả những cái khối óc của các nhà bác học từ xưa đến nay gom lại cũng chưa có đủ khả năng đi tìm những cái mà Ngài đã nói. Chính Đức Từ Phụ đã từng nói rằng chớ vội tin vào một điều gì, cho dù điều ấy đã được nhiều người nói đến. Đừng tin mù quáng mà phải suy đi nghĩ lại trước khi tin, và chỉ tin vào chơn lý mà thôi.

Thế mới biết đạo Phật mới thật sự là con đường sáng, là đuốc soi. Đạo Phật là thể hiện chẳng những Từ bi mà còn là đạo của tự do bình đẳng nữa. Chỉ cái câu mà Đức Từ Phụ đã nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành,” cũng đủ nói lên sự bình đẳng của đạo Phật với chúng sanh muôn loài. Ngài không là chúa sáng thế hay là đấng Tạo Hóa, mà Ngài chỉ là một đạo sư dẫn dắt chúng sanh đến quả vị Phật. Triết lý của Ngài muốn nói cao siêu thì cũng cao siêu, mà muốn nói bình thường thì cũng có bình thường, vì Ngài tùy căn cơ trình độ của chúng sanh mà nói pháp để lại cho đời sau.

185. TÔI ĐẾN VỚI ĐẠO PHẬT?

Thật tình mà nói, gia đình tôi là gia đình Phật giáo thuần thành. Tuy nhiên, thuở nhỏ vì lý do trường Nam Tĩnh Ly bị nước ngập, nên ông tôi đã gửi tôi vào trường Thánh Minh để học những năm đầu của bậc Tiểu học. Trong trường, hằng ngày ngoài học chữ ra, tôi còn phải học giáo lý Thiên Chúa. Đáng lý ra tôi phải thiên về Thiên Chúa chứ, nhưng không biết tại sao hề mỗi lần nhìn các nhà sư ôm bình bát đi khất thực ngang nhà là tôi

thấy có cảm tình. Họ đi từng bước, từng bước, rất chậm rãi và rất khoan thai. Tôi thích hễ mỗi lần các vị đi ngang thì bà tôi bảo tôi mang thực vật ra cúng dường các Ngài. Thích nhất là đứng đếm từng bước chân các Ngài đi, mà tưởng chừng như mình cũng được như mấy Ngài vậy. Chứ thuở ấy tôi nào biết thanh tịnh là gì, chỉ thấy từng bước đi của mấy Ngài có cái gì là lạ ấy. Có cái gì ấy làm cho lòng tôi cũng cảm thấy nhẹ nhàng, thơ thới. Giờ thì tôi mới khám phá ra là mỗi bước đi của mấy Ngài là mỗi bước thanh tịnh. Giờ thì tôi mới thấy mỗi bước đi của các Ngài là sen nở chẳng những cho các Ngài mà cho lẫn tôi nữa.

Tôi đã thích đạo Phật từ đạo ấy. Sau đó, từ những suy nghĩ cón con ấy, tôi đã xin ông tôi cho tôi được về trường Tỉnh Ly học, nhưng không nói lý do vì lúc ấy tôi nghĩ nếu nói ra lý do như vậy thì thật là bâng quơ. Ông tôi cũng chiều theo ý tôi, nhưng thấy tôi mỗi ngày phải xắn quần để lội vào trường là ông tôi đau xót cần nhằn, trường Thánh Minh cao ráo, sạch sẽ không chịu học, mà lại đi lội bùn mỗi ngày cho cực cái thân. Tôi vẫn mỉm cười. Tuy không nói ra, nhưng thật sự tôi đã là một Phật tử từ đạo ấy.

Thế rồi dòng đời đưa đẩy, và cũng vì thời cuộc, tôi không có cơ duyên gần với Phật pháp. Tôi còn nhớ cái ngày mà tôi từ già mái trường để vắn thân vào cuộc chiến chinh, thì Bà tôi đã ân cần trao cho tôi một bức hình Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, hình ép nhựa trong, rất cẩn thận. Tôi bỏ bức hình vào bóp và mãi chinh chiến, nên tôi quên mất bức hình đi. Mãi cho đến một hôm vào đầu năm 1972, tôi bị nạn, tôi sức nhớ lời Ngoại dặn, hễ có chuyện gì thì con nhớ khẩn nguyện Đức Quán Thế Âm nhe con. Lúc ấy tôi bị rớt tàu bay ở ngoài khơi đảo Hải Vân, đáng lý phải lội vào hướng Tây thì mới vào bờ được chớ, đàng này sau khi khẩn nguyện Ngài Quán Âm thì tôi nghe như có tiếng nói bên tai, con ơi con phải lội trở ra hướng Đông thì ta mới cứu được

con. Lúc đó tôi bán tín bán nghi. Vì không nghi làm sao được khi hướng Tây là vào đất liền, còn hướng Đông là trở ra đại dương. Sau bốn năm lần do dự, tiếng nói ấy hình như cứ chầm chầm mà đều đều bên tai tôi. Con hãy lộ ra hướng của ta thì ta mới cứu con được. Cuối cùng tôi quyết định lộ ra hướng Đông, thì sau hai tiếng đồng hồ, tôi bám được vào một mỏm đá, còn tất cả những người lộ vào hướng đất liền đều thiệt mạng vì cách bờ quá xa làm sao lộ cho nổi. Đáng lý sau cái lần ấy, tôi phải lập tức về quỳ trước Phật đài mà xin quy y Phật, nhưng vì hoàn cảnh, tôi như những chàng Cùng Tử bỏ nhà đi lặn lội với núi sông (chứ thật sự không phải vì danh lợi). Rồi trong quãng đời chinh chiến, tôi còn được Đức Quán Âm cứu độ đến năm bảy lần như vậy nữa, nhưng cũng không kéo được chàng Cùng Tử ấy trở về.

Mãi đến năm 1985, khi tôi đặt chân đến đất Mỹ với bao nhiêu thất vọng ê chề, chàng Cùng Tử mới lần tìm về nhà. Đức Từ Phụ và những người tiếp nối Ngài lúc nào cũng rộng vòng tay đón đưa con thất lạc trở về. Trong lúc cực kỳ đau khổ, thì tôi được Tam Bảo che chở, tôi được Hòa Thượng, mà bây giờ là Hòa Thượng Bốn Sư của tôi, khuyên lớn và an ủi tôi. Ngài đã khuyên tôi nên thọ giới và tu tại gia và chính Ngài đã dạy tôi một câu mà có lẽ từ bây giờ và cho đến mãi về sau này tôi sẽ nhớ mãi. Ngài nói rằng: “Con ơi hãy tu đi, cái khổ nó lúc nào cũng rình rập bên con. Con phải tu để diệt nó, chứ con không thể nào trốn chạy nó được đâu.” Thú thật, lúc đó trong đầu tôi vẫn còn nghĩ là cơn đau khổ nào rồi cũng qua đi, cho nên khi nghe Ngài nói vậy thì tôi cũng vâng vâng, dạ dạ cho xong. Rồi tôi lại lặn trôi nhập cuộc vào cuộc sống mới trên đất Mỹ và tưởng đâu mình đã yên thân. Nhưng bắt đầu từ năm 1990, những đau khổ liên tiếp xảy đến với tôi vì cả mẹ, nhạc phụ và cha tôi lần lượt qua đời. Trong cơn đau khổ tột cùng, tôi lại tìm đến Hòa Thượng Bốn Sư. Ngài nhìn tôi bằng ánh mắt của một đấng Từ Phụ, Ngài

bảo, con ơi, âu cũng là duyên. Thầy đã nhiều lần khuyên con nên hướng về Tam Bảo mà tu; tại gia cũng được, nhưng phần nghiệp hầy còn, nên tội nghiệp con phải khổ mãi. Nhưng lần này tôi đã đến với Ngài khác hơn những lần trước, tôi đã bẩm Ngài cho tôi được quy y và thọ giới. Dù chỉ tu tại gia, nhưng tôi cảm thấy nhẹ nhàng thanh thản, chẳng những cho tôi, cho gia đình tôi mà con cho những người quanh tôi nữa. Tôi đã nguyện với lòng, từ bây giờ và cho đến về sau này, chàng Cùng Tử của năm nào sẽ quay hẳn về nhà, biết ăn chay, biết giữ giới, và biết hướng về chính mình để tìm ra thanh tịnh. Chàng Cùng Tử này quyết phải hưởng cái gia tài mà Đức Từ Phụ đã để lại. Chẳng những một mình hưởng mà còn kêu bạn bè, thân thuộc, và chúng sanh xa gần cùng hưởng. Để có một ngày không xa nào đó tất cả chúng ta sẽ cùng đi trên con đường mà năm xưa Đức Từ Phụ đã đi.

186. TÌM HIỂU VỀ CÁC DANH XUNG TRONG PHẬT GIÁO

Phật giáo kể từ ngày Đức Phật Thích Ca khai sáng cho đến bây giờ đã trải qua không biết bao nhiêu là thăng trầm, nhưng Phật giáo vẫn vậy, vẫn không thay đổi. Có người đến với Phật giáo vì thật sự muốn tu để được giải thoát, mà cũng có người đến vì danh, vì lợi. Cái bệnh tham danh, tham lợi thật sự là cái bệnh truyền nhiễm tai hại vô cùng. Có người ban đầu muốn tu thật đấy, nhưng khi vào rồi thì lại bị nhiễm bệnh tham danh mà làm hư đi đại sự. Có người vẫn tự xưng là ‘thầy’ đấy, ngoài miệng thì rất ư là ‘thầy,’ nhưng trong lòng thì hời ợt con bệnh tham ái đã lan tràn đi khắp lục phủ ngũ tạng rồi.

Thật sự mà nói, từ nguyên thủy Phật giáo đã không có giai cấp, vì chủ đích của Đức Thế Tôn là xóa bỏ giai cấp cơ mà, thì không lý do gì Ngài lại chấp nhận cho tái tạo bất cứ giai cấp nào

trong đạo Phật. Tuy nhiên, để cho sự truyền giới và các nghi lễ được trang nghiêm, cũng như để gây một ấn tượng tốt trong lòng người được thọ giới, hàng Tăng sĩ được gọi theo thứ bậc, tùy theo đã tu lâu hay mới tu. Ta hãy thử tìm hiểu những danh xưng này trong Phật giáo.

Người mới bước chân vào con đường xuất gia thì gọi là chú Tiểu, hay chú Diệu. Trong tiếng Việt, ba miền Nam, Trung, Bắc đều có những từ ngữ riêng để dùng cho một danh xưng, chẳng hạn như người mới xuất gia dân miền Bắc gọi là chú Tiểu, dân miền Trung gọi là chú Diệu, còn dân miền Nam lại kêu là Ông Đạo. Nhưng chung qui cũng là người mới tu. Giới luật cho người mới tu là chỉ giữ năm giới như cư sĩ tại gia mà thôi. Đến khi thọ giới Sa Di thì họ phải giữ mười giới nhưng vẫn được gọi là chú Tiểu hay chú Diệu. Có nhiều nơi ở miền Bắc, người ta còn dùng danh xưng ‘Sư Bác’ để kêu những người mới xuất gia nhưng hơi có tuổi.

Đại Đức (Reverend), vốn xưa kia được dùng để xưng hô với những đại đệ tử của Phật. Chỉ cho sự tu hành đã được viên mãn. Như vậy danh từ Đại Đức dùng để chỉ người có đủ cả phước lẫn huệ, và xứng đáng nhận lãnh vai trò lãnh đạo tinh thần cho hàng Phật tử. Đã trải qua nhiều thế kỷ, danh từ Đại Đức vẫn luôn được dùng để gọi người đã tu lâu; tuy nhiên, ngày nay người ta quen dùng chữ Đại Đức để chỉ những vị đã thọ đủ 250 giới Tỳ Kheo và tuổi đời trên hai mươi.

Thượng Tọa, tiếng Pháp và Anh đều gọi là Venerable, dùng để tôn xưng các bậc tu hành có tác phong đạo đức đáng được mọi người kính phục. Thượng Tọa có khả năng giảng dạy cho tăng chúng và Phật tử, cũng như hướng dẫn thiền sinh trong những buổi thiền quán. Ngày xưa, người ta căn cứ vào số năm tu để xưng gọi. Hết mỗi năm từ tháng Ba đến tháng Bảy, tăng chúng cùng nhau kết tập tại một nơi để tu học, và sau mỗi khóa học là

được tăng lên một ‘hạ’. Khi được 9 hạ thì gọi là Hạ Tọa; được từ 10 đến 19 hạ thì gọi là Trung Tọa; và từ 20 đến 49 hạ thì được gọi là Thượng Tọa. Bây giờ thì cách xưng gọi có phần khác đi, một tăng sĩ khi thọ giới tỳ kheo và tuổi trên hai mươi, theo thầy hoặc tăng chúng an cư kiết hạ liên tục trong suốt 5 năm và tỏ ra biết rành mọi nghi thức hay trụ trì thì gọi là Đại Đức; còn những thành phần giáo phẩm có một trình độ Phật pháp vững vàng như Yết Ma, Giáo Thọ, hay Giảng Sư được Giáo Hội tấn phong phải trên hai mươi tuổi đạo và bốn mươi tuổi đời thì mới được gọi là Thượng Tọa. Thượng Tọa hiểu cho đúng nghĩa là người gương mẫu và thực hành giáo hạnh một cách nghiêm chỉnh.

Hòa Thượng (the Priest Venerable) vốn là một tục ngữ của Ấn Độ, có nghĩa là Ông Xã. Lúc truyền sang Trung Hoa thì được gọi là Hoa Xã, rồi từ từ người ta đọc trại thành Hòa Thượng. Hòa Thượng dịch là ‘Lực Sinh’, nghĩa là nhờ đời sống tâm linh thanh tịnh mà khiến cho đạo lực của những người theo học được phát sinh. Hòa Thượng còn có nghĩa là ‘thầy gần gũi’ nhất để mình học hỏi và nương tựa tinh thần. Hòa Thượng còn là người chứng minh tối cao trong hội đồng truyền giới tỳ kheo và Bồ Tát. Thường thường, Hòa Thượng phải là người thọ giới tỳ kheo trên năm mươi năm tuổi đời và ba mươi năm tuổi đạo mới được Giáo Hội tấn phong lên Hòa Thượng. Hòa Thượng là thành phần giáo phẩm cao cấp với đầy đủ đức hạnh. Tuy nhiên, cho dù tu lâu mà đạo hạnh và tác phong không được tinh chuyên thì cũng không xứng được tôn xưng Hòa Thượng.

Tóm lại, trong Phật giáo danh từ Đại Đức là một danh từ có nguồn gốc và ý nghĩa từ nguyên thủy. Danh từ này đã được các hàng Phật tử dùng để xưng gọi những vị đại đệ tử của Phật, là một danh từ chính thống, có ý nghĩa đầy đủ để xưng gọi các bậc tu hành với đầy đủ giới đức và đạo hạnh. Không biết tại sao mà theo dòng thời gian, ngày nay người ta chỉ dùng danh từ này cho

những người tu chưa được lâu năm cho lắm. Theo thiên ý, thì đây quả là điều đáng tiếc. Đáng tiếc vì mới ngày nào đây chính cái danh từ ấy đã được dùng để chỉ cho người mà đức hạnh đã viên mãn như những vị đại đệ tử của Đức Phật, thế mà giờ đây người ta lại dùng nó một cách không cân nhắc như vậy. Hy vọng một ngày không xa lắm, những người con Phật sẽ lại dùng cái danh từ này để chỉ chung cho tất cả những ai xuất gia mà đạo hạnh tinh chuyên và đức độ trang nghiêm, để mỗi lần gọi thầy nào là Đại Đức là ta nhớ ngay tới hình ảnh của Đức Phật và những vị đại đệ tử của Ngài. Từ đó ta có thể hình dung ra ngay vị thầy ngay trước mặt ta cũng có những đạo hạnh giống như Phật vậy.

187. NHỮNG YẾU LÝ CỦA ĐẠO PHẬT

Đạo Phật có những tín điều như bất cứ tôn giáo nào khác; tuy nhiên, cái khác trong đạo Phật là những Phật tử phải hành trì theo những tín điều này để được giải thoát, chứ không phải chỉ mù quáng tin theo mà được cứu rỗi đâu. Đây chính là cái khó nhứt và cũng là điểm quan trọng nhứt trong Phật giáo. Tại sao? Tại vì thói thường ta hay giải đãi, đã nói đi tu mà còn bắt phải hành trì nữa, thì quả thật là khó quá. Thôi thì ta đi tìm một tôn giáo khác, nơi mà mình tìm đến và bảo họ rằng mình tin họ thì được cứu rỗi ngay, như vậy có phải là dễ dàng và khỏi phải mất công hay không? Phật giáo thì lại cho rằng nếu chỉ tin như vậy là tin mù quáng, ai biết được có ai cứu rỗi ai. Từ xưa đến nay có ai đã từng đến bảo bạn rằng tôi đã được cứu rỗi? Thưa chưa từng có. Vậy thì ngay từ bây giờ, cho dù khó làm, nhưng thấy có lợi lạc cho mình, xin hãy đến trước đài vô thượng giác, lạy Phật tổ mà thệ nguyện rằng: “Lạy Ngài, con biết những điều mà Ngài

đã chỉ dạy, khó làm lắm, nhưng con thấy nó có lợi lạc cho chính con, cho những người thân của con và cả cho khắp giới chúng sanh. Nên con thệ nguyện sẽ hành trì cho đến khi rốt ráo mới thôi.”

Chúng ta hãy tìm hiểu những tín điều của đạo Phật là những tín điều gì? Một thi sĩ nổi tiếng của Trung Hoa vào thời nhà Đường, có lần tới thăm một nhà sư để hỏi về những yếu lý của đạo Phật. Nhà sư chỉ nói vắn vẹn yếu lý mà Đức Phật đã để lại là:

Hành thiện, không hành ác.

Thanh lọc tâm

Đấy là con đường của chư Phật.

Chàng thi sĩ nghe xong bèn cười hô hố mà rằng: “Tưởng đạo Phật là cái gì cao thâm lắm, chứ như vậy thì dễ quá. Tôi muốn hỏi ông những điều cao siêu cơ!” Nhà sư đã ôn tồn đáp lại: “Vâng, đúng vậy, bất cứ đứa trẻ nào cũng có thể hiểu yếu lý của đạo Phật. Duy chỉ có một điều là để thực hiện cho bằng được yếu lý của đạo Phật, thì ngay cả những người tóc trắng cũng chưa chắc đã làm nổi.” Cái câu trả lời của nhà sư đã khiến chàng thi sĩ kính bái. Tín điều của đạo Phật chỉ nằm gọn trong những điều mà nhà sư đã nói sao? Thưa đúng, chỉ nằm gọn trong cái bài kệ mà nhà sư đã lấy ra từ kinh Pháp Cú. Vậy những tín điều đó là những gì? Xin nhắc lại:

Hành thiện, không hành ác.

Thanh lọc Tâm

Đấy là con đường của chư Phật.

Mà thiện là làm sao? và ác là làm sao? Và làm thế nào để thanh lọc tâm đây? Kinh điển của Phật giáo thì quá nhiều, cho dù có nghiên cứu suốt đời, chúng ta cũng không thông hết đâu. Ta chỉ học những điều căn bản để mà hành trì.

Thứ nhất là tám con đường chánh mà bất cứ Phật tử nào cũng nên đi. Ấy là thấy biết đúng như sự thật (chánh kiến); suy nghĩ ngay thật (chánh tư duy); không mang tâm niệm xấu ác để hại người, luôn nói lời chân thật, hòa nhã, không nói thêm, nói bớt (chánh ngữ); Hành động và việc làm đều chân chính (chánh nghiệp); luôn luôn chuyên cần trong mọi công việc (chánh tinh tấn); lúc nào cũng nên nghĩ đến điều hay lẽ thật (chánh niệm); không làm phương hại đến ai trong khi mưu cầu sinh kế cho mình (chánh mạng); lòng lúc nào cũng hướng tới những tư tưởng cao đẹp và có ích thiết thực cho đời sống (chánh định). Người nào sống trong chánh đạo thì thân tâm thường an lạc, gia đình hạnh phúc yên vui, và những người chung quanh hằng nể trọng.

Yếu lý thứ nhì trong đạo Phật là mười điều mà bất cứ người con Phật nào cũng không nên làm. Mười điều ấy là: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không ăn nói gian trá, không nói xấu hoặc vu oan cho ai, không dùng những lời lẽ thô tục hạ tiện mà nói với bất cứ ai, không phát biểu ý kiến theo sự kích động tà vạy của lý trí, Không động lòng tham muốn bất cứ thứ gì, không nóng giận và sân hận, không để tinh thần bị lung lạc bởi tà kiến.

Yếu lý thứ ba là mười điều mà bất cứ Phật tử nào cũng nên làm. Ấy là phải thương xót chúng sanh mọi loài, phải thực hiện lòng bố thí, phải giữ cho tâm luôn thanh tịnh, phải ăn nói chân thật, Phải thương yêu bạn bè và người quanh ta, phải ăn nói nhỏ nhẹ dịu dàng, phải nói lời thẳng thắn chứ không quanh co, phải thường biết đủ để không sanh lòng tham muốn, phải khiêm tốn trong mọi trường hợp, phải suy nghĩ cho đứng đắn và minh bạch.

Yếu lý thứ tư là phải hành trì lục độ: Bố thí rộng rãi từ tài vật, pháp thí cho đến vô úy thí. Bố thí để diệt đi cái ích kỷ bản sển trong ta. Trì giới là thực hiện các giới luật mà chư Phật đã giảng dạy. Nhẫn nhục trong mọi trường hợp; không bao giờ để

cho tâm mình bị xáo động vì ngoại cảnh chẳng hạn như vui, buồn, thương, giận...Tinh tấn, như đã nói trong tám con đường chánh, là cố gắng và nỗ lực liên tục không ngừng nghỉ trong việc hành trì đạo pháp. Thiền định là phương pháp thiết yếu để thanh lọc tâm mình. Và cuối cùng là Bát Nhã tức là được giác ngộ.

Một khi cố gắng hành trì những đạo hạnh trên thì người Phật tử mới có đủ khả năng tiến tới con đường diệt khổ để vào đạo như Đức Như Lai đã chỉ dạy. Trong những điều kể trên, tinh tấn và thiền định là quan trọng nhất. Là một Phật tử đúng nghĩa, chúng ta không bao giờ có thể trây lười trong bất cứ việc gì. Vì trây lười thì làm sao mà thiền định cho được.

Đức Phật đã chỉ bày cho ta nhiều cách tu. Ta có thể diệt khổ đau và phiền não bằng cách này hay cách khác, nhưng chung qui đều đi đến chỗ giải thoát rốt ráo. Bây giờ ta hãy đi vào con đường Tứ Diệu Đế mà đức Phật đã giảng dạy. Tứ Đế hay là Tứ Thánh Đế, là bốn pháp căn bản để làm trợ duyên cho việc tu tập và đạt thành chánh quả. Ta không và sẽ không bao giờ thấy được hình tướng của nó, bởi vì cái khổ đâu có ai hình dung ra được nó ngắn dài, lớn nhỏ ra sao (Khổ Đế). Cái khổ nó kết tập nhiều đời (Tập Đế). Ta phải tu tập những yếu lý mà đức Thế tôn đã giảng dạy để diệt cho được cái khổ (Diệt Đế). Cuối cùng khi đã đạt được chân lý thì con đường đạo thực sự sẽ mở rộng thênh thang, và chúng ta sẽ ung dung tự tại mà đi đến giải thoát (Đạo Đế).

Kế đến là quán thập nhị nhân duyên để thoát ra cái vòng lẩn quẩn của luân hồi. Mười hai nhân duyên là đầu mối của kiếp sống con người. Nó là hạt giống tạo ra thế giới của muôn loài. Con người từ khi thọ thai đến khi ra đời, rồi lớn lên, rồi già, rồi chết, là một trường tranh đấu không ngừng nghỉ. Do đâu mà có ta? Từ vô minh, con người thọ hình do bởi giọt máu kết tinh của cha và mẹ, để rồi lớn dần cho đến khi chào đời, rồi hội nhập vào

cái trường đấu tranh không ngừng nghỉ ấy. Đó là do một chuỗi xích liên hệ chặt chẽ với nhiều yếu tố khác nhau hợp lại. Từ Vô minh dẫn đến Hành; từ Hành dẫn đến Thức; từ Thức dẫn đến Danh sắc; từ Danh sắc dẫn đến Lục nhập; từ Lục nhập dẫn đến Xúc; từ Xúc dẫn đến Thọ; từ Thọ dẫn đến Ái; từ Ái dẫn đến Thủ; rồi từ Thủ dẫn đến Hữu; từ Hữu dẫn đến Sanh, lão, bệnh, và Tử. Thấy như vậy, ta biết rằng từ chỗ không sáng suốt nó đưa đến tất cả những thứ khác. Vậy thì người tu theo Phật là biết rõ ràng rằng muốn không sanh, lão, bệnh, tử thì phải diệt cho được cái vô minh. Vì chính những cái nhân duyên này dẫn dắt con người tiếp tục lăn trôi bởi nghiệp lực. Vô minh theo Phật giáo là cội rễ của mọi điều ác, chính vì vậy mà Đức Từ Phụ đã dạy ta nên diệt hoàn toàn bức màn ấy để hào quang của chư Phật lóe sáng rực rỡ bằng phép tu thanh tịnh bởi những yếu lý mà đức Từ Phụ đã giảng dạy. Một khi ta đạt được thanh tịnh, thì chẳng những vô minh cũng không còn, mà sân si, tự ngã cũng đều vắng bóng.

188. NGƯỜI PHẬT TỬ VIỆT NAM VÀ QUAN NIỆM VỀ CHỮ THIÊN

Dân Việt Nam là một dân tộc hiền hòa và chơn chất. Hiền hòa và chơn chất từ cái suy nghĩ cho đến hành động. Chính vì vậy mà Phật giáo rất dễ thâm nhập vào lòng dân Việt. Ở Việt Nam, đi đâu ta cũng nghe từ ông già, bà cả, đến những trẻ chăn trâu nghêu ngao những câu ca dao rất dễ thương như:

Ai ơi ăn ở cho lành,

Kiếp này không được, để dành kiếp sau.

Ôi cái chữ lành, chữ thiện ấy nó đã ăn sâu vào trong lòng con dân Việt từ ngàn đời, chứ không phải là mới có từ khi Phật

giáo được du nhập vào Việt Nam. Qua hai câu trên, ta thấy người Việt Nam chẳng những ăn ở hiền lành mà còn biết nhẫn nhục nữa. Nếu kiếp này ăn ở hiền lành mà chưa được hưởng thì khoan vội oán trách chi ai, mà hãy nhẫn nhục chờ ở kiếp lai sanh. Ôi nó dễ thương làm sao cái tình tự Việt Nam.

Đến khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam thì cái ăn lành ở hiền ấy càng được ca tụng và khuyến khích. Phật giáo đã khẳng định là hễ có ngày hôm nay, ắt có ngày mai và ngày hôm qua. Có hôm nay mà không có hôm qua thì làm gì có lẽ ấy. Phật giáo đã giải thích rõ ràng cho người Việt Nam là đúng có kiếp này, kiếp trước và kiếp sau. Nghiệp của con người sẽ không bao giờ tan biến đi đâu cả, mà nó sẽ đi theo ta đến khi nào ta giải thoát mới thôi. Phật giáo còn dạy cho dân gian Việt Nam rõ ràng hơn về hai chữ Thiện, Ác. Theo đạo Phật, muốn định giá trị cho chữ Thiện phải có đầy đủ những yếu tố sau:

Phải đúng sự thật.

Phải đúng chơn lý.

Phải lợi ích cho cả mình lẫn người.

Chẳng hạn như không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm... là những điều thiện trong đạo Phật. Như vậy ta thấy rằng cái câu 'Ăn ở cho lành' theo Phật giáo còn có nghĩa là phải hành trì tam quy, ngũ giới, thập thiện vì chỉ có những điều này mới hội đủ điều kiện theo cái nghĩa Thiện của đạo Phật mà thôi.

Là người Phật tử Việt Nam, chúng ta thừa hưởng những hai gia tài về cái Thiện: Thứ nhất là cái Thiện hiểu theo nghĩa đơn sơ mộc mạc của ta, và thứ nhì là cái Thiện đúng theo cái nghĩa của nhà Phật; thế mà không chịu phát huy và hành trì để đi đến giải thoát thì quả là uổng vô cùng.

189. CÁI 'DỤC' NÓ LÀM KHỔ TA NHƯ THẾ NÀO?

Cổ nhân có câu: “Đa dục vi khổ, thiếu dục vô vi tự tại,” nghĩa là muốn nhiều thì khổ nhiều; không ham muốn thì vô vi tự tại. Cái dục ở đây phải hiểu là năm món dục: Sắc, thanh, hương, vị, và xúc. Người đa dục về sắc thì hao mòn sức lực; người tham danh tham lợi thì phải chạy ngược chạy xuôi để làm lưng, để tranh giành danh lợi; người ham thích ăn ngon, thì lúc nào cũng phải lo âu toan tính để sắm cho được những bữa ăn ngon, mà quên mất ở trên đời này còn nhiều thứ đáng làm hơn là cái háo ăn. Thậm chí nhiều khi còn sát hại chúng sanh để thỏa mãn cái háo ăn của mình.

Phật tử ơi, cái dục và cái tham nó là những cái túi không có đáy. Hễ ta càng được nhiều thì ta càng muốn nhiều và muốn mãi, không bao giờ ta kềm hãm nó được đâu. Cái tham dục nó giống như người đang khát nước mà uống nước muối vào vậy, càng uống càng khát, càng uống càng muốn uống nữa. Người nghèo thì chỉ mơ ước có đủ ăn đủ mặc; thế mà khi đã đủ ăn đủ mặc rồi, ta đâu có chịu dừng lại, mà ta muốn có ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn. Người có tâm tham dục thì sẽ chẳng bao giờ biết đủ, biết dừng cả!

Là Phật tử chân chánh nên biết rằng tham dục có thể đưa ta đến những tình cầu xa xôi, nhưng nó không và sẽ không bao giờ mang lại cho ta sự thanh tịnh và an lạc. Vậy thì ngay từ bây giờ ta phải biết quay về với Phật pháp, lo tu học, nhờ đó mà được bớt khổ. Người biết tu, đối với vật chất bao nhiêu cũng thấy đủ. Có ít thì tiêu ít, có nhiều thì lại chia sớt cho những kẻ cơ hàn đói rách. Người biết tu, thấy rõ ngay cả thân này cũng tạm bợ, hưởng hồ gì là vật chất. Thấy như vậy để đừng đua đòi, thấy như vậy để đừng có toan tính điều bất chánh mà mang thêm ác nghiệp.

Hãy suy gẫm câu thơ của thi sĩ Nguyễn Công Trứ thì ta sẽ thấy tâm mình lắng lại để không còn ham muốn buông lung nữa:

Tri túc, tiện túc, đãi túc, hà thời túc.

Tri nhàn, tiện nhàn, đãi nhàn, hà thời nhàn.

Hễ biết đủ, thấy đủ, là đủ; chứ đợi cho đủ thì biết chừng nào mới đủ (vì cái lòng tham của ta nó đâu có đáy). Người biết đủ là có bao nhiêu xài bấy nhiêu, chứ không đôn đáo tìm cầu cho vương thêm nghiệp. Chỉ vì tham dục mà khổ cực lao lung, xin hãy bớt tham dục đi cho lòng thanh thản. Người hết tham dục thì được an nhiên tự tại, chẳng những trong hiện tại, mà còn mãi mãi về sau này nữa; chẳng những cho chính mình, mà còn cho những người chung quanh nữa.

190. LƯỜI BIẾNG TRUY LẠC LÀ BẠN CỦA KHỔ ĐAU

Tại sao lại nói lười biếng giải đãi là bạn của khổ đau? Tại vì một khi đã trây lười thì đâu có chịu học, chịu tu để mà giải thoát. Trây lười ở đây là trây lười tu học theo Phật, chứ không hiểu theo nghĩa hạn hẹp là lười biếng. Vì thế, có khi một người cả ngày này qua năm nọ chỉ biết lo kiếm tiền; làm quên ăn quên ngủ. Phàm phu nhìn thì nói người ấy chí thú làm ăn. Nhưng theo đạo Phật thì nói người ấy chẳng đang làm gì hết. Tại vì có cái gì là của người ấy đâu? Không có cái gì cả. Chẳng những không có cái gì, mà đôi khi trong lúc làm ăn toan tính đã mang thêm ác nghiệp nữa là khác.

Phật tử ơi, nên luôn nhớ rằng tất cả tiền tài, danh vọng ta đều bỏ lại sau khi ta bỏ đi cái thân tứ đại này, chỉ có thiện nghiệp và ác nghiệp sẽ cùng đi theo ta qua bên kia nắm mồ và kiếp luân hồi. Muốn tránh cái cảnh trở lên lộn xuống với đầy dẫy những khổ đau này, ta phải tinh tấn tu theo Phật. Điều thiện

chưa sanh phải siêng năng làm cho nó khởi sanh; điều thiện đã sanh phải cố gắng phát huy cho nó tăng trưởng. Điều ác chưa sanh phải tìm cách ngăn chặn không cho nó sanh; điều ác đã sanh phải diệt trừ không cho nó phát triển. Ấy là đúng nghĩa Tinh Tấn của nhà Phật.

Tóm lại giải đãi hay tinh tấn đều hoàn toàn tùy thuộc nơi mình. Nếu trây lười thì trầm luân, còn tinh tấn thì phá trừ dứt đoạn phiền não, là giải thoát. Chúng ta ai cũng đều biết, biết rất rõ ràng. Chỉ có điều là ta quyết đi theo con đường nào, thế thôi.

191. ĐẠO PHẬT BI QUAN HAY LẠC QUAN?

Đạo Phật quan niệm cuộc đời này đau khổ, bởi thế cho nên có nhiều người hiểu lầm cho rằng đạo Phật là để dành riêng cho những ai chán đời. Hiểu như vậy thì quả là nông cạn. Phật giáo không phải là một giáo lý bi quan, mà cũng không hoàn toàn lạc quan. Phật giáo chỉ nói lên những điều thực tiễn. Nếu đạo Phật chỉ nói rằng đời là bể khổ, muốn tránh khổ là phải đi tu. Ấy là Phật giáo bi quan. Đàng này Phật giáo nói rõ đời là bể khổ, tại sao khổ? Phật giáo còn chỉ cho chúng ta biết cách làm sao diệt khổ để được an vui thanh tịnh. Vậy thì Phật giáo lạc quan lắm chứ! Đức Phật đã nhận chân ra cái khổ và nguồn gốc của nó. Chính Ngài cũng đã tìm ra cách làm sao để diệt cho hết khổ. Với các nhà sư tu theo đạo Phật, tại sao lúc nào trên môi họ cũng có sẵn một nụ cười; chẳng những cho chính họ, mà còn cho mọi người? Tại vì:

Họ không than van sâu muộn cho quá khứ,
Họ không nóng nảy khao khát những gì chưa đến,
Mà họ chỉ tập trung vào hiện tại
Do đó mà họ được tự tại.

Mà các nhà sư là những đại diện cho những người con Phật gương mẫu. Chỉ cần nhìn họ là ta biết đạo Phật bi quan hay lạc quan, chứ đừng đi tìm một đáp số nào khác cho xa vời.

192. TẠI SAO NGƯỜI TU THEO PHẬT GIÁO PHẢI DƯỠNG TÁNH? MÀ DƯỠNG TÁNH NÀO?

Dưỡng tánh ở đây là dưỡng tánh gì? Dưỡng tánh Phật, vì Tánh Phật không một chút cợn cáu, tánh Phật hoàn toàn trong sạch. Tánh Phật không hạn hẹp, mà rộng rãi thênh thang như bầu trời bao la không một vẩn mây. Tánh Phật không đứt đoạn mà liên tục và trường tồn. Tánh Phật không nhược, không yếu... Đây là cái tánh mà ta cần phải dưỡng, phải nuôi cho nó ngày càng lớn thêm. Còn cái tánh phàm phu của ta thì sao? Cái tánh ấy nó chứa đầy bợn sển, tham lam; nó chứa đầy sân hận, thù hiềm; nó chứa đầy những si mê tội lỗi. Cái tánh tới đâu nầy thì nói một đàng, tới đâu kia thì lại nói một nẻo; nói cho người ganh ghét thù địch. Cái tánh ngã mạn cống cao; coi trời không bằng vun. Cái tánh chỉ có ta là trung tâm vũ trụ; mục hạ vô nhân. Cái tánh chỉ thấy lỗi người chứ chẳng bao giờ thấy lỗi mình... Cái tánh như vậy đó ta cần phải diệt trừ nó càng sớm càng tốt. Diệt trừ bằng cách nào?

Thứ nhất là nuôi dưỡng lòng Từ Bi. Bất cứ tôn giáo nào cũng nói đến tình thương, nhưng thương như thế nào? Cái chữ tình thương hiểu theo phàm phu thì cũng có tốt đấy, nhưng có nhiều khi nó rất là hẹp hòi và ích kỷ. Chữ Thương trong đạo Phật không có phạm vi giới hạn, mà nó bao la, vô tận. Nó lan khắp từ cá nhân, đến gia đình, xã hội, quốc gia và chủng loại. Cái đặc biệt của đạo Phật là tình thương không phân biệt thân sơ, bạn

thù. Nó lan như nước, hễ chỗ nào thấp thì nước chảy tới. Như vậy ta thấy cái tình thương trong đạo Phật nó thật là bình đẳng bao la.

Người Phật tử nên luôn nhớ rằng tánh từ bi nó luôn sẵn có trong ta, chứ không phải cầu xin lạy lục ai cho ta, hoặc mua chuộc ai ban cho ta. Không ai có thể làm được chuyện đó đâu. Hạt giống từ bi luôn có sẵn trong ta, nhưng không may, nó đã bị tham, sân, si, ích kỷ, ngã mạn, cống cao che lấp đi. Ta chỉ cần học hỏi cách thức làm sao để trưởng dưỡng nó là được. Ta chỉ cần phanh phui, gỡ lẩn những chướng ngại ấy là tự nhiên từ bi nổi lên. Trưởng dưỡng lòng từ bi là phải trưởng dưỡng bất cứ ở đâu, trong bất kỳ trường hợp nào, chứ không phải việc lớn thì làm mà việc nhỏ thì bỏ.

Thứ nhì là trưởng dưỡng trí tuệ. Trí tuệ là cái tánh sáng suốt bao trùm khắp cả mà không bị ngăn che hay trở ngại. Cũng như trên, vô minh là nguyên nhân của sự ngăn che không cho trí tuệ lóe sáng. Trí tuệ trong đạo Phật nó không cạn cợt như cái trí tuệ của phàm phu, mà nó rải khắp. Cái biết của thế gian là cái biết còn nhiều sai lầm do bởi cái nhìn nhị biên thiên lệch của phàm phu. Có những cái biết thế gian chỉ nhằm phục vụ cho những dục vọng, ích kỷ, và thỏa mãn bản ngã hẹp hòi. Nhiều khi chính cái biết này nó còn nguy hiểm hơn là không biết. Tại vì chính những hiểu biết ích kỷ này đã đưa con người vào không biết bao nhiêu là cuộc chiến ghê rợn và dã man. Đức Phật đã dạy rằng cái thông minh phàm phu này có nhiều khi là một cái nạn cho con người. Cũng có thứ hiểu và biết làm điều thiện vậy; tuy nhiên, thứ hiểu biết này, dầu không có hại cho người, cũng chỉ là cái hiểu biết hẹp hòi của thế gian. Ngược lại trí tuệ trong đạo Phật, dù là hữu lậu hay vô lậu, cũng làm cho ta thanh tịnh hơn. Tóm lại, sống trong đời mà không có trí tuệ thì chẳng khác chi như là người đi trong đêm tối vậy, hoặc giả như chèo thuyền giữa biển cả mênh mông mà không có la bàn để định hướng vậy;

không thấy đâu là bờ bến mà đến. Trí tuệ của thế gian thì chỉ là những ngọn đèn bão leo lét trong đêm tối, có sáng hơn chút đỉnh, nhưng không thể vững bền được. Con người, dù có văn minh đến đâu, cũng không làm sao mà diệt trừ được đau khổ. Chỉ có trí tuệ Phật mới có đủ công năng diệu dụng đưa con người ra khỏi khu rừng Vô Minh mà thôi.

Là người Phật tử luôn nhớ rằng trong ta có sẵn mầm trí tuệ của Phật. Tuy nhiên, cái mầm ấy đã bị vô minh che lấp. Muốn xé tan bức màn vô minh ấy thì ta phải tu theo những pháp mà Phật đã dạy. Mặc dù pháp của Phật là nhiều vô số kể, nhưng điều trước tiên là ta phải biết lắng nghe và thấy (văn), rồi suy nghĩ cho thật đúng (tư), để từ đó rút ra những kinh nghiệm sống ở đời. Cố gắng đừng để cho dục vọng nó lấn lướt lý trí của ta. Đừng để cho sự bồn sển ích kỷ nó chen vào cái nghe, cái thấy và cái sinh hoạt hằng ngày của ta. Khi đã nghe, thấy và suy nghĩ thật cân nhắc rồi thì phải suy nghiệm (tu). Thí dụ ta thích chạy theo đua đòi, thì ta phải xem coi những cái xa hoa đua đòi này sẽ đưa ta đến đâu. Nó có tạo cho ta một cuộc sống thanh bình và an lạc hay không? Thử xem xa hoa đua đòi có bắt ta còng lưng ra làm để được những thứ xa hoa ấy hay không? Nếu có, xin hãy xét lại xem có nên xa hoa phung phí hay không? Người biết suy nghiệm như vậy là người biết tu và người ấy chắc chắn sẽ có một cuộc sống an lạc và thanh tịnh.

193. TA HỌC ĐƯỢC GÌ Ở NGÀI QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT?

Mỗi người trong số Phật tử chúng ta đã đọc đi tụng lại không biết bao nhiêu lần cái bài Bát Nhã Tâm Kinh. Nhưng chúng ta đã học được những gì ở Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát?

Trước nhất ta hãy tìm hiểu thêm về Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát. Theo Đức Phật thì Ngài Quán Tự Tại là người đã thực hành sâu về trí huệ Bát Nhã và thấy được rằng ngũ uẩn đều là không thì liền được qua khỏi mọi khổ nạn. Tức là Ngài dùng trí huệ mà quán sát rằng cái thân năm uẩn này nó không có thật. Nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành, và thức đều là giả. Tại sao? Vì nếu ta cho rằng cái thân này (sắc) là có thật thì ta sẽ chỉ mãi mê lo bồi đắp cho nó mà thôi. Có thể vì lo bồi đắp cho nó mà ta tạo thêm những ác nghiệp. Ngài Quán Tự Tại dùng cái trí huệ Bát Nhã mà thấy rằng thân này là giả hợp. Chúng chỉ là đất, nước, lửa, gió do duyên hợp lại mà thôi. Chúng ta cũng tập thấy như Ngài để mà chấm dứt cái lăng xăng suốt ngày chỉ vì lo cho nó. Thấy như vậy để thay vì lo cho nó, ta biết tu cho nhẹ bớt nghiệp đi.

Cái thân đã không phải là thiệt của mình, còn cái Thọ có phải là của mình hay không? Thọ là gì? Thọ là sự nhận chịu. Thọ chỉ có được sau khi mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thí dụ như tai nghe, mắt thấy... Tuy nhiên, những thứ này, trước khi ta nghe nó có không? Trước khi ta thấy nó có không? Chắc chắn là không. Tỉ như mình đi hoặc điếc thì mình có nghe không? chắc chắn là không. Chỉ khi nào tiếng nói chạm vào màng nhĩ mình thì mình mới sanh phiền não. Thế cho nên, nếu có tiếng chửi mà không có màng nhĩ để thọ thì không có chuyện gì xảy ra cả. Ngài Quán tự Tại thấy cái Thọ cũng là giả. Chúng ta cũng tập thấy như Ngài Quán Tự Tại để không bị cái mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nó sai khiến ta suốt hết ngày này đến ngày khác.

Cái Thọ đã là giả rồi, giờ ta thử xem cái Tướng nó có thiệt không? Tưởng là Tâm Tưởng. Nhiều khi mình chợt nhớ một địa danh nổi tiếng nào đó, tuy mình chưa từng đặt chân đến bao giờ, nhưng cũng cố hình dung ra sự đẹp đẽ của nó. Quả thật là cái tâm tưởng của ta nó quá quắt mà, chưa từng biết mà cũng dám

tưởng tượng cho ra được. Thấy như vậy đó mà Ngài Quán Tự Tại quán cái Tưởng là không có thật. Ta hãy học và bắt chước nơi Ngài để cho tâm ta được thanh tịnh hơn.

Hành uẩn có thật không? Hành là cái suy nghĩ của ta. Mỗi ngày ta có bao nhiêu cái suy nghĩ? Theo sự nghiên cứu của các nhà bác học thì mỗi ngày có ít nhất phải là sáu mươi chín ngàn (69.000) niệm. Ô hô! Nếu nói là cả cái 69.000 niệm là của ta hết thì chỗ đâu mà ta chứa cho hết? Chính vì vậy mà Ngài Quán Tự Tại thấy hành là không phải thật của ta, mà chúng là giả tạm, chúng mượn tạm này để đến rồi đi. Nếu chúng ta mà chấp chặt lấy chúng là chúng ta chỉ mang thêm khổ vào thân mà thôi. Hãy học theo Ngài Quán Tự Tại để thấy rằng Hành là liên tục sanh diệt, cho nên nó không có thiệt.

Bốn cái Sắc, Thọ, Tưởng và Hành đều là giả hết rồi. Bây giờ ta hãy thử xem coi cái Thức nó có thiệt hay không? Thức là gì? Thức là sự phân biệt giữa cái này với cái kia. Lấy cái gì để phân biệt? mắt phải thấy, tai phải nghe, mũi phải ngửi...Đó là cái phân biệt của lục căn. Như trên đã nói thân này đã là giả tạm, thì sáu căn làm sao mà thiệt cho được. Mà dùng cái không thiệt để phân biệt thì làm sao mà có cái thực cho được. Như vậy thì thức cũng phải chịu chung cái số phận giả tạm như những thứ kia thôi.

Tóm lại, Ngài Quán Tự Tại đã dùng trí huệ Bát Nhã để thấy rằng cả năm uẩn đều là giả tạm, không có thiệt. chính vì vậy mà Ngài liền dứt trừ được hết thảy mọi đau khổ. Khi mọi đau khổ đã dứt lìa, không tự tại chứ là gì? Xin hãy tập được như Ngài Quán Tự Tại để không còn phải chịu khổ; chẳng những ở đời này, mà là đời đời kiếp kiếp sau này.

194. MƯỜI ĐẠI NGUYỆN TRONG BÀI SÁM PHỔ HIỀN

Các Ngài Bồ Tát đã lấy từ bi làm lòng, nên chúng sanh khổ là các Ngài khổ, chúng sanh vui là các Ngài vui, tất cả công hạnh tu tập chính là vì chúng sanh mà tu tập. Thế nên Bồ Tát có bao nhiêu công đức đều đem hồi hướng cả cho pháp giới chúng sanh, mong cho muôn loài chóng thoát khỏi sanh tử, và đồng sớm được thành Phật. Chính vì vậy mà Ngài Phổ Hiền đã có mười điều nguyện:

1. Nhứt giả Lễ Kính Chư Phật.
2. Nhị giả Xưng Tán Như Lai.
3. Tam giả Cúng Dường chư Phật.
4. Tứ giả Sám Hối Nghiệp Chương và Tội Lỗi.
5. Ngũ giả Tùy Hỷ Công Đức.
6. Lục giả Thỉnh Cầu Chư Phật thuyết pháp độ sanh.
7. Thất giả Thỉnh Phật Trụ Thế (ở lại đời).
8. Bát giả Thuận theo Phật pháp (học theo Phật).
9. Cửu giả Hằng Thuận (làm lợi) Chúng Sanh.
10. Thập giả Hồi Hướng Công Đức.

Chúng sanh cứ mãi lưu lã trong vòng sinh tử luân hồi do bởi chạy theo trần lao mà quên đi cái giác tánh sẵn có của mình. Trần lao là thứ vô thường, cho nên một khi đã theo nó thì cũng phải lưu chuyển như nó thôi. Nếu chúng sanh biết hồi đầu thức tỉnh, rời trần lao mà xoay về giác tánh thì thời thoát khỏi luân hồi. Vì giác tánh là bản thể chơn như thường trụ. Bởi thế, Bài sám Phổ Hiền này có ý khuyên chúng sanh đem thân mạng về nương với Phật, Pháp, Tăng. Lợi ngược dòng trần lao mà về với giác tánh. Một khi đã về nương với Tam Bảo mới nhận chân ra được những điều hay lẽ thiệt của các Đức Như Lai, rồi từ đó mới phát lòng khen ngợi. Khen ngợi ở đây không có nghĩa khen ngợi tầm

thường của thế tục, mà là tán thán chân lý. Cúng dường mà Ngài Phổ Hiền phát nguyện ở đây không chỉ riêng cho các đức Phật, mà là cúng dường ngay cho Đức Phật ở trong ta, đức Phật mà ta mới tìm thấy và quay về. Điều nguyện thứ tư là quan trọng lắm. Do bởi thấy rõ điều hay lẽ thiệt của các đức Phật, mới vỡ lẽ ra là ở nơi ta từ vô thủy đến nay kết cấu vô biên nghiệp hoặc. Muốn thành tựu công đức, trước hết phải trừ sạch nghiệp chướng mà ta đã tạo ra trong quá khứ và nguyện rằng kể từ nay và mãi mãi về sau con sẽ không bao giờ tái phạm. Sám hối tội chướng chẳng những cho việc ác tiêu trừ, mà còn phải nguyện không tái phạm thì mới được gọi là sám hối. Vui theo việc thiện của người khác là ở nơi công đức của người mà mình có quan niệm tán thán kính mộ, và nguyện sẽ bắt chước theo người mà làm những việc thiện lành. Chính bởi lẽ đã thấy những lợi lạc của việc tu học ấy mà luôn tâm nguyện, cầu thỉnh Phật thuyết pháp. Ở đâu có thuyết pháp đều phát tâm đi nghe để vừa được lợi lạc mà cũng vừa bớt chạy theo trần lao. Hơn nữa, một khi mình biết được điều hay lẽ thiệt là phát tâm chia sẻ cho mọi người đều được biết để cùng nhau tu học. Nghe quý thầy nói những điều hay lẽ thiệt bèn phát tâm nói lại cho người khác nghe, hoặc viết lại cho người khác đọc để cùng nhau chia sẻ sự lợi lạc. Hồi hướng công đức lành đến mọi loài chúng sanh đều được lợi lạc an vui ấy là bốn nguyện của chư Bồ Tát. Lòng của Bồ Tát lúc nào cũng tha thiết đến sự lợi lạc của mình và của người. Chẳng những người xuất gia nguyện tu theo hạnh của Ngài Phổ Hiền, mà Phật tử tại gia cũng nên phát tâm tu theo hạnh nguyện của Ngài, hầu biến cõi Ta Bà này ra cõi Trang Nghiêm thanh tịnh.

195. TỨ HOÀNG THỆ NGUYỆN

Người Phật tử, xuất gia cũng như tại gia, đều mang trong lòng bốn lời nguyện lớn. Bốn lời nguyện này không chỉ là những lời nguyện suông, mà còn là những yếu lý của đạo Phật đã giúp cho rất nhiều người đắc đạo. Đó là bốn lời phát nguyện rộng lớn để cầu cho tất cả chúng sanh đạt đến đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Chúng sanh ở đây vừa chỉ cho chúng sanh muôn loài, mà còn là những chúng sanh ở ngay trong ta. Thử nghĩ xem trong ta có bao nhiêu chúng sanh? Biết bao nhiêu mà kể cho xiết, thân sau nối tiếp thân trước; niệm sau nối tiếp niệm trước... Cứ liên tục, không ngừng nghỉ. Cho dù là có vô biên chúng sanh, con vẫn xin thệ nguyện độ cho tận.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Chính những phiền não này đã tạo ra nước mắt chúng sanh. Mà Đức Từ Phụ đã từng dạy rằng nước mắt chúng sanh còn nhiều hơn nước đại dương nữa. Thế mới biết phiền não nhiều đến dường nào. Cho dù phiền não có vô tận, con cũng xin thệ nguyện nương theo những gì Đức Từ Phụ đã chỉ dạy Để mà đoạn cho hết.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Cho dù pháp của Phật có nhiều đến như thế nào, có sâu rộng và mênh mông như biển cả, con cũng xin thệ nguyện học. Vì không học thì không đạt tình thấu lý và từ đó không phát trí huệ.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Người Phật tử quyết tâm một khi tu là đắc quả vô thượng bồ đề, và giác ngộ giải thoát. Nếu không nguyện được như vậy thì thà là khoan hản tu.

Ngoài cái lợi lạc về việc tu học cho chính mình, người Phật tử, một khi phát nguyện những lời trên, còn hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh. Mong cho nhất thiết chúng sanh đều được hạnh phúc, an vui.

Chúng sanh độ khắp xa gần,

Não phiền dữ sạch lòng trần nhẹ lâng.

Pháp mầu số lượng khó phân,

Đạo Phật vô thương thậm thâm nguyện thành

Thật tình mà nói, trong kinh Phật, từng chữ, từng câu đều có một ý nghĩa rất là thâm sâu. Phật tử nên tìm hiểu nghĩa lý của từng bài kinh trước khi tụng đọc. Có như vậy thì chuyện tụng đọc chẳng những có lợi lạc, mà còn lý thú nữa.

196. NHƠN QUẢ TRONG ĐẠO PHẬT

Từ vũ trụ cho đến Thái Dương hệ của chúng ta, không có cái gì xảy ra một cách ngẫu nhiên, mà tất cả đều có định luật. Đó là định luật thiên nhiên, âm thầm, lặng lẽ, nhưng vô cùng đứng đắn. Cũng như không có một sự vật gì tự nhiên mà có. Lại càng không có một bàn tay nào, dù là thiêng liêng cách mấy, mạnh mẽ cách mấy, lại có khả năng tạo dựng ra. Tất cả sự vật đều cần có đủ điều kiện mới sinh được. Theo đạo Phật, điều kiện ấy là nhân sanh quả. Muốn có bánh mì thì phải trồng lúa mì; phải có người nông dân, nhà máy xay lúa, người thợ bánh mì, người bán bánh mì... Ngoài ra còn vô số điều kiện phụ khác nữa. Nếu thiếu một trong những điều kiện ấy, sẽ không có bánh mì. Nếu nói như vậy thì có người sẽ thắc mắc do đâu mà có hạt lúa mì? Cũng giống như có người đã từng hỏi do đâu mà có cái trứng gà? Xin thưa nếu ai đó đã biết qua về nhơn sinh quan của Phật giáo thì sẽ không có cái thắc mắc ấy đâu. Câu trả lời sẽ là đơn giản thôi. Theo Phật giáo nhơn sinh quan, thì cái gì trên cõi đời này cũng đều cấu tạo bởi bốn thứ lớn là đất, nước, lửa, và gió. Thiếu một trong những thứ này là sẽ không có một sự thành hình nào cả. Ngoài những thứ này ra không còn thứ nào khác hơn trong vũ trụ này; tuy nhiên, chúng ta không nên hiểu một cách

cạn cọt về bốn chữ đất, nước, lửa, và gió này. Mà phải hiểu một cách rộng rãi. Đất bao gồm những chất hữu và vô cơ. Nước bao gồm toàn bộ những chất lỏng. Lửa ở đây nói chung về nhiệt độ, nóng, lạnh, ẩm... Nói đến gió ta phải hiểu là không khí và sự khác biệt về áp suất của không khí. Hiểu như vậy thì ta mới thấy được cái Tứ Đại mà Đức Phật đã nói có một hàm nghĩa rất là sâu rộng. Thấy như vậy ta mới hiểu tại vì sao mà có hạt lúa mì, hoặc tại vì sao mà có cái trứng gà. Xin nhắc lại, bắt đầu từ hư không, nhờ vào Tứ Đại, nghĩa là nhờ vào những chất hữu và vô cơ, rồi thì, nước, độ ẩm, và không khí cũng như áp suất của nó mà tạo ra những mầm sống, rồi sau đó những mầm sống này mới nảy sinh ra thực vật hoặc động vật.

Ai dám nói có thần linh nào đó làm được bánh mì? Nếu quả thật mà có như vậy thì cái thế giới này đâu có thể gọi là thế giới Ta Bà được, mà phải gọi là thế giới của thần linh hay là một cái tên gì khác ấy. Theo Phật giáo, tất cả những điều kiện tạo ra bánh mì được gọi là nhân và bánh mì chính là cái quả. Không cần phải lấy những thí dụ cao xa. Hãy nhìn một học sinh muốn đậu vào Đại học; học sinh này phải trì chí, siêng năng, học nhiều môn như Toán, Vật Lý, Sinh Ngữ, Khoa Học... Từ cái nhân là sự trì chí, siêng năng, đến những môn học... mới có cái quả là thi đậu vào đại học.

Nếu mà xét cho tường tận từng vấn đề một, thì thôi biết là bao nhiêu cái nhân mới tạo thành cái quả. Như cái quả là ổ bánh mì để trên bàn mà ta vừa nói trên đây. Ngoài những nhân chính ra, nó còn lệ thuộc vào vô số những yếu tố khác như nắng, mưa, gió, bão, chuyên chở... Cái đó trong đạo Phật gọi là trùng trùng duyên khởi. Đó là nói về vật chất, chứ nếu nói về con người thì hơn quả còn phức tạp hơn nhiều. Nếu bàn rộng về hơn quả thì không biết đến chừng nào mới xong. Ở đây chỉ nói đại cương.

Bây giờ ta hãy định nghĩa sơ qua về nhân quả. Nhân là nguyên nhân, còn Quả là kết quả. Nhân là cái mầm, còn quả là cái hạt, cái trái do mầm phát sinh ra. Nhân quả là hai trạng thái nối tiếp nhau. Nếu không có nhân là không có quả. Nhân thế nào thì quả thế ấy. Trồng dưa thì được dưa, mà trồng đậu thì được đậu. Người học chữ thì biết chữ; mà người học sửa xe thì biết sửa xe. Tóm lại nhân bao giờ cũng đồng loại với quả, hoặc quả bao giờ cũng đồng loại với nhân. Cái câu tóm tắt này bao trùm tất cả những gì mà chúng ta sẽ nói sau này về luật nhân quả của đạo Phật. Một nhân không bao giờ sanh ra quả mà phải do sự trợ giúp của nhiều nhân duyên khác nữa. Chẳng hạn như đem hạt lúa mà gieo trên đá thì hạt lúa sẽ không nảy mầm. Muốn cho nó nảy mầm, thì ta phải gieo nó ở một chỗ đất, có đầy đủ nước, không khí và ánh sáng, cũng như phải có người biết cách gieo mạ...

Trong nhân có quả, trong quả có nhân. Trong trái xoài có hạt xoài, cũng như trong hạt xoài có mầm của trái xoài vậy. Trái xoài đối với quá khứ thì nó là quả, chứ đối với tương lai thì nó lại là nhân. Sự phát triển của nhân mau hay chậm còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố bên ngoài. Nhân quả là luật áp dụng chung cho mọi loài từ vật vô tri giác, đến thực vật, động vật và con người. Thí dụ như gió thổi nước thành sóng; nước quá lạnh sẽ đông lại thành băng; hạt cam, hạt bưởi sanh cây cam, cây bưởi, rồi trái cam trái bưởi. Chim sanh trứng là nhân; trứng nở thành chim con, ấy là quả.

Nói về con người, có hai loại nhân quả:

Thứ nhất là nhân quả vật chất: Cha mẹ và hoàn cảnh là nhân, sanh con ra là quả.

Thứ nhì là nhân quả tinh thần: Những tư tưởng hành vi trong quá khứ là nhân sẽ tạo ra quả là tánh tình, tư tưởng và hành động của hiện tại. Đức Phật đã dạy rằng: “Cứ nhìn những

gì ta đang làm thì sẽ biết trong tương lai ta sẽ đi về đâu.” Theo luật nhơn quả thì hễ tham là phải chịu cái quả tù đầy khổ sở. Sân si thì phải chịu cái quả là trí huệ u-ám. Hễ kiêu mạn thì phải chịu cái quả là cô độc lẻ loi, vì đâu có ai dám đến gần. Hễ si mê cờ bạc thì cái quả phải là tán gia bại sản. Ngược lại nếu ta không tham lam bòn sẻn thì tâm trí thanh thới; không nóng giận thì gia đình êm ấm, chồng vợ thuận hòa; không kiêu mạn thì bằng hữu thương yêu; không bạc bẽo thì cửa nhà êm ấm.

Tóm lại luật nhơn quả trong đạo Phật là cái gì vô cùng khoa học, không mê tín dị đoan, không có bất cứ thần quyền nào có thể can dự vào luật này. Luật nhơn quả cho chúng ta thấy một cách thực tiễn thực trạng của sự vật. Nó rõ ràng như ban ngày; hễ gieo cam thì được cam; gieo bưởi thì được bưởi, thế thôi. Do chính bởi lòng tin ở luật nhơn quả này mà người Phật tử luôn tin tưởng rằng mình chính là những người thợ tự xây dựng cuộc đời của mình. Xây khéo thì mình hưởng, xây vụng thì mình phải chịu. Luật nhơn quả là một yếu lý khác của Phật giáo giúp cho Phật tử không ỷ lại vào bất cứ ai. Một khi đã biết mình là quan trọng thì chỉ còn việc hãy tự cố gắng mà sửa mình. Là Phật tử, làm việc gì cũng phải luôn nhớ rằng:

“Thiện ác đáo đầu chung hữu báo,
Chỉ tranh lai tảo dữ lai trì.”

Nghĩa là phạm làm việc gì cũng nên nhớ đến cái quả của nó, quả ắt phải đến, sớm hoặc chậm thôi. Nhớ như vậy để ta cân nhắc từ lời ăn tiếng nói. Nếu tất cả Phật tử đều làm được như vậy thì chẳng bao lâu sau, tất cả những người con Phật sẽ gặp nhau trên đất Phật để cùng nhau chia xẻ gia tài của Phật là thanh tịnh và giải thoát.

197. NHỮNG CHÀNG CÙN TỬ

Chúng ta đang sống trong một xã hội văn minh vật chất. Nếu chúng ta quay cuồng trong đó, thì tâm ta làm sao mà tĩnh cho được. Còn nếu như chúng ta không lao đầu vào thì chúng ta sẽ bị xã hội đào thải. Chúng ta thật sự đang lang thang nơi xứ người, vật chất thì có đó; nhưng tinh thần thì thật sự là túng quẫn, nghèo nàn và khổ sở. Sống như vậy thì quả là cuộc sống ta không có nghĩa lý chút nào. Dăm ba lần muốn quay trở về ngôi nhà cũ, nhưng nhà ta thì giờ này sang trọng quá, còn ta thì nghèo hèn, cơ khổ quá. Chúng ta là ai? Xin thưa, chúng ta là những chàng Cùn Tử mà Đức Phật đã kể trong Phẩm Tín Giải (Kinh Pháp Hoa) đó các bạn ạ! Còn ngôi nhà cũ ấy là gì? Ngôi nhà cũ này có thể dùng để chỉ Phật pháp hoặc ngôi chùa mà ta đã một lần đến. Ấy cũng chính là ngôi nhà quý báu mà Đức Từ Phụ đã dựng lên hơn hai mươi lăm thế kỷ nay.

Chuyện kể có một gia đình hai cha con nọ đang sống êm đềm. Vì sinh kế, người con phải bỏ nhà ra đi. Trong suốt năm mươi năm trời xa cách cha, đã có rất nhiều lần người con muốn quay trở lại tìm cha. Nhưng về đến nơi thì anh ta bỗng giựt mình, vì thân mình giờ này là Cùn Tử, lang thang rách rưới, nghèo hèn, khổ não; mà nhà cha mình thì nguy nga, lộng lẫy quá. Cho nên, chàng Cùn Tử cứ thập thò năm lần bảy lượt mà chẳng dám bước vào. Cuối cùng chàng lại bỏ đi. Người cha, bây giờ là ông trưởng giả giàu có, nhà cửa sang trọng, biết con mình muốn quay về nhà, nhưng vì nhiều lý do mà nó cứ năm lần bảy lượt, bước ra bước vô mà không chịu về. Người cha phải khổ công cho người đi tìm kiếm, dụ dỗ cho chàng ta về làm thuê cho mình để cho cha con sớm hôm được cạnh kề. Dần dần nhờ sự khôn ngoan khéo léo của ông Trưởng giả mà chàng Cùn Tử đã biết rành hết mọi việc trong nhà. Một hôm, ông Trưởng giả mới họp tất cả người

làm trong nhà lại mà tuyên bố rằng: “Nó (chàng Cùn Tử) là con của tôi từ lâu đã thất lạc; hôm nay vì già yếu, không có người kế thừa, nên tôi giao hết cho nó tất cả gia nghiệp kể từ đây.” Chàng Cùn Tử như người trong mộng, tự nhiên được cả gia nghiệp của cha mình. Bây giờ chàng mới thực sự cai quản gia sản của cha mình.

Chúng ta thử suy gẫm xem mình có phải là cái anh chàng Cùn Tử trong kinh Pháp Hoa hay không? Thừa phải đấy các bạn ạ. Chúng ta cứ mãi mê đeo đuổi theo danh theo lợi, đeo đuổi theo những thứ giả tạm, những thứ mà chúng ta sẽ phải bỏ lại sau cái kiếp sống này. Chúng ta không chịu tu học để được những cái cao quý, những thiện nghiệp làm hành trang cho mai sau. Chúng ta cứ mãi mê quay cuồng trong những thú vui, cho đến lúc nào đó bị đau khổ quấn lấy, thì chúng ta lại quay về tìm Phật, đến khi cơn đau khổ tạm qua thì ta lại rong ruổi nữa. Và cứ như thế, hết lần nọ đến lần kia, như chàng Cùn Tử vậy. Ta quên mất đi rằng cái vui là tạm bợ, đến trong phút chốc rồi đi, chừa lại cho ta một chuỗi dài đau khổ. Ta quên mất đi là đau khổ nó có bao giờ rời ta đâu, đau khổ lúc nào cũng rình rập chờ có cơ hội là quấn lấy ta. Ta quên đi là ta không thể nào chạy trốn khổ đau đâu, mà ta phải tìm cho ra cái căn cơ cội nguồn của nó để diệt cho sạch nó. Chúng ta quên mất đi là ngay nơi mình có cái kho châu báu vô giá, mà cứ mãi rong ruổi đi tìm ở những đâu, cho đến khi thân tàn ma dại mới chịu quay trở lại, thì có khi không còn kịp nữa, vì kiếp người này ngắn ngủi như ánh điện chớp, thấy đó rồi mất đó.

Phật tử hay không Phật tử, tất cả chúng ta đều có Phật tánh, tất cả chúng ta đều có khả năng thành Phật. Có điều là chúng ta có cương quyết quay về với chính ta để tìm lại cho bằng được cái Phật tánh ấy hay không thôi. Xin hãy can đảm lên, gan dạ lên mà buông xả đi thế gian pháp để trở về sống với cái lý chơn thật

của mình. Căn nhà quý báu mà Đức Từ Phụ đã xây đắp tự năm nào luôn sẵn sàng chờ đón chúng ta. Mong rằng ai nấy đều quyết tâm không làm chàng Cùn Tử nữa, cùng nhau trở về họp mặt trong căn nhà của Phật để có một ngày nào đó tất cả chúng ta đều trọn thành Phật Đạo.

198. NGƯỜI PHẬT TỬ VÀ CÁI TÂM XẢ

Thế nào gọi là Tâm Xả? Tâm xả là tâm bình đẳng, không còn chấp trước. Đối với thuận cảnh không đem lòng ưa thích; đối với nghịch cảnh không đem lòng oán giận. Đối với người oán ta, ta không mang tâm trả thù; đối với kẻ thân ta, ta không nên sanh tâm yêu thích. Tâm xả là không còn phân biệt ta và người. Người có tâm xả biết quân bình giữa tình cảm và lý trí; không để ngoại cảnh chi phối, nghĩa là không bị cảnh chuyển.

Chúng ta có Tâm Xả hay không? Tất cả chúng ta, từ hồi nào đến giờ, vẫn thường có Phật tánh, vẫn thường có cái Tâm Xả ấy chứ. Tuy nhiên, vì bị vô minh che lấp nên thay vì có Tâm Xả, thì ta lại mang cái Vọng Tâm. Với cái vọng tâm này, ta thường hay bị cảnh chuyển, nghĩa là ta vẫn biết những gì xảy ra quanh ta nhưng thay vì xem chúng như nước chảy qua cầu, hoặc gió thoảng mây bay, thì ta lại chạy theo chúng. Khi thì thương; khi thì ghét; khi thì vui; khi thì buồn; khi thì đẹp; khi thì xấu. Thử nghĩ xem, mang cái vọng tâm này vào trong mình, thì ta đâu có chịu đứng yên. Thí dụ như nghe có tiếng nói, ta đâu có chịu dừng lại ở đó, mà ta phải tìm xem coi ai nói và nói những gì? Vân vân và vân vân. Thế rồi từ vướng mắc này ta phiêu lưu đến vướng mắc khác, và cứ thế suốt năm này qua năm khác, ta chôn chặt cuộc đời ta vào những cái không đâu. Nếu chúng ta cứ tiếp

tục sống như vậy thì quả tình tội nghiệp cho chúng ta quá. Chúng ta phải làm sao chứ không lẽ sống trong mê mờ hoài sao?

Muốn được như vậy, con đường duy nhất là chúng ta phải hành trì những gì mà Đức Thế Tôn đã chỉ dạy. Hành trì để chặt bỏ đi bức màn vô minh, để mà lần trở về với cái giác tánh chơn thật của ta. Vì như trên đã nói, trong chúng ta, ai cũng có cái giác tánh ấy cả. Hễ chịu hành trì là thế nào cũng được. Mà phải thực tâm cơ, chứ bề ngoài lớt lớt thì ô hô biết cho đến đời kiếp nào mới vén được cái màn vô minh từ vô thỉ ấy. Có nhiều khi chúng ta đi chùa đã lâu; lễ Phật đã nhiều; kinh đã tụng đủ thứ; đã tốn nhiều tiền của mà cúng dường chư tăng ni, nhưng thật ra chúng ta chưa bao giờ tu. Tại sao vậy? Tại vì đi chùa cho ai đó thấy là ta cũng đi chùa; lễ Phật cho người thấy là ta cũng sùng đạo như ai; tụng kinh để chứng tỏ là ta cũng ề a được dăm ba chữ; cúng dường Tam Bảo là phải cúng nhiều hơn người khác, chứ ít hơn là không được, vân vân và vân vân. Đã đưa tiền của rồi, giờ đến chuyện tu thì mấy thầy làm ơn tu giùm vậy. Đây là những lý do tại sao cho dù có người đã từng đi chùa ba bốn chục năm mà vẫn chưa tu được năm nào. Thậm chí có người còn tệ hơn vậy nữa; họ đến chùa, tung tiền dư của bỏ ra để khuynh đảo mấy thầy. Những hạng người như vậy chẳng những không được gọi là tu, mà họ chính là những người phá đạo. Đời đời họ sẽ không bao giờ thấy được giải thoát đâu, mà chỉ thấy cái địa ngục nắm chắc trong tay đấy bạn ạ.

Là Phật tử chân chính, muốn trở về với cái giác tánh và đạt được cái tâm xả, xin hãy quỳ trước đài vô thượng, chân thành mà khẩn nguyện rằng: “Kính bạch Đức Thế Tôn, con từ vô thỉ đã bị vô minh che mờ nên không thấy được con cũng có cái Phật tánh như Ngài. Giờ này con thực tình nhìn thẳng vào mắt Ngài, mỉm cười với Ngài, xin Ngài tha thứ và cũng tự tha thứ mình, mà nguyện rằng: Kể từ giờ phút này, con sẽ quyết tâm hành trì

những gì mà Ngài đã giảng dạy để thoát cho bằng được cái vô minh phiền trước, và con xin hẹn chắc với Ngài là một ngày không xa nào đó con sẽ gặp Ngài nơi đất Phật.” Như vậy mới xứng đáng là một người con Phật.

199. TỘI VÀ PHƯỚC VỚI NGƯỜI PHẬTỬ

Hễ nói đến Phật giáo là người ta thường hay nói đến Tội và Phước. Người Phật tử nào cũng đều có sự hiểu biết tối thiểu về tội và phước. Nếu không biết thế nào là tội, thế nào là phước tức là chưa tu. Tội và phước là những chuyện thiết thực, chứ không phải là mơ hồ. Thói thường, hễ ta đánh cắp một vật gì mà bị bắt quả tang thì ta phải chịu tù tội. Nên nhớ là phải bị bắt quả tang cơ thì mới bị tù tội. Ví bằng không bị bắt quả tang thì không hề hấn gì. Ấy là nói về chuyện của thế gian, chứ theo thuyết nhà Phật thì ăn trộm là có tội, chứ không phải đợi đến lúc bị bắt quả tang mới là có tội. Theo đạo Phật thì hành động làm cho người đau khổ là tội; hứa mà không làm là tội; nói lưỡi hai chiều để cho người thù ghét nhau là tội; chuyện có nói không, chuyện không nói có là tội; gây nên chuyện tà hạnh với người là tội; rượu chè be bét làm đau khổ người thân là tội; nói lời hung ác, dù với bất cứ ai, là tội; nổi nóng mắng chửi người là tội.

Ngược lại, phước là những hành động đem lại sự an vui cho người. Người làm phước thì cho dù ở bất cứ đâu cũng được người thương mến. Nhỡ khi lâm nạn thì ai cũng vui vẻ mà cứu giúp. Làm phước hữu lậu, thì cho dù còn trong vòng sanh tử luân hồi, nhưng thân tâm thường được an lạc. Chẳng hạn như cứu người gặp tai nạn thì lòng họ sẽ biết ơn vô kể; bố thí cho kẻ nghèo đói thì chẳng những người được bố thí sẽ mừng vô hạn, mà người bố thí cũng mừng không kém vì được cái cơ hội thực hành Bồ Tát

hạnh. Khi ta nói lời lẽ chân thật đem lại sự bình yên trong tâm hồn của người khác là ta đang thực hành hạnh vô úy thí cao cả. Khi thấy ở đâu có sự bất hòa là ta phát tâm giảng hòa; có như thế chẳng những người vui, mà ta cũng vui nữa. Lời nói đâu có mất tiền mua, xin hãy lựa lời mà nói cho vừa lòng người, lòng ta. Làm phước vô lậu là làm những việc phước mà buông xả, không vướng mắc. Mình làm như vậy và chỉ dạy, khuyên lớn người khác làm như vậy, ấy là tu phước vô lậu. Dù vô lậu hay hữu lậu vẫn hơn không làm. Nếu thấy chưa có đủ khả năng phát tâm làm phước vô lậu, thì phát tâm làm phước hữu lậu. Chớ đừng nghe ai đó khen chê, làm như thế này thì còn chấp quá; làm như thế này thì chỉ là phước hữu lậu thôi, phải làm như thế này này, mới là phước vô lậu. Xin thưa, hữu lậu hay vô lậu, mình biết mình đang làm gì là quá đủ rồi. Đừng bận tâm để ý đến chuyện thị phi. Thật tình mà nói, cái người nào đó có khả năng nói ta làm phước hữu lậu hay vô lậu, chứ nhiều khi chính họ chả có lậu nào.

Muốn thực hiện được những điều phước trên ta phải phát tâm hành trì những lời Phật dạy như lòng từ bi, nhẫn nhục; nhận biết chân thật; suy nghĩ và phân biệt đúng sai, chánh tà; nói năng chính xác, chứ không đụng đầu nói đó; đi, đứng, nằm, ngồi phải có ý tứ; mưu cầu sinh kế mà đừng làm phương hại đến ai; siêng năng hành trì những lời Phật dạy; không khởi tâm sát hại chúng sanh mọi loài; chỉ thấy đức tánh tốt của người, chớ không thấy điều xấu của họ; phát tâm chia xẻ niềm đau nỗi khổ của người; dù người muốn hãm hại ta, ta vẫn phát tâm thương xót; thấy ai thành đạt thì phát tâm vui theo; thấy ai nghèo khổ thì phát tâm cứu giúp; nói lời hiền hòa và êm dịu.

200. NGHIỆP BÁO VÀ NGƯỜI PHẬT TỬ

Theo quan niệm của đạo Phật, trên đời này không có cái gì xảy ra do sự ngẫu nhiên cả. Mọi chuyện vui và khổ của chúng ta trong hiện tại đều là kết quả của những gì mà ta đã làm trong quá khứ. Hễ quá khứ, có thể là tiền kiếp, ta đã làm lành thì giờ này ta được an vui; ví bằng trong quá khứ ta đã làm ác thì hiện tại ta phải chịu khổ. Một khi nghiệp quả đến thì ta phải lãnh thôi, chứ không một ai có thể lãnh thế cho ta. Không có một quyền lực siêu nhiên nào có thể làm được chuyện này cho ta. Đó cũng là một chơn lý chẳng những trong đạo Phật, mà còn là một chơn lý cho bất kỳ một môn khoa học nào. Mình làm mình chịu, thiệt là hợp lý và công bình.

Theo đúng như luật nhơn quả của nhà Phật; hễ ta gây nghiệp nhơn thì ta phải gặt lấy nghiệp quả thôi. Sự báo đáp sẽ vô cùng tương xứng. Hễ trong quá khứ ta tạo tác lành, thì trong hiện tại ta được sự báo đáp lành. Còn ngược lại, trong quá khứ ta tạo tác dữ, thì trong hiện tại ta nhận sự báo đáp dữ. Sự báo đáp không bắt buộc phải nhơn tiền, mà có khi nó đến chậm. Nghiệp báo chậm hay mau còn tùy thuộc rất nhiều yếu tố phụ thuộc. Thí dụ như ta làm rớt một hột cam trên một vùng đất cằn cỗi; hột cam sẽ không nảy mầm ngay, mà phải đợi đến mùa mưa, đất mềm đi, nó mới nảy mầm. Còn nếu ta làm rớt nó ở một nơi đất phì nhiêu, thì nó sẽ nảy mầm ngay. Sự báo ứng của nghiệp cũng tương tự như vậy. Nếu ta đã hiểu rõ ràng có nghiệp báo nhanh, có nghiệp báo chậm thì ta sẽ không bao giờ thắc mắc tại sao có kẻ làm ác vô cùng mà vẫn phây phây, còn người hiền lành thì gặp toàn là hoạn nạn không thôi. Nhiều khi kẻ ác đang nhận phước báo của nhiều đời trước; còn người hiền đang trả quả cũng cho nhiều đời trước đấy.

Từ đâu mà ta tạo tác ra nghiệp? Tất cả những tạo tác trên đời này đều phát sanh từ thân, khẩu và ý. Nếu ta làm lành, nói lành, nghĩ lành thì ta đang tạo ra nghiệp lành. Còn ngược lại, nếu ta làm dữ, nói dữ, nghĩ dữ là ta đang tạo ra nghiệp dữ. Nghiệp nó đeo đẳng theo ta như hình với bóng. Cái bóng của bây giờ là do cái hình của đời trước.

Làm sao để khỏi vướng ác nghiệp và tạo tác ra thiện nghiệp? Ác nghiệp là những tạo tác dữ, có hại cho người; còn thiện nghiệp là những tạo tác lành, có lợi cho người. Muốn đừng vướng ác nghiệp thì xin đừng sát sanh; đừng trộm cướp của ai; đừng tà dâm; đừng nói dối, nói lời thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác; đừng tham lam, giận hờn, si mê. Trái lại, để nuôi dưỡng thiện nghiệp, đối với chúng sanh mọi loài phải đem lòng thương xót; kính già yêu trẻ; không sanh tâm giận hờn ai, cho dù người có giận hờn ta; không thù hận ai dù người có thù hận ta; không gạt gắm ai dù ta có bị người gạt gắm; quyết không đem lòng tạo tác chuyện tà hạnh gì với ai, cho dù ai kia có cố tâm quyến rũ ta; không nói lưỡi hai chiều để hại ai, cho dù người có nói lưỡi hai chiều để hãm hại ta; luôn hòa nhã và vui vẻ cho dù người có đánh đá với ta; không nói lời hung ác với ai, cho dù người có nói lời hung ác với ta; mát của gì, đừng nên chửi rủa ai, mà hãy vui khi nghĩ rằng trên địa cầu này có một người nào đó được sung sướng vì nhận được của ấy; hãy nhẫn nhục trước mọi việc. Nên nhớ là nghiệp lành như những đám mạ non, khó dưỡng; còn ác nghiệp như những đám cỏ dại, một chút cỏ dại có thể mọc lấn lướt đám mạ non khó dưỡng kia. Muốn cho mạ lớn lên và trở thành những đám lúa tốt tươi thì ta phải siêng năng nhổ bỏ đi những đám cỏ dại. Không phải nhổ một ngày một bữa mà hết được đâu, mà phải nhổ hoài, nhổ từ ngày này qua ngày nọ, năm này qua năm nọ. Nhổ cho đến khi lúa đã gặt xong mới thôi.

Tóm lại, là người Phật tử chân chánh, một khi đã thấu rõ về nghiệp báo, xin hãy cố gắng hành trì những lời chỉ dạy của Phật để chỉ tạo tác thiện nghiệp nếu còn chấp nhận sanh tử luân hồi. Ví bằng ta không muốn luân hồi nữa thì cũng lắng nghe những điều chỉ dạy của Đức Từ Phụ mà tu cho dứt mầm sanh tử. Là Phật tử, luôn nhớ rằng tự ta quyết định và lựa chọn sanh tử hay thoát sanh tử, chứ không một ai có đủ thẩm quyền làm cái chuyện đó; không một ai có đủ thẩm quyền cho người này vui, bắt người kia khổ. Không một ai có thẩm quyền làm cái chuyện vô cùng bất công và tội lỗi ấy ngoài ta ra cả.

201. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA ĐẠO PHẬT VÀ CÁC TÔN GIÁO KHÁC

Có lẽ trên địa cầu này chỉ nở một bông sen và một bông sen duy nhất, đó là cái bông sen đạo Phật. Nói đến đạo Phật là nói đến một cái gì hết sức đặc biệt. Tôn giáo ư? Triết lý ư? Nói cách nào cũng được. Triết lý thì thật là đúng nghĩa hơn; tuy nhiên, hiện tại số tín đồ Phật giáo đã là số một trên hoàn vũ rồi (nếu kể cả số Phật tử ở Trung Hoa), cho nên nói rằng đạo Phật là một tôn giáo thì cũng là phải thôi. Phật ra đời vì một nhơn duyên lớn: “Khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến.”

Thật tình mà nói, đạo nào cũng tốt, đạo nào cũng đáng quý, đạo nào cũng đáng trọng, đạo nào cũng hướng con người đến chỗ thiện và khuyên con người tránh xa việc ác. Nhưng mục đích thiện tốt vẫn chưa đủ. Phải có cái gì khác hơn thiện, tốt nữa chứ. Nhiều tôn giáo thờ Thần Thánh cũng có khuyên con người hướng thiện, lại cũng vừa dùng lòng tin (mù quáng) như là một thứ thuốc phiện để ru ngủ lòng người. Hãy tin và vâng phục ta là ta sẽ cứu độ, ví bằng không nghe ta là các người sẽ xuống địa

ngục thôi. Rồi cái câu này được lập đi lập lại từ năm này qua năm khác, cho đến khi nó đã ăn sâu vào tim óc của mọi người. Hễ cha tin thì con tin, con tin thì cháu tin, cháu tin thì chắc tin... Cứ như thế mà thành ra đạo dòng, chứ người ta không còn buồn tìm hiểu xem tại sao ta lại phải tin như vậy. Tin như vậy có mù quáng không? Đạo Phật thì khác hẳn hoàn toàn. Đức Phật đã không tự xưng là Thần Thánh hoặc Thần Thánh nhập thể trong những hình thức khác nhau, hay được Thần Thánh mặc khải... Ngài nói rằng Ngài chỉ là một con người như bao nhiêu con người, chỉ khác có điều là Ngài đã hoàn toàn giác ngộ và giải thoát. Ngài muốn đem những yếu lý mà Ngài đã chứng được để giảng dạy cho mọi người, để họ cũng được giác ngộ như Ngài, thế thôi. Ngài tuyên bố tất cả những gì Ngài đã thực hiện đều hoàn toàn do nỗ lực và trí tuệ của mình, của con người, chứ không do thiên khải từ bất cứ một vị thần linh hay một quyền năng nào khác. Từ cái câu nói của Đức Phật: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành,” ta thấy rõ Ngài quan niệm mọi người đều mang trong mình một khả năng thành Phật nếu họ muốn và nỗ lực. Đức Phật quan niệm vị trí của con người là tối thượng. Con người là chủ nhân ông của chính mình, chứ không một thực thể hay quyền năng thiêng liêng nào trên cao có thể định đoạt số phận cho mình cả. Mình khát nước thì chính mình phải tìm nước mà uống, uống cho tới khi nào hết cơn khát, chứ không ai có thể uống giùm mình được. Mình làm lỗi thì chính mình phải nhận lãnh cái hậu quả của nó, chứ không ai có thể lãnh thế cho mình. Ngài đã dạy rằng các đức Như Lai chỉ có khả năng chỉ dạy và khuyên lơn chúng sanh đi vào con đường giải thoát. Nghe hay không nghe là chuyện của chúng sanh. Nếu chúng sanh nghe theo mà nỗ lực tiến tu thì sẽ thành Phật; nếu không nghe theo thì vẫn tiếp tục sanh tử luân hồi. Đức Phật chỉ thương xót mà không làm gì khác hơn được. Ngài khẳng định hễ

trồng đậu thì được đậu, chứ không có gì trồng đậu mà được khoai cả. Không có một thần linh hay quyền năng nào có thể thay đổi được nguyên tắc này.

Đức Phật không thừa nhận những gì được dựng là do một đấng Thần Linh hay Toàn Năng sinh ra. Theo Đức Phật thì tất cả những tạo dựng đó là do Nhân Duyên, tức là Nhân Quả và Duyên Nghiệp. Hễ cái này có thì cái kia có trong một quan hệ tương liên.

Đạo Phật khác với những tôn giáo thờ Thần Thánh ở chỗ không thừa nhận những tạo dựng là do ý của Thần Thánh, mà là do sự tiến hóa của vũ trụ và vạn vật. Theo Phật giáo thì chúng sanh mọi loài đều có khả năng tiến tu và thành Phật; tuy nhiên, sự cao thấp có khác. Chẳng hạn như ở những thực vật và động vật thì cái khả năng này kém hơn ở loài người. Trong khi các tôn giáo khác thì chỉ có con người mới được cứu độ mà thôi. Còn thì tất cả đều là phương tiện cho cuộc sống của con người.

Các tôn giáo khác thì cho rằng con người là tội lỗi, nên Thần Thánh sai con của Ngài, hoặc bà con thân thuộc của Ngài xuống để chịu tội thế con người. Nói như vậy, theo nhà Phật là không tưởng và vô lý. Không tưởng ở chỗ là đã từng có ai lấy gì để chứng minh được điều đó chưa? Còn vô lý ở chỗ thử hỏi trên đời này có đời nào ai chịu tội thế cho ai bao giờ. Anh ăn trộm thì anh phải đi tù, chứ biểu tôi đi tù cho anh à? Đối với những tôn giáo thờ Thần Thánh khác, thì có người đã tự nhận là con của Thần Thánh giáng trần để nhận chịu hết những tội lỗi của con người; thế mà cũng chính người ấy đã dạy trong kinh sách là: “Ai chơi gươm thì phải chết vì gươm, chứ không ai chịu chết thế cho ai.” Như vậy có mâu thuẫn và vô lý lắm không?

Trong khi Phật giáo không tin con người vốn có tội; tuy nhiên vì mê muội bởi vô minh cho nên bản chất Thiện Ác bị che lấp; lại thêm bị tham lam, sân hận, si mê và dục vọng sai khiến

nên con người đã bị lầm lạc, rồi tự mình gây nên đau khổ cho chính mình và người khác. Do đó, theo Đức Phật, muốn được giải thoát thì phải khởi đầu ngay từ bản thân, với nhận định rằng: “Mọi người sửa thì gia đình và xã hội sẽ thay đổi.”

Hướng đi của đạo Phật là Tự Cứu, chứ không tin cậy ở ai, dù là thần linh hay đấng toàn năng, để được cứu độ. Đạo Phật chỉ tin vào chân lý làm sự thật, tin vào những gì có thể chứng minh được qua thực nghiệm của cuộc đời, chứ không tin vào bất cứ cái gì giải thích qua thần quyền hay huyền hoặc. Đức Phật hoàn toàn không thừa nhận có một thượng đế toàn năng, và càng không tin vào khả năng cứu rỗi con người từ đấng đó. Phật giáo nhận thức rằng mọi giá trị tinh thần cũng như vật chất của con người là do chính Tâm con người làm ra chứ không do bất cứ thần quyền nào sắp đặt. Trái lại những tôn giáo thờ thần thánh thì tin tưởng hoàn toàn ở sự cứu độ của thần thánh. Tin và vâng phục thì được cứu độ; ví bằng không tin và không vâng phục là bị đọa địa ngục. Người thờ Thần Thánh mỗi khi gặp chuyện dữ thì cầu nguyện ơn trên cứu độ cho thoát khỏi sự dữ. Còn đạo Phật, con người phải bằng cố gắng của riêng mình, bằng nỗ lực tu tập của riêng mình để được giải thoát trọn vẹn. Người Phật tử tin rằng tha lực chỉ là trợ duyên, tức là giúp thêm cho tự lực, chứ không có tính cách quyết định. Cũng theo Phật giáo, tha lực nằm trong vũ trụ lực, do tâm thức của con người tạo nên, chứ không phải do một đấng thiêng liêng nào sanh ra cả. Chính vì vậy mà mỗi khi gặp khó khăn, người Phật tử phải tự mình đấu tranh để thoát khỏi những khổ đau về tâm lý trên phương diện vật chất cũng như tinh thần. Những tôn giáo thờ thần thánh khác đã coi con người là đồng nghĩa với tội lỗi mà chỉ duy có thần thánh hoặc con Ngài mới cứu được. Vì thế cho nên họ đã dùng một thứ thuốc phiện để ru ngủ tín đồ của họ: Rằng thì là ta, hoặc con ta, hoặc bà con ta sẽ giáng trần để chịu tội thế cho các người với

một điều kiện là các người phải tin ta. Ta là quyền năng Tối Thượng. Ai tin và vâng phục thì sẽ được cứu rỗi lên thiên đàng còn ai không vâng phục thì chuẩn bị hành trang đi về địa ngục. Phật giáo thì không như vậy, Đức Thích Ca Mâu Ni đã chỉ rõ cho con người vì đâu có khổ? Làm sao diệt khổ? Tuy nhiên, Ngài khẳng định là Ngài chỉ có khả năng chỉ dạy mà thôi. Ai tin, làm theo thì thoát khổ; ai không tin, không làm theo thì vẫn khổ, chứ Ngài không có một khả năng cứu rỗi nào cả. Ngay cả những người tin theo Phật, nhưng không chịu làm theo lời Phật dạy thì khổ vẫn còn khổ. Ngay từ đầu người Phật tử đã được dạy rằng phải tự mình cắt đứt cái rễ và vứt bỏ đi cái nhân gây nên đau khổ là tham, sân, si, và ái dục. Mình phải tự làm, chứ không ai khác có thể giúp mình được cả. Không phấn đấu mà đi cầu tha lực để được cứu rỗi là chuyện không tưởng trong đạo Phật.

Người Phật tử hiểu rằng Chơn Tâm là Phật tánh, tâm hồn là vọng thức do giác quan và ngoại cảnh tạo thành, thể xác là do vật chất đất, nước, lửa, gió mà có. Phật tánh sở dĩ không thể hiện được là vì sự mê mờ, tối tăm do vọng tưởng và ngoại cảnh che lấp. Nay muốn trở về với cái tâm hồn trong sáng, tức là chân tâm, thì phải thực hành phương pháp làm chủ tâm thân để khỏi bị vọng tâm chi phối. Nghĩa là nhứt nhứt đều không xa lìa thực tại, không bị ngoại cảnh lôi cuốn.

Đạo Phật là đạo thực nghiệm, có nghĩa là dùng ‘Sự’ để hiển bày cái ‘Ly’, hoặc dùng thực hành để chứng thực tâm lý. Chính Đức Thế Tôn đã khuyên các đệ tử của Ngài là chỉ nên hành mà không nên lý luận suông. Trong khi các tôn giáo thờ Thượng Đế thì không lý không sự gì cả, mà chỉ có niềm tin. Tin và vâng phục ta là ta cứu rỗi; không tin và không vâng phục ta là ta đọa các người xuống địa ngục ngay. Thật tình mà nói, như thế thì đâu có công bằng. Tự cái tuyên bố ấy nó đã nói lên cái gì bất công và không tự nhiên rồi.

Các tôn giáo thờ Thần Thánh hoặc Bà Con Thần Thánh thì tin rằng hễ ai vâng phục thì được các Ngài đưa về nước của các Ngài để tiếp tục làm con dân của các Ngài và tiếp tục bị các Ngài thống trị. Còn Phật giáo thì hoàn toàn khác hẳn; cứu cánh của Phật giáo là giải thoát. Ai tu hành nghiêm trang đàng hoàng đều có thể thành Phật giống như Ngài Thích Ca Mâu Ni Phật vậy. Mà một khi đã thành Phật thì Phật nào cũng giống Phật nào, chứ chưa bao giờ Đức Phật nói là có Phật anh, Phật em, Phật cha, Phật con, Phật vua, Phật dân. Đối với đạo Phật, về phương diện siêu hình, Niết Bàn là sự giải thoát rốt ráo khỏi mọi đau khổ và phiền não. Về phương diện tâm lý, Niết Bàn là phá tan tham, sân, si và ái dục. Như thế ta thấy rõ Phật pháp gắn liền với thế gian pháp để đạt được giác ngộ. Mục đích cuối cùng của người tu theo đạo Phật là Đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức là đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ta đi từ sự bỏ tham, sân, si; bỏ lòng ích kỷ để đi đến giải thoát. Trong đạo Phật, Giác Ngộ và Giải Thoát rất ư là quan trọng. Đạo Phật không có chuyện đi tặc, không có chuyện ai vớt ta lên. Mà ta phải thấy cho đúng là giác ngộ và đi cho đến nơi giải thoát. Đi chậm hay đi mau còn tùy nơi căn nghiệp của mỗi chúng sanh. Thật tình mà nói, người Phật tử mà trút bỏ được hết tham, sân, si, ái dục, lo âu, phiền muộn, và có một cuộc sống an nhiên tự tại thì đạo Phật gọi đó là giải thoát. Phật nói pháp không những với mục đích tối thượng là Niết Bàn, mà còn nhằm giúp con người đi vào đời mà vơi đi đau khổ; vào đời mà tìm thấy sự an vui và tự do tinh thần ngay trong môi trường sống và ngay trong kiếp này. Phật giáo chưa từng đặt ra một tín lý hay một ước lệ nào để bắt buộc tín đồ phải theo, mà Phật giáo quan niệm: ‘Tùy duyên giác ngộ.’

Trong khi các tôn giáo tin vào Thần Thánh thì bắt buộc tín đồ phải tin vào tha lực mà không được quyền nghi vấn, và phải

tự coi mình là tội lỗi. Không được quyền hỏi tại sao ta phải tin như vậy, cũng như không được quyền nghi vấn những điều Thần Thánh đã nói qua kinh sách. Còn Phật giáo đề cao sự hiểu biết của con người và khuyên mọi người nên tìm cho ra chân tướng của mình, tìm cho ra Bản Lai Diện Mục của mình; nghĩa là tìm cho ra cái Phật tánh, cái chân tâm. Mình phải tự tìm, chứ không phải cần thần thánh hoặc thượng đế nào xen vào. Đạo Phật quan niệm chính chúng ta phải nương theo những gì Phật dạy để đi sâu vào nội tâm, để thấy cho rõ rằng tất cả những đau khổ của con người là do tham, sân, si, ái dục và vô minh gây ra. Hiểu cho được rằng lăn lộn trong vòng vô minh, sân hận chính là bị đọa đày trong đau khổ. Người con Phật phải tu và hành theo cái tuệ giác của Phật mới mong thoát ra khỏi sanh tử luân hồi.

Chưa từng có một vị giáo chủ nào có một cuộc đời hoạt động tích cực, tinh tấn và kiên trì như Đức Phật. Từ một Thái Tử sống trong vương giả, Ngài đã từ bỏ những xa hoa ấy để trở thành đạo sĩ Cồ Đàm. Ngài đã chịu khó nỗ lực tu học với các đạo sư tiếng tăm, người đã tinh tấn tu khổ hạnh trong rừng sâu núi thẳm suốt nhiều năm, người đã xuất thế để sống một mình trong rừng núi hoang vu. Khi Ngài đắc đạo, Đức Phật đã liên tục dạy đạo tỉnh thức, từ bi, trí tuệ cho mọi người, trực tiếp và bình đẳng trong suốt 49 năm liền. Ngài không bắt buộc ai phải tin Ngài như Thượng Đế; tuy nhiên, Ngài đã khuyên các đệ tử phải kiên trì, tinh tấn để chứng ngộ. Trong khi các tôn giáo khác thì nói con người là tội lỗi và đau khổ. Chỉ nói suông, chứ không nói tại sao con người là tội lỗi, cũng không chỉ bày nguồn gốc do đâu mà có khổ đau và tội lỗi và làm sao mà diệt những tội lỗi để chấm dứt đau khổ. Đạo Phật thì không. Đức Phật đã chỉ rõ cho chúng sanh vì đâu mà có khổ và làm sao mà diệt cho dứt cái khổ.

Các tôn giáo tin vào Thần Thánh thì dạy cho tín đồ của họ phải tuyệt đối tin vào thượng đế thiêng liêng và nguyện cầu những đấng này giúp cho qua cơn đau khổ, hoặc cho được cứu rỗi lúc lâm chung. Đối với đạo Phật, Phật dạy cho Phật tử cái tích cực, hăng say và dũng mãnh. Người con Phật chân chính dám đi ngược với dòng đời, quyết chiến đấu vượt thắng mọi khó khăn trở ngại để chống lại đau khổ. Mục đích của người Phật tử là đè bẹp, phá hủy, nghiền nát tất cả những đau khổ và phiền muộn. Đức Thế Tôn đã nói rõ là chỉ có chính mình tin tưởng ở khả năng tự cứu của mình, chứ không cầu xin ở một thần linh hay thượng đế nào. Ngài đã dạy chúng đệ tử là trong cơn nguy biến, không nên cầu xin được bảo vệ. Hãy cần có đủ nghị lực, đủ quả cảm để vượt qua. Trong cơn đau khổ không nên khẩn vái hoặc trông chờ vào ai; chỉ cần có đủ tâm trí và can đảm để chế ngự nó. Không nên sống thụ động trong lo âu sợ sệt, hay chờ mong một tha lực nào đến cứu vãn. Phải luôn luôn kiên trì và phấn đấu liên tục cho đến kỳ cùng để tự giải thoát lấy ta. Nói như vậy không có nghĩa là người Phật tử không tin vào sự gia hộ của các đấng Như Lai. Người Phật tử tin chứ, nhưng tin không có nghĩa là lệ thuộc hoàn toàn. Người Phật tử không bao giờ tuyệt vọng và không bao giờ ngừng nghỉ đấu tranh; đấu tranh ở đây là đấu tranh với dục vọng, si mê, sân hận; đấu tranh ở đây là đấu tranh với những xấu xa, tội lỗi và đau khổ của cuộc đời. Thông điệp đầu tiên mà Đức Từ Phụ đã gửi đến những người con Phật là cố vượt thắng những ma quân ấy. Đạo Phật không chủ trương tách con người ra khỏi thế giới hiện thực, mà đạo Phật chủ trương tách rời con người ra khỏi những tham, sân, si, thù hận, và đau khổ. Đức Phật dạy người Phật tử nên dấn thân vào đời một cách tích cực, nhưng đừng để bị ô nhiễm bởi những xấu xa tội lỗi của cuộc đời. Hai đức tính cao quý trong đạo Phật mà người Phật tử nào cũng nên có. Ấy là: ‘Vô úy’, và ‘Vô nhiễm’, nghĩa là không

sợ hãi và không bị đắm chìm trong cuộc đời. Hãy nhìn cái gương rạn vỡ năm nào của Đức Từ Phụ. Hãy mạnh dạn tiến lên như sư tử và vượt lên tinh khiết như hoa sen, nhô lên từ trong bùn mà không vướng bợn nhơ của bùn. Một khi có đầy đủ những đức tánh ấy thì người Phật tử lúc nào cũng tinh tấn đi vào phụng sự xã hội. Người Phật tử đi vào đời nhập thế; người Phật tử đi vào đời hoằng pháp; đi vào đời độ sanh; đi vào đời cứu độ và phụng sự con người.

Đối với các tôn giáo khác thì thần thánh hoặc bà con thần thánh là tối thượng; không ai có quyền được đứng, hoặc được xếp ngang hàng với quý Ngài. Thần thánh hoặc bà con của thần thánh có quyền cứu độ hay không cứu độ người khác mà không một ai được quyền xen vào. Thật là có khác chi thời đại phong kiến và vua chúa. Vua là vua, còn dân là dân. Vua nắm hết quyền sanh sát trong tay; muốn giết ai thì giết; muốn tha ai thì tha; chứ không ai được quyền làm gì khác hơn. Đối với đạo Phật, thì khác hẳn hoàn toàn. Phật đã tuyên bố sự bình đẳng ngay từ khi lập quốc Phật: Ta là Phật đã thành; chúng sanh là Phật sẽ thành. Đức Phật dạy rằng đời là khổ; sinh, lão, bệnh, tử là khổ. Muốn thoát khổ, phải tu. Phật đã thành vì Phật đã dày công tu luyện; chúng sanh mà tu luyện như Phật thì chúng sanh cũng sẽ thành Phật thôi. Phật đã nói rõ ràng rằng ai cũng có Phật tánh, ngặt vì tâm ta động, lại hưởng ngoại nên ta không tìm được bản chất Phật của ta. Trăng vẫn chiếu sáng trên mặt hồ và bóng trăng vẫn phản chiếu dưới đáy hồ; nhưng ta không nhìn thấy vì mặt hồ gợn sóng đáy thôi. Khi nào mặt hồ không còn dợn sóng nữa thì tự nhiên ta sẽ nhìn thấy bóng trăng dưới đáy hồ. Trăng dưới đáy hồ là bản chất thực của con người, ấy là tâm Phật. Chỉ khi nào ta hoàn toàn tĩnh lặng thì ta mới tìm thấy nó.

Phật giáo tin vào Nhân Quả Luân Hồi. Con người của kiếp này là sự nối tiếp con người của kiếp trước. Bây giờ sướng hay

khổ là do chính mình tạo ra bởi những việc làm về trước, hay có khi bởi những việc làm ngay trong kiếp này. Như thế có nghĩa con người làm chủ hiện tại và tương lai của chính mình. Không ai ban cho mình hạnh phúc hay đau khổ; chỉ có mình mới làm cho mình sướng hay khổ mà thôi. Nếu mình phạm tội ác; ấy là tự mình mang thêm những ác nghiệp, mình sẽ phải trả hoặc ngay trong hiện tiền, hoặc ở kiếp sau. Không ai có khả năng lãnh tội thế cho mình, lại càng không ai có cái khả năng tha tội hay cứu rỗi cho mình. Hãy học theo những lời chỉ dạy của đức Từ Phụ: hãy nhìn cho rõ thực trạng của đau khổ và biết cho được nguyên nhân của nó để mà diệt nó.

Các tôn giáo thờ thần thánh hoặc bà con thần thánh thì bắt buộc tín đồ phải tin tưởng tuyệt đối vào kinh sách, không được quyền nghi vấn. Phải coi những lời thần thánh là chơn lý tối thượng. Chính vì vậy mà Galileo đã bị giam vào ngục thất cho đến chết chỉ vì dám nói trái đất tròn. Vì nói như vậy là trái những gì thượng đế nói. Trái lại, Đức Phật dạy chúng ta phải dùng lý trí để mà tin. Đừng vội tin vào kinh sách; đừng tin vào điều gì mà có nhiều người tin. Đối với tất cả mọi điều phải dùng lý trí mà phán xét. Sau khi phân tích nếu thấy điều ấy tốt cho mọi người; chừng ấy mới tin.

Các tôn giáo khác thì nói con người là tội lỗi nhưng không nói rõ tại sao con người tội lỗi; hoặc giả có nói chỉ là chuyện vu vơ không dính dấp gì đến cái gọi là tội lỗi cả. Thí dụ như chuyện một người Nam và một người Nữ nhìn nhau hoặc ăn ở với nhau một cách đường hoàng thì là tội gì? Còn Phật giáo cho rằng Tâm của con người là nguồn gốc của mọi hành động, tội lỗi hay không tội lỗi. Đây quả là một lập luận rõ ràng và hiển nhiên, không một lập luận nào khác hay một môn khoa học nào có thể bác bỏ được. Nhất thiết do tâm tạo; tất cả đều do tâm mà ra. Trong gia đình, một cái tâm ích kỷ sẽ đưa đến đổ vỡ. Ngoài xã

hội, một cái tâm bất chánh sẽ đưa đến trộm cướp và gây mất trật tự trị an. Tâm lắng động thì những cặn cẩu sẽ lắng đọng. Tâm loạn động thì những cặn cẩu sẽ mãi khuấy lên. Khi tâm yên tĩnh thì ta sẽ nhìn thấy sự vật một cách rõ ràng và chân thật.

Yếu lý mà Đức Phật đã khai sáng luôn luôn tuyệt vời, luôn luôn là chơn lý; tuy nhiên, đời là vô thường; có sanh thì có diệt; có thịnh thì có suy. Một triều đại cực thịnh rồi cũng phải tàn suy. Tôn giáo nào cũng phải đi theo cái chu kỳ này. Phật giáo cũng có thời Mạt Pháp; tuy nhiên, dù là thời nào, mạt pháp hay thịnh pháp, giáo pháp của Phật vẫn là những chân lý. Chỉ có điều là vào thời mạt pháp thì đồng bóng, dị đoan, mê tín sẽ len vào cửa Phật. Lúc ấy đạo Phật cũng sẽ bị coi như những tôn giáo thờ thượng đế hay thần linh. Người ta chỉ đến chùa lễ Phật cầu phước, cầu an, cầu cứu rỗi, chứ không nhớ lời Phật dạy năm xưa để thực hành hạnh từ bi và cùng muôn loài cùng chung sống và cùng nhau phát triển.

Không phải chỉ người Phật tử mới có những nhận xét như trên về đạo Phật mà ngay cả những nhà trí thức và các khoa học gia trên thế giới cũng đều đồng quan điểm như trên. Ta hãy thử tìm hiểu thêm về những nhận xét của một số nhà trí thức Tây Phương. Họ không phải là Phật tử, nhưng quan niệm của họ về đạo Phật quả còn hơn những Phật tử thuần thành.

Bertrand Russell, một nhà triết học và một nhà cải cách xã hội nổi tiếng của Anh Quốc đã nói trong quyển Tại Sao Tôi Không Theo Thiên Chúa Giáo: “Nếu nói đến trí tuệ và đức hạnh thì tôi không thể nào nghĩ rằng Chúa Christ ở một vị thế cao như mọi người biết đến qua lịch sử. Tôi nghĩ rằng tôi phải đặt Đức Phật trên Chúa về những phương diện đó.” Cũng theo Bertrand Russell: “Trong những tôn giáo vĩ đại của lịch sử, tôi thích Phật giáo, vì tôn giáo này có ít yếu tố ngược đãi nhất.”

Giám Mục Milman đã nói: “Tôi càng ngày càng cảm thấy Đức Thích Ca Mâu Ni gần gũi nhất trong đặc tính và thực nghiệm của Ngài, Ngài là Đường Lối, là Chân Lý, và là Lẽ Sống.”

Albert Einstein, một vật lý gia người Mỹ nổi tiếng về thuyết Tương Đối, đã viết về Đạo Phật như sau: “Phật giáo sẽ là một tôn giáo chung cho cả vũ trụ trong tương lai. Tôn giáo này đứng ngoài một Đấng Thiêng Liêng nào đó, các tín điều và lý thuyết. Tôn giáo đó bao trùm cả thiên nhiên và tinh thần phải căn cứ vào ý niệm đạo giáo phát sinh từ những kinh nghiệm của mọi vật, thiên nhiên và tinh thần như một sự thuần nhất đầy đủ ý nghĩa. Rõ ràng Phật giáo đáp ứng được điều đó.” Einstein cũng nói thêm: “Nếu có một tôn giáo nào phải đương đầu với nhu cầu khoa học hiện đại thì tôn giáo đó phải là Phật giáo.”

Karl Pearson, một nhà Toán học và khoa học gia nổi tiếng của Anh Quốc, đã mạnh dạn tuyên bố rằng không có thú vui nhục dục, con người có thể chịu đựng được; không tin tưởng vào bất tử, con người có thể chịu đựng được; không sùng bái một thần linh, con người vẫn chịu đựng được vì có Đức Phật và những câu trả lời của Ngài. Theo Đức Phật, cứu cánh có thể đạt được bởi kiến thức; một mình kiến thức là chìa khóa để tiến tới con đường cao đẹp hơn; kiến thức đem lại bình tĩnh và an lạc cho đời sống giúp cho con người không xao xuyến trước những cơn bão tố của thế giới đầy biến động này.

Albert Schweitzer, một nhà triết học Tây Phương đã nói: “Trên quả địa cầu này, Đức Phật đã đem ý nghĩa những chân lý giá trị trường cửu và thúc đẩy đạo đức tiến bộ không chỉ riêng cho Ấn Độ mà cho tất cả nhân loại. Đức Phật là một nhà đạo đức vĩ đại kỳ tài chưa từng thấy có trên hoàn vũ.”

Bandaranaike, cựu Thủ Tướng Sri Lanka đã nói: “Phật giáo sẽ còn mãi một khi mà mặt trời, mặt trăng và loài người còn hiện

hữu trên mặt đất; do đó, Phật giáo là tôn giáo của con người và của nhân loại.”

Gertrude Garatt, một nhà văn Tây Phương, đã nói: “Không bao giờ Phật giáo có thể bị suy yếu, vì Phật giáo bắt nguồn trên những nguyên tắc cố định chưa bao giờ bị sửa đổi.”

Anatole France, một triết gia nổi tiếng người Pháp cũng đã thấy một cái gì hay hay nơi Đức Phật: “Dường như người thanh niên bất diệt, hiền lành, ngồi khoanh chân trên hoa sen thanh tịnh với bàn tay phải dơ lên như khuyển nhủ, như trả lời: Nếu con muốn thoát khỏi sự đau khổ và sợ hãi, con hãy luyện tập trí tuệ và từ bi.”

Chính Huxley, một con chiên thuần thành Thiên Chúa giáo, một khoa học gia người Anh lỗi lạc đã phải chua xót mà công nhận rằng: “Phật giáo, một hệ thống không biết đến Thượng Đế theo lối Tây Phương; một hệ thống chối bỏ linh hồn của con người; một hệ thống coi đức tin bất tử là sai lầm; một hệ thống không nhận sự hữu hiệu nào của cầu nguyện và hy sinh; một hệ thống khuyên con người không trông cậy vào đâu cả, mà trông cậy vào những cố gắng của chính mình để cứu rỗi; một hệ thống mà thanh tịnh nguyên thủy của nó không biết gì về thế nguyện, phục tùng và chưa bao giờ tìm sự giúp đỡ của cánh tay thế tục. Đạo Phật đã và đang được mọi người biết đến một cách nhanh chóng trên thế giới mà không cần có một đoàn truyền giáo nào cả.”

Theo giáo sư Rhys Davis, một nhà nghiên cứu về Đông Phương Học của người Anh đã nói rằng lần đầu tiên trong lịch sử loài người, Đức Phật đã khẩn cầu và kêu gọi mọi người không nên làm hại một sanh mạng nào, không nên dâng lời cầu nguyện, lời ca tụng, hay hy sinh sanh mạng cho các thần linh. Đức Phật đã có lần tuyên bố hùng hồn rằng Thần linh, nói cho đúng, cũng cần đến sự cứu rỗi cho chính họ.

Theo giáo sư Charles Eliot, Viện Trưởng trường Đại Học Harvard, đã nói về Đức Phật như sau: “Đức Phật chẳng những không giận hờn với thế gian, mà Ngài còn tỏ lòng thương xót, ngay cả những người không nghe theo Ngài. Ngài nghĩ là thế gian không phải là độc ác, bất trị mà con người bị vô minh che lấp nên quên mất mình có cái bản tính Phật.”

Theo Herbert George Wells, một nhà triết học Anh : “Đức Phật là một nhân vật đơn giản và chân thành, một mình tự lực phấn đấu cho ánh sáng, một nhân vật sống chứ không phải là thần thoại. Tôi cảm thấy trong những chuyện thần kỳ, thì Đức Phật đã gửi một bức thông điệp tuyệt vời cho cả thế giới. Trong bức thông điệp Ngài đã nói rằng tất cả những đau khổ và bất mãn trong cuộc sống là do lòng ích kỷ mà ra. Một là tham vọng thỏa mãn cảm giác; hai là tham vọng muốn bất tử; và ba là tham vọng thành công trần tục. Tôi đồng ý với Đức Phật là con người trước khi có được sự thanh tịnh, người đó phải ngưng sống theo giác quan, hoặc sống riêng cho mình. Đức Phật đã sanh ra trên năm trăm năm trước Chúa Christ, đã dạy cho con người có lòng vị tha. Trong rất nhiều chiều hướng, Ngài gần gũi và đáp ứng được nhu cầu của chúng ta hơn. Đức Phật đã tỏ ra sáng suốt hơn Chúa Christ trong sự quan tâm phục vụ con người chúng ta và không mơ hồ về nhân sinh quan và vũ trụ quan như Chúa Christ.”

Sau khi đã thấy những nhận xét này, ta thấy những nhà trí thức tên tuổi trên địa cầu này đều công nhận tính cách thực tiễn của đạo Phật. Thế nhưng có những người tự xưng là giáo chủ của tôn giáo này hay tôn giáo khác, không hiểu biết tí gì về Phật giáo, hoặc có hiểu biết, nhưng vì thấy đà diệt vong của tôn giáo mình, nên đã không tiếc lời đã kích Phật giáo. Nói gì thì nói, sự thật vẫn là sự thật, khoa học vẫn là khoa học. Trái đất tròn là tròn, chứ không một ai có khả năng uốn cho nó thành vuông. Thì

đạo Phật cũng vậy, đạo Phật lúc nào cũng là đạo của sự thật. Cái gì của chơn lý, của sự thật là của Phật giáo. Không một cường quyền nào có thể bẻ gãy được. Chúng ta không có cái mơ ước là cả thế giới này đều theo đạo Phật; tuy nhiên, nếu điều này thực sự xảy ra, thì thật tình mà nói, thế giới này sẽ trở thành một cõi thanh tịnh, trong đó mọi người, mọi loài cùng chung vai phát triển. Ngày đó sẽ không bao giờ còn bóng dáng của chiến tranh và thù hận, mà thay vào đó bằng những nụ cười của tình thương yêu trù mẫn.

202. NGƯỜI PHẬT TỬ VÀ CÁI TÂM TỪ

Từ là cửa ngõ bước vào đạo Phật. Nói là Phật tử mà không có lòng từ quảng đại ban rải cho chúng sanh thì quả tình hãy còn đứng bên ngoài cổng Chùa. Từ là mền thương mà tạo ra niềm vui cho người. Từ là một trong bốn pháp bình đẳng trọng đại của đạo Phật. Đức Phật đã dạy: “Đối với chúng sanh mọi loài, ta phải hết lòng thương mến; ta phải lấy lòng bác ái mà chan hòa, ban vui, và giúp cho họ có được cái vui tại tâm, cái vui chân thật.” Nghĩa là chỉ vạch cho họ thấy rằng cái vui hiện tại chỉ là cái vui giả dối và nhứt thời. Cái vui còn bị phiền não chi phối; cái vui này lúc nào cũng bị dục vọng, tà kiến và si mê sai khiến.

Người có tâm từ không phải là tiếp tay tạo cho chúng sanh những niềm vui tạm bợ, mà phải hết lòng giúp cho chúng sanh thấy được bộ mặt thật của cuộc đời này là vô thường và đau khổ. Cái vui của phàm phu không là cái vui vĩnh hằng, mà chỉ là trong chốc lát; chỉ là cái vui sớm nở tối tàn. Khi tham, sân, si, ngã mạn được thỏa mãn thì vui, nhưng dục vọng là vô tận; có bao giờ dục vọng được thỏa mãn đâu? Người có Tâm Từ phải chỉ cho chúng sanh thấy cái vui của xuất thế gian là cái vui chân thật, vì nó bền

lâu; nó thoát ra ngoài vòng phiền não của tham, sân, si, ngã mạn cố chấp; nó không bị dục vọng chi phối. Cái vui này không ồn ào, sôi nổi, nhưng nó vĩnh hằng; nó nhẹ nhàng vì nó là cái vui siêu phàm.

Muốn có được cái vui này, trước hết ta phải đoạn trừ cho bằng được những khổ đau do phiền não gây ra. Mà muốn được như vậy, ta phải dứt tham, sân, si. Còn tham, sân, si, cho dù có vui thì cũng chỉ là cái vui giả tạm mà thôi. Người có Tâm Từ luôn luôn nhắc nhở và khuyên lơn chúng sanh đừng gây tội ác mà phải gắng công làm việc thiện, việc lành có lợi lạc cho xã hội và loài người.

Tóm lại lòng Từ trong đạo Phật được xây dựng trên sự hiền hòa vô tận, bình đẳng với chúng sanh mọi loài; không phân biệt dân tộc, tôn giáo, và giai cấp...Đối với người Phật tử, chúng sanh là ta mà ta là chúng sanh. Người được giải thoát như chính ta được giải thoát. Người Phật tử chân chánh luôn nhắc nhở, dìu dắt mọi người tránh xa những tội lỗi nguy hiểm. Và luôn nên nhớ rằng tạo cái vui chân thật ở đây không có nghĩa là tạo ra cảnh thiên đàng giả tạo, hay ban phép lạ, mà là làm cho chúng sanh thức tỉnh, dẫn dắt chúng sanh tránh dữ làm lành một cách tích cực và mạnh mẽ.

203. NGƯỜI PHẬT TỬ VÀ CÁI TÂM BI

Cũng như Tâm Từ, người Phật tử mà thiếu Tâm Bi thì thật tình hãy còn đứng bên lề của đạo Phật. Bi là lòng thương xót rộng lớn những nỗi đau khổ của chúng sanh, và quyết tâm giúp chúng sanh thoát khỏi những nỗi khổ ấy. Nhiều khi chúng sanh đang sống trong cảnh khổ mà họ không hay biết, nhiều khi còn cho là vui nữa. Người Phật tử thương xót tất cả mọi người mà

không bao giờ nghĩ đến sự ghi ơn, hay là sự đền đáp. Học như Phật vậy, thương chúng sanh như cha thương con.

Người Phật tử chân chánh, thương người cũng như thương ta, vì bị cái màn vô minh che lấp mà phải cứ mãi luân chuyển trong luân hồi. Thương cho phàm phu đợi đến khi cái khổ nó ập đến, ta mới nhận ra. Nhiều khi ta mãi chạy theo dục vọng, có nhiều khi ta vỗ tay tán thán cái khổ mà ta không hay; nhiều khi chính ta bật diêm đốt nhà mà cũng không hay biết; chừng biết ra thì đã muộn. Bất cứ Phật tử nào cũng biết là lòng Đại Bi chính là động lực chánh để đi đến quả vị Bồ Tát và Phật, nên phát tâm bi và tu theo Bồ Tát hạnh; mở rộng lòng ra mà thương xót khắp cả chúng sanh, không phân biệt ta hay người, thân hay sơ, bạn hay thù, nghèo hay giàu, hèn hay sang, Việt Nam hay Mỹ, da trắng hay da đen...

204. NGƯỜI PHẬT TỬ VÀ CÁI TÂM HỈ

Đối với người khác mà mình tạo ra niềm vui trong cái ban vui cứu khổ, thì chính mình cũng sẽ vui theo cái vui của họ. Nói cho đúng nghĩa chữ ‘Hỉ’ ở đây có nghĩa là vui theo. Mà vui theo cái gì? Phóng tâm mà vui theo những cảnh trần không khác gì đang đón xe đi về địa ngục vậy. Tạo tác ra ác nghiệp chẳng khác nào ta đang vay một món nợ kết xù. Làm ác đã đành là phải luân hồi tiếp tục để đền trả nghiệp báo; mà thấy người làm ác không khuyên thì tội nào có kém chi. Thói thường, thấy ai làm gì sai luật còn bị đòi ra tòa làm nhân chứng, huống hồ gì là thấy người tạo ra ác nghiệp mà không can không ngăn thì cũng phải tiếp tục luân hồi để chứng kiến cảnh người vay trả.

Là Phật tử làm thiện mà tự vui nơi đáy lòng thì nên làm; ví bằng thấy người khác làm thiện được người ca tụng mà bắt

chước làm theo thì chẳng nên làm. Vì như vậy chẳng những không có lợi mà còn trường dưỡng trong ta cái danh, cái lợi, và cái ngã mạn cống cao mà thôi. Phải tập cho được cái vui trong sạch của chư Phật, chứ đừng để bị quay cuồng trong ích kỷ, hẹp hòi của phàm phu. Xin hãy vui theo những việc nhơn từ; thấy người khác bố thí, ta tán thành như chính ta bố thí. Mình giúp ai bớt được nỗi khổ, mà có niềm vui là mình vui như chính mình có được cái an lạc ấy vậy.

205. NHỮNG ĐỨC TÁNH TỐT CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ

Một khi đã nhận mình là Phật tử, nghĩa là con Phật thì ít ra mình cũng phải có, hoặc tập tành những đức tánh cao quý của các đấng Như Lai. Là người Phật tử nên:

- **Phát tâm làm lợi ích cho tất cả chúng sanh mọi loài.
- **Giúp đỡ mà không phân biệt sang, hèn, thù hay bạn.
- **Luôn luôn tự hạ mình mà bỏ đi cái cống cao ngã mạn.
- **Phải thương xót chúng sanh mọi loài một cách chân thật.
- **Phải luôn luôn dùng lời ái ngữ, dịu dàng.
- **Đối với các chúng sanh thường khởi lòng Từ Bi.
- **Thường tìm cầu học hỏi giáo pháp mà tâm không nhàm chán; nghe giáo pháp không bao giờ thấy đủ,
- **Thường hay xét lỗi mình chứ không nói chỗ phạm của người khác.
- **Việc thiện dù nhỏ cũng làm; việc ác dù nhỏ cũng quyết tránh.
- **Luôn luôn nhẫn nhục và tinh tiến.
- **Phải biết xa rời tâm nhỏ hẹp để thực hành đức hạnh bao la.
- **Phải biết giao du với bạn lành mà xa lìa bạn ác.

- **Phải phát tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả.
- **Làm phước mà không cầu quả báo.
- **Phải luôn luôn lấy giới luật làm thầy.
- **Không nấy lòng sân hận, cũng không buông lòng ái dục.
- **Phải tránh nhân quả báo ứng oán thù.
- **Phải luôn biết ăn năn lỗi trước và chừa bỏ lỗi sau.

Người Phật tử mà hành trì được những điều trên đây thì chẳng những thân tâm mình thường an lạc, mà những người quanh ta cũng được an lạc.

206. THẾ NÀO LÀ THANH TỊNH TRONG ĐẠO PHẬT?

Chúng ta đã nói rất nhiều về chữ tu và tu làm sao cho được thanh tịnh. Cũng như rất nhiều Phật tử đã đề cập đến vấn đề thanh tịnh, nhưng lại không thấu triệt được hết mạch nguồn của thanh tịnh. Thanh tịnh là căn bản của người tu Phật, và là cội nguồn của một xã hội văn minh. Cho nên bất luận trong đạo hay ngoài đời ta phải tu tập đức thanh tịnh. Đức Phật đã dạy: “Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương.” Nghĩa là hễ thân, miệng, ý mà trong sạch, sẽ được sanh về cõi Phật như chư Phật vậy. Tuy nhiên, cái thanh tịnh mà ta nói ở đây, ở cõi nước tạm bợ này, chỉ là sự thanh tịnh tương đối mà thôi; chỉ khi nào ta tu cho dứt được sanh tử thì khi ấy cõi tịnh tịch mới là vĩnh hằng.

Khi nói đến thanh tịnh thì ta phải hiểu là thanh tịnh cả căn, trần và thức. Phật giáo không chủ trương duy vật hay duy tâm, mà Phật giáo tin theo thuyết duyên sinh. Duyên sanh có nghĩa là vạn vật do duyên hòa hợp mà có. Đối với Phật giáo, con người là do sự kết hợp của sinh lý, vật lý và tâm lý. Nếu thiếu một trong ba thứ này thì không có sự tổng hợp nào cả. Sinh lý ở đây chỉ sáu

căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý. Vật lý ở đây chỉ sáu trần (ngoại cảnh); và tâm lý chỉ sáu thức.

Căn, trần, và thức là một cái đỉnh ba chân; thiếu một chân thì đỉnh không thể nào đứng được. Sáu trần và sáu thức phải nhờ môi giới của sáu căn để tác dụng. Trần (ngoại cảnh) và thức mà không có căn thì không có tác dụng gì cả. Thí dụ như nói là cảnh đẹp, mà không có mắt thấy cảnh thì không có gì xảy ra cả. Sáu trần và sáu căn mà không có thức thì không có sự phân biệt. Tương tự, sáu căn và sáu thức phải có trần (ngoại cảnh) mới có công dụng. Thí dụ mặt hồ, bóng phản chiếu và sự thấy bóng phản chiếu; trần là cái mặt hồ, nhờ căn và thức phối hợp mà ta biết có cái bóng phản chiếu trên mặt hồ.

Sáu căn là những cấu tạo sinh lý nơi con người như mắt, tai, mũi lưỡi, thân, và ý; mà trong đó ý là thần kinh não bộ, là chỉ huy sở. Còn sáu thức tác dụng giữa tâm lý bên trong và những hiện tượng vật lý bên ngoài. Mắt có thần kinh thấy; tai có thần kinh nghe; mũi có thần kinh ngửi; lưỡi có thần kinh nếm; thân có thần kinh tiếp xúc; và cuối cùng ý phát ra từ chỉ huy sở của thần kinh não. Có cảnh bên ngoài mà không có ai làm môi giới thì đâu có thức để mà biết cảnh. Thí dụ một người mù là người thiếu mắt thần kinh thấy; đứng trước cảnh trăm hoa đua nở, người ấy vẫn bình thản như thường. Thế mới biết có trần mà không có căn thì thức cũng đành thúc thủ.

Sáu trần là những ngoại cảnh thuộc về màu sắc, âm thanh, mùi, vị, mềm, cứng, nóng, lạnh... Lúc sáu căn tiếp xúc với sáu trần là lúc mà màu sắc được con mắt thấy; âm thanh được lỗ tai nghe; mùi được lỗ mũi ngửi; vị được lưỡi nếm; mềm, cứng, nóng, lạnh được thân tiếp xúc; và pháp được ý nhận biết. Do nơi sáu căn tiếp xúc sáu trần mà sản sinh ra sáu thức. Thức dùng để phân biệt và ghi nhớ. Một người chết đã mất đi sáu căn thì dù có trần hiện diện, thức cũng không có tác dụng.

Như trên ta đã thấy sự liên hệ dây chuyền của căn, trần và thức. Trong ba thứ này, tuy căn chỉ là những sinh lý bình thường, nhưng hễ cột được nó, đương nhiên nó không chạy theo trần được, thì tự nhiên bất chiến tự nhiên thành, thức cũng bị ta ràng buộc nốt. Chính vì vậy mà ta thường nghe tu cho sáu căn thanh tịnh. Hễ sáu căn đã thanh tịnh rồi thì trần và thức cũng thanh tịnh. Từ vô thủy đến nay, mọi tội lỗi đều do sáu căn tạo ra. Như mắt tham sắc; tai tham nghe; mũi tham ngửi; lưỡi tham nếm vị ngọt ngon; thân tham tiếp xúc với những êm dịu; và ý tham vui. Tham mà không được thì sanh ra sân hận; tham quên mất đạo lý và lẽ phải; tham sanh ra si mê. Chính từ tham, sân, si mà ta phải mang những phiền não vì muốn mà không được, hoặc vì quá muốn mà ta quên mất lẽ phải và đạo lý mà làm điều càng bậy rồi phải ân hận cả đời, ấy là phiền não. Rồi cứ như thế mà ta cứ mãi quanh quẩn trong vòng luân hồi sanh tử.

Ta đã thấy rõ sáu căn buồng lung là cội rễ của tội lỗi, phiền não, và luân hồi sanh tử. Muốn được thanh tịnh và thoát ly khỏi sanh tử luân hồi, con đường duy nhất của người Phật tử là hãy đến quỳ trước đài vô thượng giác mà thành khẩn, mà công phu tu trì cho được giới, định và huệ. Nói là giới, định và huệ, chứ thực ra chỉ cần ta giữ cho được giới và định thì trí huệ tự nhiên phát sanh. Muốn đạt được giới và định thì ta phải tu cả thân lẫn tâm. Thân thì cột sáu căn, còn tâm thì định tĩnh loại bỏ đi những niệm xấu. Loại bỏ bằng cách nào? Hãy nhìn mà học theo cái gương của Đức Từ Phụ năm xưa; Ngài đã thiền dưới cội Bồ Đề suốt 49 ngày đêm để đạt đến đại định. Ngài đã thành Phật vì Ngài có cái tâm kiên cường và định tĩnh. Phật tử nếu thấy mình hãy còn cái thân tâm buồng lung thì hãy ngay từ bây giờ nên loại bỏ những hành vi bất thiện. Làm sao để loại bỏ những hành vi bất thiện? Chính Đức Thế Tôn đã dặn dò các đệ tử là về sau này không có Ngài, các đệ tử nên lấy giới luật làm

thầy. Ngài đã dặn dò ngoài việc định tâm, giới chính là cái bánh lái đưa thuyền giác ngộ đáo bỉ ngạn. Như vậy ý của Phật là muốn tu thân phải giữ giới để cho những chuyện xấu xa không thể lọt vào các căn mà kéo cái thức dậy. Từ đó không gieo rắc vào nội tâm những hạt giống luân hồi.

Thanh tịnh có dễ hay không? Đường tu không dễ thì đường thanh tịnh cũng không dễ. Tuy nhiên, không dễ không có nghĩa là không làm được. Là Phật tử chân chánh ta quyết tâm noi theo gương của Đức Từ Phụ, quyết giữ gìn giới luật của nhà Phật. Lúc nào cũng coi giới luật như là những dụng cụ dập tắt lửa tham, sân, si và ái dục, nên lúc nào cũng mang giới luật theo bên mình. Hễ những thứ lửa ấy nổi lên là ta dập tắt ngay; quyết không cho một đốm lửa, dù nhỏ, ngun ngún trong ta. Được như vậy thì cho dù xem thử, nghe thử, ngửi thử, mặc thử... ta cũng quyết không làm. Vì hễ còn làm là còn ham thích, là còn không bỏ; mà không bỏ thì làm gì được thanh tịnh. Xin hãy đừng chạy theo cảnh, dù cảnh đẹp; đừng chạy theo âm thanh, dù êm dịu; đừng để ý đến những mùi hương, dù là hương thơm tuyệt diệu; đừng nếm, dù là mỹ vị; đừng tiếp xúc, dù là tươi mát; đừng chạy theo pháp; đừng để cho giác quan sinh lý của ta chuyển theo cảnh hư huyền của trần tục nữa. Có được như vậy, không đợi gì Niết Bàn bên kia, mà là hiện tại đã là một Niết Bàn tương đối an lạc và tự tại rồi.

207. NHỮNG LỜI HAY TRONG LỄ ĐẠO

Dưới đây là những lời hay trong lễ đạo mà Thiện Phúc đã ghi lại được trong những lúc đàm đạo với những đạo hữu Thiện Đức, Minh Tuấn, Minh Hạnh, và Minh Bình; hoặc trong những lần may mắn được đàm đạo với các Thầy. Thiện Phúc xin được

chia xẻ cùng các đạo hữu khác để chúng ta cùng được hưởng sự lợi lạc. Trước hết Thiện Phúc xin chân thành cảm tạ quý thầy và quý đạo hữu đã cho Thiện Phúc có cơ hội học hỏi và tăng trưởng trí huệ trên con đường đi về đất Phật.

**Tu là biết nhường nhịn và không phiền giận.

**Tu là không nói hành nói tỏi ai.

**Tu là nhìn mình chứ không nhìn người.

**Tu là không để cho tâm mình buông lung, mà phải biết dùng giới luật để buộc nó lại.

**Tu là cố gắng làm những điều lành và lánh xa những điều ác.

**Tu là không vương mắc thị phi.

**Tu là giữ gìn từng lời ăn tiếng nói.

**Tu là cầu học cho được cái trí huệ của Phật; phải tham thiền nhập định, chứ không mải mê sự vui khổ ngoài đời.

**Tu là không mê tín. Mê tín sẽ không bao giờ thấu đáo được chân lý. Mê tín sẽ không bao giờ hiểu được lời Phật dạy, hoặc hiểu sai lệch đi.

**Tu là tìm đến với chân lý.

**Tu là tin và làm theo Phật chứ không phải mãi theo hâu Ngài.

**Ai cũng tu được, vì hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh. Nếu tu y như Phật thì sẽ thành Phật.

**Tu là bỏ đi cái cảnh giả của cuộc đời với bao nhiêu đau khổ, phiền não để đi vào cái cảnh chân thật của thanh tịnh.

**Tu là không còn tham tương tranh lợi lạc.

**Tu là xóa bỏ mọi hiềm khích, giận hờn và tham vọng.

**Tu là nhìn vinh hoa phú quý như bọt bèo.

**Tu là nhìn lợi danh và uy quyền như ánh điện chớp; chúng đến rồi đi trong khoảnh khắc.

**Tu là chẳng màng đến công danh, sắc đẹp và tiền tài.

**Tu là không bao giờ thay đổi, dù vui khổ, dù tiền tài, dù danh lợi.

- **Tu là không hãm hại ai.
- **Tu là biết quan sát lòng mình.
- **Tu là không nói chuyện thị phi của người.
- **Tu là luôn nhớ rằng tạo ác nghiệp thì phải lãnh ác báo.
- **Tu là luôn hiểu rằng đời là biển khổ; muốn sống trong cái biển ấy mà đừng khổ thì trước tiên phải nghe theo những gì mà Đức Từ Phụ đã dạy để diệt cái khổ đi đã.
- **Tu là luôn biết hậu quả của chuyện mình làm.
- **Tu là thà nghèo, chứ không làm giàu trong bất chánh.
- **Cái báo thù hay nhất của người biết tu là không bao giờ báo thù.
- **Tu là biết nuôi dưỡng lòng Từ Bi nơi ta.
- **Tu là xem vinh hoa phú quý như gió thoảng mây bay; xem cuộc đời như ánh điện chớp.
- **Tu là biết sống hòa hiệp với mọi người chứ không mạnh được yếu thua.
- **Tu là biết luật vô thường nó chẳng thiên vị một ai.
- **Tu là biết hoa sớm nở tối tàn; đời người mới trẻ đó rồi già đó, có khác gì nụ hoa kia đâu.
- **Tu là không lằm chập để gây thêm chướng nghiệp.
- **Tu là biết rằng tất cả sự việc trên đời này đều giống như sương mai trên đầu cỏ; ánh ban mai vừa ló dạng thì nó cũng tan biến theo.
- **Tu là biết cuộc đời là giả tạm, là sinh tử luân hồi.
- **Tu là biết không ngọn lửa nào bằng ngọn lửa tham ái; không phiền não nào bằng sân hận; không khổ đau nào bằng ngũ uẩn; không nguy hại nào bằng dục tình; và không ngu dại nào bằng si mê.
- **Tu là biết bỏ qua đi những gì đã qua và không bận tâm lo cho chuyện gì chưa tới.
- **Tu là chẳng màng việc hơn việc thua.

- **Hễ mình còn nghĩ tới danh lợi là mình chưa tu.
- **Tu là biết giữ cho tâm bình thường trước mọi dao động.
- **Tu là không còn màng đến nhục, vinh nữa.
- **Tu là nên biết sự nguy hiểm của đồng tiền; đồng tiền làm thế gian thay đen làm trắng; thẳng hóa xiên; trí hóa ngu...
- **Tu là biết giữ cho tâm mình đừng nóng giận; biết lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau; biết dòm ngó mình chứ không dòm ngó người; biết an phận thủ thường; biết đủ; biết khiêm tốn khi đắc thắng; biết nhập gia tùy tục chứ không khư khư giữ lấy tục mình.
- **Tu là biết bớt ham, bớt lo, bớt hung dữ, bớt tranh tụng.
- **Tu là biết nói cái gì đáng nói, và không nói cái gì không đáng nói; biết những gì đáng biết, và không biết những gì không đáng biết.
- **Tu là biết thì nói biết; không biết thì nói không biết.
- **Tu là biết chịu trách nhiệm những gì mình đã làm, sắp làm, và cũng chịu trách nhiệm những gì mình đã sai người khác làm, hoặc những gì mình cản không cho người khác làm.
- **Tu là biết tự răn mình về sắc đẹp, dục tình, nóng giận, si mê, lòng ích kỷ và bòn sẻn.
- **Người tu không hứa bậy; không tin bậy; không nghe bậy và cũng không làm bậy.
- **Tu là biết rằng ngã mạn, cống cao, gian tham, ái nhiễm và ỷ lại là những liều thuốc độc.
- **Tu là biết bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định và trí huệ là con đường đưa ta đến giác ngộ và giải thoát.
- **Tu là biết tự xử án lấy mình.
- **Tu là có tâm bình đẳng khi bố thí; không bao giờ hỏi tại sao người cầu giúp đỡ; không có ý lợi dụng kẻ được bố thí; không bố thí rồi sung sướng mà tự khen ngợi lấy;

- không chỉ nói suông mà chẳng cho gì cả; không cho rồi ác khẩu mắng chửi; không cho rồi sanh lòng nghi; không cho rồi đem lòng tiếc; không cho rồi câu được đền đáp.
- **Người biết tu sẽ mỉm cười trước những lời vu cáo; coi chúng như dục đường gió bụi.
 - **Tu là biết làm con người khó được vẹn toàn; có khi ta hơn người, nhưng lắm khi người hơn ta.
 - **Tu là biết mình đang sửa tánh trau tâm.
 - **Tu là không cần thấy tật xấu của người, mà phải mau lo diệt tội lỗi của mình.
 - **Tu là luôn biết vạn vật vô thường mãi tụ tan; hoa thì sớm nở tối tàn; đời người thì nhanh như ánh điện chớp.
 - **Tu là luôn biết nhiều tội lỗi gây ra bởi tiền tài và danh vọng.
 - **Người biết tu là người không nịnh bợ ai; không tâng bốc ai; không kiêu căng mà cũng không khinh khi ai.
 - **Người tu luôn nhớ rằng người nào giữ của bo bo mà không bố thí cho kẻ nghèo, thì chỉ là hạng người làm nô lệ cho vật chất và tội mọi cho đồng tiền.
 - **Người tu luôn thích làm điều lành, vì tuy phúc chưa tới mà họa đã đi xa.
 - **Người tu luôn soi gương lòng; hề thấy có dơ bẩn thì lau rửa ngay.
 - **Người tu luôn mang ơn những ai chỉ trích lỗi lầm của mình.
 - **Lúc chưa tu như thuyền xuôi gió đi vào địa ngục; lúc tu rồi như thuyền chèo ngược gió đi về đất Phật, tuy có chậm nhưng đi đúng đường.
 - **Người tu lúc nào cũng có cái tâm rộng để tha thứ; cái tâm trong sạch để cầu học; cái tâm bình đẳng để luận bàn; và cái tâm định tĩnh để đi đến giác ngộ.
 - **Người tu như vàng đem bỏ vào lửa; nếu là vàng thiệt thì

không sợ gì lửa đốt cháy tan.

- **Người tu là người biết rõ con người sanh ra với tiếng khóc nhưng sẽ đi vào cõi tịnh tịch với tiếng cười.
- **Người tu luôn biết rằng nếu trách người mà trách vô lý là mình điên; giận người mà giận vô cớ là tự mình làm khổ lấy mình.
- **Người tu lúc nào cũng biết rằng cho dù suốt đời làm lành cũng chưa đủ; mà phải cột chặt cái tâm mình lại, đừng cho nó tiếp tục rong ruổi nữa.
- **Người tu làm ơn chớ nhớ, thọ ơn chớ quên.
- **Người tu nên luôn nhớ rằng nếu mình còn được nhiều người yêu thích là mình sẽ còn bị kẹt vào một cái thế rất khổ.
- **Người tu luôn hiểu rằng cho dù ăn ở hiền lành mà lắm khi thọ nạn; ấy là nghiệp trước còn mang. Hiểu như vậy để đừng trách ai mà vương thêm nghiệp mới.
- **Tu là thấy người giỏi không ganh; thấy người dở không khinh.
- **Người tu khi làm việc thiện không sợ thất bại; nói việc thiện không sợ bị chê cười; ở không sợ không vừa lòng; và đi không sợ không đến chốn.
- **Người tu muốn sống không sát hại; muốn an ổn không gian tham trộm cướp; muốn sung sướng thì đừng làm khổ ai.
- **Người tu thường tìm hỏi xem người nói như vậy có nghĩa gì, chứ không kết luận hàm hồ.
- **Người tu không cầu được nổi trên mặt nước, hoặc bay được trên không; vì như vậy có hơn chi cọng rác hay con ruồi, có ích gì cho ai đâu, mà có khi còn có hại. Người tu là cần mở rộng tình thương đến cho muôn loài và chế ngự được tâm mình.
- **Người tu luôn biết rằng thường nghe những câu trái tai,

thường gặp những chuyện gai mắt; ấy chỉ là cơ hội mài giũa cái tâm mình mà thôi.

- **Người tu luôn biết rằng cái khổ của con người không phải là ở sự nghèo đói, nghịch cảnh, hoặc chết chóc; mà là không hiểu được nguyên nhân của cái khổ và không biết sanh ra để làm gì.
- **Người tu thường làm những gì mình đã khuyên bảo kẻ khác.
- **Người tu biết làm điều lợi và biết trừ điều hại.
- **Người tu nghe chó sủa không dừng lại để nghe.
- **Tu là biết rằng tham dục nấy mầm đau khổ và sợ hãi.
- **Tu là luôn nghĩ phải làm một điều gì đó có lợi cho người khác.
- **Tu là biết giữ cho tâm mình lúc nào cũng chỉ có một tư tưởng xứng đáng; hễ vọng niệm chen vào là phải loại nó ngay.
- **Tu là chấp nhận không vị kỷ, mà vị tha.
- **Tu là luôn biết rằng kẻ thù làm hại ta nhất là sự tham dục, lòng đố kỵ và ganh ghét trong ta.
- **Tu là luôn thương tưởng đến những người bất hạnh.
- **Tu là luôn biết rằng chuyện gì rồi cũng sẽ qua đi; thời gian sẽ chữa lành tất cả các vết thương.
- **Tu là không bao giờ dùng lời lẽ thô lỗ và thiếu nhã nhặn để sỉ vả hay bắt bẻ ai.
- **Tu là không bao giờ tìm cách chống chế cho những lỗi lầm mà mình đã tạo ra.
- **Tu là biết can đảm đương đầu với những chỉ trích.
- **Tu là biết rằng những tật xấu mà ta nhìn thấy ở người khác là phản ảnh những tật xấu của chính bản thân ta.
- **Tu là biết rằng trên đời này không có cái gì là của ta cả; chẳng qua chúng đến với ta trong khoảnh khắc rồi chúng lại đi.
- **Tu là chẳng bao giờ hối tiếc cái bóng mờ của dĩ vãng.
- **Tu là biết rằng thiện và ác nghiệp sẽ theo ta qua bên kia đáy mồ và sự luân hồi sanh tử của ta.

- **Tu là biết mưu cầu hạnh phúc cho mình mà không làm gì phương hại đến kẻ khác.
- **Tu là biết rằng của cải vật chất chỉ xây dựng được căn nhà cho ta tạm trú, chứ không xây dựng được ta.
- **Tu là biết thanh lọc những ý nghĩ bất tịnh trong tâm ta.
- **Tu là biết rằng trong tương lai ta sẽ phải nhận lãnh tất cả những gì mà ta đang tạo tác trong hiện tại.
- **Người tu không cầu đợi Niết Bàn ở đời sau mà hưởng Niết Bàn ở ngay trong đời này.
- **Tu là biết rằng hạnh phúc không bao giờ đi đôi với giận hờn, oán ghét, vị kỷ và những tư tưởng sai lầm.
- **Tu là không bao giờ trách ai; mà biết rằng đau khổ hay hạnh phúc là do chính ta tạo nên nếu không ở đời này thì cũng ở đời quá khứ.
- **Tu là biết rằng một khi tâm trí con người được rèn luyện, nó sẽ chẳng những có ích cho người đó, mà còn có ích cho mọi người chung quanh.
- **Tu là biết tự tin nơi chính mình, chứ không ngồi chờ sung rụng.
- **Tu là không bao giờ tin tưởng mù quáng ở bất cứ ai.
- **Tu là biết triển khai kỷ luật nơi chính mình; biết dùng lòng từ bi và trí tuệ để chấm dứt mọi đau khổ và sợ hãi.
- **Tu là biết rằng ta phải tự giác ngộ và giải thoát, chứ không ai giác ngộ và giải thoát giùm ta.
- **Tu là biết rằng tin theo tha lực là chỉ đưa đến sự ỷ lại, sợ hãi và dị đoan mà thôi.
- **Tu là biết rằng thiện nghiệp như những hương thơm; ta không thể nào rót nó vào người khác mà không vương vài giọt trên người ta.
- **Tu là biết rằng bộ đồ mà ta đang mặc chỉ tô điểm cái thân xác ta, chứ nó không làm cho ta đẹp.

- **Tu là biết rằng chỉ có phẩm hạnh mới làm cho ta đẹp mà thôi.
- **Tu là không màng đến sự biết ơn của kẻ khác, nó như những đóa hồng đầy gai thôi.
- **Tu là không kể đến sự bội ơn của người, nó như là loài cỏ dại bên đường.
- **Tu là luôn biết giá trị của lòng Từ Bi Hỉ Xả, thành thật và siêng năng lúc nào cũng là những phẩm hạnh cao đẹp ở bất cứ đâu.
- **Tu là biết làm những điều lành mạnh và loại bỏ những điều xấu ác có hại cho người.
- **Tu là không phê phán người, mà là phê phán mình.
- **Tu là biết rằng dòm ngó lỗi người chỉ nuôi dưỡng lòng ngã mạn và tật xấu dơ bẩn nơi ta mà thôi.
- **Tu là biết rằng phàm phu khó chiều; không nói cũng chê; nói ít cũng chê; mà nói nhiều cũng chê.
- **Tu là không chạy theo những thú vui của phàm phu.
- **Tu là biết rằng có lỗi mà biết để sửa, để tránh tái phạm; ấy là nhờ được gốc rễ của tội lỗi.
- **Tu là chẳng bao giờ nói dối, nói lừa hai chiều, nói lời thù ghét; hoặc giận dữ hay tà kiến.
- **Tu là thường biết rằng trên đời này không ai đối gạt ta; mà chỉ có chính mắt, tai, mũi, lưỡi của ta đối gạt ta thôi.
- **Tu là biết rằng những lỗi lầm tệ hại của mình có thể tránh được pháp luật và người khác, chứ không tránh được chính mình.
- **Tu là luôn biết rằng một niệm khởi sân, tức thì muôn ngàn cửa chướng sẽ mở ra.
- **Tu là luôn biết cố công thiền định để cột kèm cái ý mã tâm viên của ta lại.
- **Tu là luôn biết rằng ngã mạn, ỷ lại, gian tham, tội lỗi, thù hiềm. ganh tị chỉ là những cửa đưa ta vào địa ngục mà thôi.
- **Tu là biết xem người như xem mộc; đừng vì một chỗ nứt nhỏ

- mà bỏ cả cây; đừng vì một việc xấu của người mà bỏ người.
- **Tu là luôn biết rằng hễ ghét người thì tâm ta hư, mà thương người thì tâm ta tốt.
 - **Tu là biết rằng càng mưu sâu kế độc thì càng nhiều tai họa rình chờ.
 - **Tu mà chưa có đủ đức để độ người thì nên xa lánh những kẻ đàng điếm, hút xách, cờ bạc, gian ác, bất hiếu, phản phúc và bội tín; họ dữ dằn còn hơn loài rắn độc.
 - **Tu là biết mình đang học theo Phật, một đấng Giác Ngộ hoàn toàn.
 - **Người tu luôn biết nguyên nhân của cái khổ là tham ái để trì chí đi theo con đường của Đức Thế Tôn là chấm dứt tham ái mà thoát khổ.
 - **Người tu không chỉ sùng bái Phật mà còn phải thực hành rốt ráo lời dạy của Phật.
 - **Người tu lúc nào cũng phải lấy giáo pháp làm thầy như lời Đức Từ Phụ đã dạy.
 - **Người tu lúc nào cũng tỉnh Phật trụ thế.
 - **Người tu lúc nào cũng mang trong người đầy đủ Tam Qui Ngũ Giới.
 - **Người tu lạy Phật chứ không lạy tượng. Nếu lòng ta thành, ta có thể lạy Phật mà không cần tượng.
 - **Người tu luôn nhớ rằng Tâm dẫn đầu, Tâm làm chủ, Tâm tạo tác tất cả. Tâm ô nhiễm là khổ; Tâm thanh tịnh là Niết Bàn.
 - **Người tu luôn biết rằng không ai lăng mạ và đánh đập mình cả; chỉ có sự lăng mạ và đánh đập. Nó đến rồi đi như những nợ nần phải trả.
 - **Người tu luôn biết rằng chúng ta như những ngọn nến cháy dở; không nhất thiết phải hết nến mới tắt; mà ngọn gió nhỏ cũng có thể làm tắt nến. Biết như vậy để

thu xếp thời giờ mà tu.

- **Người chân tu luôn luôn thành thật khắc kỷ.
- **Người tu luôn biết rằng cứ tiếp tục phạm lỗi để tiếp tục ăn năn là tự làm chết mòn mình. Cứ than buồn và thất vọng mãi là tự đang đọa mình vào cảnh khổ.
- **Tụng kinh nhiều mà buông lung không hành trì thì chẳng khác chi người chăn bò cho người; chỉ ngày ngày đếm bò chứ chả bao giờ làm chủ bò.
- **Ít tụng kinh mà sống với Phật pháp thì vẫn hưởng phần lợi lạc của giải thoát.
- **Người tu luôn nhớ rằng sống mà buông lung thì không khác gì thầy ma biết đi.
- **Người tu không tẩm vào mình một thứ dầu thơm nào, ngoại trừ hương thơm đức hạnh.
- **Người tu luôn nhớ rằng nói điều lành mà làm ác thì ví bằng chẳng nói.
- **Như tu mưu sanh không làm hại đến người như ong đi hút mật mà chẳng làm tổn hại đến hoa.
- **Người tu giữa chốn phồn hoa đô hội mà tâm chẳng buông lung, luôn an trú trong chánh trí như hoa sen vượt lên từ trong bùn nhơ mà thanh khiết ngạt ngào.
- **Người tu luôn biết rằng chính ta còn không có thiệt huống hồ chi tiền tài và danh vọng.
- **Người tu luôn nhớ rằng ác nghiệp mãi đeo đuổi ta như lửa ngùn giữa tro than.
- **Người tu luôn được người lành kính yêu, nhưng luôn bị kẻ dữ ghét bỏ vì người tu luôn khuyên người làm thiện, những điều mà kẻ dữ không muốn.
- **Người tu sẽ không vị tình những ai làm điều sai quấy.
- **Người tu không mong cầu thành công bằng những phương tiện bất chánh.

- **Người tu không chỉ đến chùa lạy Phật, mà là đến chùa để học cho bằng được con đường giải thoát của Phật.
- **Người tu luôn biết rằng ta vẫn còn là phàm phu và ta đang sửa đổi những xấu xa thành hay tốt.
- **Người tu không cầu được ai cho phước hoặc bình an, mà cầu tự mình tiến tu.
- **Người tu luôn biết rằng tin như quả là chánh tín và tin mọi sự vật được tạo bởi như duyên là chuyện khoa học.
- **Người tu luôn thấy rằng mê tín là lòng tin mù quáng không thấy lẽ thật. Mê tín sẽ đưa ta đến chỗ hễ cầu mà toại nguyện thì tin; mà cầu không toại nguyện thì bỏ đạo.
- **Tu là biết rằng công danh phú quý là tuồng ảo ảnh; còn tiền bạc càng thu nhiều thì càng khổ nhiều.
- **Tu là không buồn ai; không ghét ai; không trọng ai, không khinh ai; mà cũng không thương ai.
- **Tu là biết rằng Phật hay ma đều do ta mà ra cả.
- **Tu là biết gốc của cái khổ là tham ái và si mê.
- **Người tu luôn biết rằng nghèo vật chất không bằng nghèo đức hạnh.
- **Người tu không bao giờ xao lãng giới, định, huệ; mà chỉ xao lãng tham, sân, si.
- **Người tu lúc nào cũng kiên nhẫn, ôn hòa. Lúc nào cũng thương mến người và vật.
- **Người tu thì lúc giàu, lúc nghèo, lúc sang, lúc hèn, lúc ốm, lúc mạnh, lúc trẻ, lúc già cũng thế, trước sau không dời đổi.
- **Người tu luôn biết rằng lợi tha và lợi dụng là hai nghĩa hoàn toàn khác nhau.
- **Người tu thường nhớ câu không vay, không trả.
- **Người tu là biết phải thương muôn loài chứ không để chúng sanh nào phải hy sinh cho ngon miệng ta.
- **Người tu luôn hiểu rõ là lúc nào tâm ta cũng tạo cảnh

chứ không để cảnh tạo tâm.

**Người tu bố thí phải do tâm đại bi và lòng đại nguyện. Dám hy sinh tánh mạng và tài sản mà bố thí; lúc nào cũng cho; chỗ nào cũng cho. Ấy là sự bố thí của kẻ giác ngộ.

**Người tu luôn biết rằng mắt tai mũi lưỡi là những mối lái đưa giặc vào đoạt của châu báu nhà mình.

**Người tu luôn nhớ rằng cái tâm nó lạnh lẽ, khó mà nắm bắt và điều phục nó lắm.

**Người tu nên nhớ rằng trong bất cứ cuộc cãi vã nào, cả hai đều thua.

**Người tu luôn nhớ rằng ngu si tham đắm sắc dục cũng giống như dòi bọ nằm trong đồng phân, cứ tưởng phân ngon.

**Người tu luôn nhớ rằng đời người như ánh điện chớp, nhưng Đức Thế Tôn đã nhờ cái ánh điện chớp ấy mà đắc quả Như Lai; thì ta cũng quyết đi vào cõi tịnh tịch bằng ánh điện chớp như Ngài. Biết đâu ta đã tu được hai a tăng kỳ kiếp chín chín chín rồi; bây giờ chỉ cần một ánh điện chớp nữa là xong ngay.

**Người tu luôn nhớ rằng bất cứ người nào mà ta gặp cũng đều có cái gì đó hơn ta. Biết như vậy ta sẽ luôn học hỏi được thêm.

**Người tu nên luôn nhớ rằng người sống nhiều là người không để thời gian luống qua vô ích chứ không phải là người nhiều tuổi.

**Người tu phải luôn nhớ rằng địa vị cao nhiều người ganh; quyền thế lớn nhiều người ghét; chí hương to lắm kẻ thù; lợi lộc nhiều lắm kẻ oán.

**Người tu quyết không bao giờ mắc phải những chứng bệnh khinh lớn, tự mãn và thụ hưởng.

**Người tu luôn nhớ sanh, già, bệnh, chết là khổ; ái biệt ly là khổ; oán tắng hội là khổ; sân là khổ; si là khổ...Nghĩa là cái gì của phàm phu là khổ. Chỉ có cõi tịnh tịch giải

thoát mới là niềm an vui vĩnh hằng.

**Người tu lúc nào cũng nên nhớ rằng mình đang tập xa bỏ dục lạc, ái dục, những điều đáng mừng, những điều không đáng mừng, chấp trước, thù hận, hung hăng, và bất cứ một vọng niệm nào khởi lên.

**Người tu muốn dứt sạch hết khổ não thì nên có thái độ thành khẩn và hành vi đoan chánh.

**Người chưa tu nuốt bồ hòn rồi mới biết đắng; người tu rồi thì biết bồ hòn đắng mà không nuốt.

**Người tu là người luôn chế phục được mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

**Người tu luôn biết rằng những tham, sân, si, ngã mạn, cống cao... là những thứ làm khảm thuyên ta. Hãy tát chúng ra cho thuyên nhẹ mà lướt nhanh đến bến bờ giải thoát.

Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật Đạo.